PHÂN BIỆT DANH
(Nāma Kammaṭṭhāna)

Ba Cách Phân Biệt Hay Quán Các Danh Pháp (Nāma Kammaṭṭhāna)

Tividho hi arūpakammaṭṭhane abhiniveso phassavasena vedanāvasena cittavassenāti (Chú Giải Trung bộ Vol.1 trang 180 Tạng Miến)

Có ba cách bắt đầu việc phân biệt các Danh Pháp (Nāma dhamma):

1. Cách phân biệt bắt đầu với Xúc (Phassa)
2. Cách phân biệt bắt đầu với Thọ (Vedanā)
3. Cách phân biệt bắt đầu với Thức (Viññāṇa)

Nếu hành giả là người hành Minh Sát thuần túy (thuần quán hành giả) thì chắc hẳn hành giả đã có thể phân biệt được các Sắc Pháp (Rūpa Dhamma) một cách thấu đáo bằng Minh Sát Trí rồi (Suvisudha Rūpa Pariggaha). Điều này là vì Danh Pháp của các chúng sinh có Năm Uẩn (Pañca Vokāra Sattā) khởi lên trong tiến trình tương tục (Santāna) của chúng phải nương vào một trong các Sắc Thần Kinh (Tịnh Sắc) đó là Thần Kinh Nhãn, Thần Kinh Nhĩ, Thần Kinh Tỷ, Thần Kinh Thiệt, Thần Kinh Thân; hay Hữu Phần (Bhavaṅga) nương vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa)

Do đó nếu hành giả chưa thể phân biệt được các Căn Sắc hay Sắc Vật (Vatthu Rūpa) dựa vào đó Danh Pháp khởi lên và tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) thì hành giả vẫn còn rất xa với việc có thể phá vỡ các khối tưởng của Danh và với việc đạt đến Minh Sát Trí, vốn nhận ra Thực Tại Tối Hậu hay Pháp Chân Đế của nó.

Lý do là vì, đối với người hành thiền có thể phân biệt được Sắc Pháp một cách thấu đáo thì các Danh Pháp sẽ hiện rõ trong Minh Sát Trí của họ theo một trong ba cách hay theo cả ba cách phân biệt Danh Pháp (Nāma Dhamma) đã nêu trên. Do đó, chỉ hành giả nào đã phân biệt được các Sắc Pháp một cách thấu đáo, mới nên cố gắng để phân biệt các Danh Pháp. Không phân biệt được Sắc Pháp một cách thấu đáo mà chỉ nhận ra được một hay hai Sắc Pháp bằng Minh Sát Trí và rồi không phân biệt tiếp các Sắc Pháp đó, hoặc từ bỏ việc phân biệt các Sắc Pháp (Rūpa Dhamma), thì nếu hành giả có gắng để phân biệt các Danh Pháp thì hành giả sẽ thụt lui trong việc tu tập (Kammaṭṭhānato Parihāyati- Vism. XVIII – 23).

Hai Điểm Cần Biết Và Nhớ Trước

Danh Pháp có thể được phân biệt qua các Căn Sắc (Vatthu Rūpa). Vì sự phân biệt theo các Căn Môn (Āyatana dvāra) thoát khỏi mọi 'sự vướng mắc' (đó là thoát khỏi sự lầm lẫn [Anākula]), như đã được hướng dẫn trong Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga - Bộ 2 trang 223 Tạng Miến) để phân biệt các Danh Pháp qua các Căn Môn, chẳng hạn như qua Lộ Nhãn Môn (Cakkhudvāravīthi) và v.v.. Nếu hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp và nếu hành giả là người Thuần Minh Sát (Suddha Vipassanā Yānika) hành giả phải ghi nhớ trước khi quán các Danh Pháp đó là :

1. Hành giả đã phân biệt rõ các Sắc Pháp
2. Hành giả phải phân biệt theo các Căn Môn (Āyatana Dvāra).

Ba môn — Thân Môn (Kāya Dvāra), Khẩu Môn (Vacī Dvāra) và Ý Môn (Mano Dvāra) được gọi là những cửa tạo nghiệp hay Nghiệp Môn (Kamma Dvāra). Sáu môn — Nhãn Môn (Cakkhudvāra), Nhĩ Môn (Sotadvāra), Tỷ Môn (Ghānadvāra), Thiệt Môn (Jivhādvāra), Thân Môn (Kāyadvāra) và Ý Môn (Manodvāra) được gọi là Lục Xứ Môn hay sáu cửa giác quan (Āyatana Dvāra). Điều đó có nghĩa là để phân biệt theo các Tiến Trình Tâm ở sáu cửa giác quan (Āyatana Dvāra) nhằm phá vỡ nguyên khối tưởng về các Danh Pháp (Nāma Ghana) và đạt đến Minh Sát Trí về Thực Tại Cùng Tột hay Pháp Chân Đế. Bốn khối tưởng về Danh Pháp sẽ được giải thích sau đây.

Chỉ Có Các Danh Pháp (Nāma Dhamma) Hiệp Thế

Vì các Danh Pháp (Nāma Dhamma) Siêu Thế không phải là đối tượng của thiền Minh Sát (Vipassanā) nên hành giả chỉ quán các tâm và tâm sở hiệp thế mà thôi. Trong các Danh Pháp hiệp thế, theo giải thích của Mahā Tika thì: "Labhino eva pana mahaggatacittāni supākatāni honti "(Mahā Tika tập 2 trang 353), nghĩa là: Tâm Đáo Đại hay Tâm Thiền (Mahagga Citta) chỉ rõ ràng đối với tiến trình tương tục của hành giả đã chứng thiền (Jhāna), và người chứng thiền thì phải phân biệt các Pháp Thiền (Jhāna Dhamma) mà mình đã chứng đạt được. Đối với ai chưa chứng thiền (jhāna), có thể bỏ qua việc quán các thiền chi. Hơn nữa tâm không thể khởi lên mà không có các tâm sở. Tâm và tâm sở sanh cùng với nhau như một nhóm trong mỗi sát-na tâm (Cittakkhaṇa).

Bốn Đặc Tính Của Tâm Sở (Cetasika) Đi Kèm Với Tâm Vương

(1) Ekuppāda: đồng sanh với tâm, hay khởi lên cùng một lúc với tâm
(2) Ekanirodhā: đồng diệt, hay diệt cùng một lúc với tâm
(3) Ekālambana: đồng một đối tượng, cùng có chung một đối tượng với tâm vương
(4) Ekavatthukā: đồng một căn, cùng có chung một Căn hay Vật (Vatthu) với tâm vương.

Theo quy luật tự nhiên thì bất cứ tâm sở nào đi kèm với tâm trong cõi Dục và cõi Sắc đều có bốn đặc tính nầy. Riêng trong cõi Vô Sắc thì đặc tính đồng một căn (Ekavatthukā) không có vì cõi nầy không có Sắc Căn (Vatthu Rūpa). Về tâm sở thì có năm mươi hai loại.

52 Loại Tâm Sở

(1) Sở Hữu Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇā): 7 tâm sở biến hành là những tâm sở luôn có mặt trong các tâm.
(2) Sở Hữu Biệt Cảnh (Pakinnakacetasika): 6 tâm sở
(3) Sở Hữu Bất Thiện (Akusalacetasika): 14 tâm sở
(4) Sở Hữu Tịnh Hảo (Sobhana Cetasika): 25 tâm sở thiện, tốt đẹp
Tổng cộng có tất cả 52 tâm sở.

Bảy Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇā)

(1) Xúc (Phassa): sự tiếp xúc hay xúc chạm của đối tượng [đặc tính (Lakkhaṇa)]; sự liên kết giữa đối tượng với thức [nhiệm vụ (Rasa)].
(2) Thọ (Vedanā): kinh nghiệm đối tượng .
(3) Tưởng (Saññā): ghi dấu (trong tâm) về đối tượng.
(4) Tư (Cetanā): sự đốc thúc, tổ chức các tâm và tâm sở phối hợp để hướng đến đối tượng .
(5) Nhất hành (Ekaggatā): - gom tâm vào một đối tượng
- an trụ vào đối tượng.

- không để các tâm sở tương ưng phân tán (đôi khi còn gọi là samādhi hay định)

(6) Mạng quyền (Jīvita): - chăm sóc các tâm, tâm sở đi kèm.
- khả năng điều hành các tâm sở đồng sanh cùng làm một phận sự.

(7) Tác ý (Manasikāra): - gom thâu đối tượng làm thành cảnh cho tâm.
- chú ý đến đối tượng.

Sáu Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇaka Cetasika)

(1) Tầm (Vitakka): hướng tâm đến cảnh hay là cách đem tâm đến đối tượng.
(2) Tứ (Vicāra): quan sát đối tượng một cách khắng khít (chăm chú quan sát)
(3) Thắng giải (Adhimokkha): quyết định trên đối tượng.

(4) Cần (Vīriya): siêng năng tinh tấn. (Nó là sự cố gắng để làm cho các tâm và tâm sở khởi lên trên một đối tượng. Trong trường hợp tâm bất thiện thì tâm sở nầy cố gắng làm cho tham hay sân hay si, v.v. khởi lên. Trong trường hợp tâm thiện thì tâm sở nầy cố gắng làm cho vô tham hay vô sân hay vô si khởi lên.

(5) Hỷ (Pīti): trạng thái tâm hoan hỷ hay thích thú với đối tượng.
(6) Dục (Chanda): sự mong muốn, ao ước một đối tượng, hay muốn tạo ra một đối tượng.

Lưu ý: Sáu loại tâm sở này không sanh cùng với tất cả tâm mà chỉ hợp với một số tâm, cho nên chúng được gọi là tâm sở Biệt Cảnh.

Tất cả, bảy tâm sở Biến Hành và sáu tâm sở Biệt Cảnh, mười ba tâm sở được gọi chung là Sở Hữu Tợ Tha (Aññasamānā). Chúng có thể khởi lên trong cả hai loại tâm - thiện và bất thiện.

Tầm – Tư – Tác ý (Vitakka – Cetanā- Manasikā)

Tầm (Vitakka) gom kết các Danh Pháp tương ưng để hướng tới đối tượng.

Tư (Cetanā) hướng các Danh Pháp tương ưng mà tâm sở Tầm đã thâu gom vào đối tượng.

Tác ý thì làm cho các Danh Pháp tương ưng hướng thẳng vào đối tượng, lèo lái tới đối tượng

Chú ý: Hãy nhớ rằng nhóm tâm và tâm sở cùng sanh với nhau trong một sát- na tâm được gọi là Danh Pháp Tương Ưng (Sampayutta Dhamma).

Tâm Sở Bất Thiện (Akusala Cetasika): Bốn Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành (Sādhāraṇa Cetasika [BốnTâm Sở Liên Kết Với Tất Cả Các Tâm Bất Thiện])

(1) Si (Moha): - không thấy rõ thực chất của đối tượng.
- hiểu sai về đối tượng.

(2) Vô Tàm (Ahirika): không hổ thẹn đối với điều bất thiện như:
(i) tà hạnh
(ii) tham, sân, si.

(3) Vô Quý (Anottapa): không biết sợ hãi những điều bất thiện như
(i) tà hạnh
(ii) tham, sân, si.

(4) Phóng Dật (Uddhacca): tâm không an tịnh và không đáp xuống đối tượng là trạo cử.

Nhóm Ba Tâm Sở Tham

(1) Tham (Lobha): - chấp trước hay bị dính mắc vào đối tượng như là "tôi", "của tôi"
- thèm khát đối tượng
- dính chặt vào đối tượng

(2) Tà Kiến (Diṭṭhi): - chấp giữ niềm tin cho rằng đối tượng là thường, lạc, ngã, tịnh.
- hiểu sai

(3) Ngã Mạn (Māno): - cái tâm được đánh giá cao như là "tôi là thế này, tôi là thế nọ"
- trạng thái tự kiêu, tự đại, tự cao, tự mãn
- muốn nổi bật.

Giải thích

"Paramatthato Avijamānesu itthipurisādīsu Javati, vijjamānesupi khandhādīsu na javatīti avijjā "(Vism XVĪ,43)

Si (Moha) cũng gọi là Vô Minh (Avijjā). Nếu, bằng Minh Sát Trí, phân tích các chúng sinh, hữu tình và vô tình, trong ba mươi mốt cõi cho đến khi đạt đến Thực Tại Tối Hậu hay Chân Đế và nếu nhận ra rằng chỉ có:

(1) Tập hợp các Sắc Pháp hay Sắc Uẩn;
(2) Tập hợp các Danh Pháp hay Danh Uẩn
(3) Tập hợp các Sắc Pháp và Danh Pháp hay Danh Uẩn và Sắc Uẩn,

thì sự nhận thức đó là đúng; đây là Danh Sắc Phân Tích Trí (Nāmarūpa Pariccheda Ñāṇa).

(4) Và nếu nhận ra rằng chỉ có những tập hợp của Nhân và Quả

thì sự nhận thức ấy là đúng; đây là Nhân Duyên Phân Biệt Trí (Paccaya Pariggaha Ñāṇa)

Những tập hợp của Sắc Pháp, Danh Pháp và Nhân Quả này được gọi là các Pháp Hữu Vi (Saṅkhāra Dhamma). Các Pháp Hữu Vi thì Vô Thường (Anicca), vì sau khi sanh ra chúng liền diệt; Khổ (Dukkha) bởi vì chúng luôn bị đàn áp bởi sự sanh và diệt; Vô Ngã (Anatta), vì chúng không có một cốt lõi bất khả hoại. Chúng là bất tịnh. Do đó nếu hành giả nhận ra các Pháp Hữu Vi là :

(5) Vô thường
(6) Khổ
(7) Vô Ngã
(8) Bất Tịnh

thì sự nhận thấy đó là đúng, là Tuệ Minh Sát.

Như vậy, nếu một người nhận ra rằng các chúng sinh, hữu tình và vô tình, trong ba mươi mốt cõi là tập hợp các Sắc Pháp, tập hợp các Danh Pháp, tập hợp của Năm Uẩn, mười hai Xứ, mười tám Pháp Giới, cũng như tập hợp của Nhân, tập hợp của Duyên, tập hợp của pháp Vô Thường, tập hợp của pháp Đau Khổ, tập hợp của pháp Vô Ngã, tập hợp của pháp Bất Tịnh, thì sự nhận thức đó là nhận thức chơn chánh, là Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi), Minh Trí (Vijja Ñāṇa). Không nhận thức đúng như vậy và nếu các chúng sinh hữu tình, vô tình được thấy như là đàn ông, đàn bà người, chúng sinh, trời, thần v..v.

hay như vàng, bạc, cây, nước, đất, rừng, núi,… như thường, lạc, ngã, tịnh thời những cái thấy này gọi là Vô Minh (Avijjā) .

Để hiểu thêm về Vô Minh (Avijjā), Si (Moha), Tà Kiến (Micchā), hai loại tà kiến về Tự Ngã (Atta) sẽ được bàn đến.

Hai Loại Tà Kiến

Nói một cách đại khái thì có hai loại ngã kiến đó là Ngã Kiến Phổ Thông (Lokasamaññā Atta) và Ngã Kiến (Atta Diṭṭhi) có ngoài giáo pháp (Trung Bộ Tập 1 trang 365,366).

(1) Lokasamaññā Atta: Đây là sự chấp giữ quan niệm cho rằng có các vật hữu tình như đàn ông, đàn bà, con người, chúng sinh, trời, thần, phạm thiên, trâu, bò, súc sanh v..v. và các vật vô tình như vàng, bạc, ruộng, nhà, cây, nước, đất, rừng, núi,v.v. Đối với một người hành thiền có thể phân biệt được bên ngoài, nếu vị ấy phân biệt bốn đại của vật vô tình, thì chỉ có thể thấy những phân tử nhỏ hay các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa). Và nếu vị ấy phân tích các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) đó bằng tuệ nhãn, thì vị ấy chỉ thấy

(i) Utuja Ojaṭṭhmaka Rūpa (sắc có dưỡng chất là yếu tố thứ tám do thời tiết sanh) được sanh từ hoả đại và

(ii) Nếu có âm thanh kèm theo thì là Utuja Saddanavaka Rūpa (sắc có âm thanh là thứ chín do thời tiết sanh).

Do đó nếu một người nhận thức những vật vô tình như các tập hợp của Utuja Ojaṭṭhmaka Rūpa hay (nếu có âm thanh kèm theo) là các tập hợp Utuja Saddanavaka Rūpa, hoặc nếu nhận thấy chúng là Vô Thường, Khổ, Vô Ngã, Bất Tịnh thì đó là nhận thức đúng. Nhưng nếu chỉ thấy là vàng, bạc,… thì niềm tin và quan kiến ấy là sai lạc. Đó là Ngã Kiến Phổ Thông của thế gian (Lokasamaññā Atta).

(2) Ngã Kiến (Atta diṭṭhi): Nói chung có hai loại tà kiến là Sáng Tạo Ngã (Parama Atta) và Bản Mệnh Ngã (Jīva Atta).

- Parama Atta Diṭṭhi: quan kiến cho rằng có một đấng sáng tạo chủ tạo ra toàn cõi thế gian và các loài chúng sinh này .

- Jīva Atta: chấp giữ tà kiến cho rằng có một linh hồn sáng tạo hiện hữu trong tiến trình tương tục của mỗi chúng sinh hữu tình, là Bản Mệnh Ngã.

Si (Moha): là hiểu biết một cách sai lầm cho rằng các hữu tình và vô tình trong ba mươi mốt cõi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Tà Kiến (Diṭṭhi): là chấp chặt quan kiến sai lầm cho rằng các chúng sinh hữu tình và vô tình trong ba mươi mốt cõi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Nhóm Bốn Tâm Sở Sân

(1) Sân (Dosa): - tâm giận dữ, nóng nảy
- muốn huỷ diệt

(2) Tật (Issā): - tâm tật đố, ghen tỵ với sự giàu sang và vinh quang của kẻ khác.
- ganh tỵ

(3) Lận (Macchariya): - bỏn xẻn, keo kiết, bón rít.
- không chịu chia sớt của cải cho kẻ khác

(4) Hối (Kukkucca): - hối hận việc ác đã làm

- hối tiếc việc thiện đã bỏ qua

Nhóm Hai Tâm Sở Hôn Trầm

(1) Thụy Miên (Thīna): - tâm trì trệ, buồn ngủ.
- tâm dã dượi không phấn khởi

(2) Hôn Trầm (Middha): - tâm sở trì trệ đi kèm (tâm)
- tâm sở dã dượi không phấn chấn đi kèm

Nhóm Một Tâm Sở Si

Hoài Nghi (Vicikicchā): là nghi ngờ theo tám cách sau

1) Hoài nghi tính chân thực của Đức Phật.
2) Hoài nghi tính chân thực của Pháp.
3) Hoài nghi tính chân thực của Chư Thánh Thanh Văn Đệ Tử của Đức Phật.
4) Hoài nghi Tam Học
5) Hoài nghi kiếp sống quá khứ (Ngũ Uẩn quá khứ).
6) Hoài nghi kiếp sống tương lai (Ngũ Uẩn tương lai).
7) Hoài nghi cả hai thời — quá khứ và vị lai.
8) Hoài nghi lý duyên khởi.

Lưu ý: Những mối hoài nghi về Nghiệp và Quả của nghiệp được bao gồm trong hoài nghi Lý Duyên Khởi.

Hai Mươi Lăm Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇa Cetasikā)

Trong 25 tâm sở Tịnh Hảo, có:

19 tâm sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhana Sādhāraṇā)
3 tâm sở Tiết Chế (Virati)
2 tâm sở Giới Phần (Appamaññā)
1 tâm sở Trí Tuệ (Paññindriya)

Mười Chín Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhana Sādhāraṇā)

(1) Tín (Saddhā): niềm tin, đức tin (theo tám cách đã đề cập ở hoài nghi).

Chú ý: tám niềm tin này được trình bày theo một nhóm. Hãy hiểu sự khác nhau nơi đối tượng của niềm tin như:

i) Niềm tin đối với Ân Đức Phật trong việc lấy Ân Đức Phật làm đối tượng.
ii) Niềm tin đối với Ân Đức Pháp trong việc lấy Ân Đức Pháp làm đối tượng.
iii) Niềm tin đối với Ân Đức Tăng trong việc lấy Ân Đức Tăng làm đối tượng.
iv) Niềm tin đối với Giới Học (Sila Sikkhā) ở giai đoạn giữ giới, niềm tin về Định Học khi tu tập định (các tầng thiền ở giai đoạn tu định), niềm tin về Tuệ Học (trí tuệ thể nhập Thực Tại Tối Hậu của các Danh Pháp và Sắc Pháp đúng như chúng thực sự là [niềm tin nơi pháp hành để có thể chứng ngộ Tứ Diệu Đế ở giai đoạn tu tuệ]).
v) Niềm tin về Ngũ Uẩn quá khứ khi phân biệt quá khứ.
vi) Niềm tin về Ngũ Uẩn tương lai khi phân biệt tương lai.
vii) Niềm tin về cả hai — Ngũ Uẩn quá khứ và vị lai khi phân biệt quá khứ và tương lai.
vii) Niềm tin về Nhân Quả hay tin Lý Duyên Khởi trong việc phân biệt các mối quan hệ nhân quả.

(2) Niệm (Sati): - không trôi nổi như trái bầu mà chìm xuống như hòn đá, đó là sự 'chìm lắng' của tâm và các tâm sở phối hợp vào đối tượng thiện như Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, .v.v.

- tâm vững chắc trên đối tượng
- tâm không quên đối tượng.

(3) Tàm (Hiri): hổ thẹn về

(i) các bất thiện pháp và
(ii) tà hạnh

(4) Quý (Ottappa): ghê sợ về

(i) các bất thiện pháp và
(ii) tà hạnh

(5) Vô Tham (Alobha): - tâm không dính vào các đối tượng thế gian.
- tâm không dính vào (đó) xem như "của tôi, thuộc về tôi"

(6) Vô Sân (Adosa): - tâm không khắc nghiệt và thô bạo trên đối tượng
- không muốn hủy diệt (đối tượng).

(7) Hành Xả (Tatramajjhattatā): - giữ tâm cân bằng trên đối tượng (để cho tâm và các tâm sở không vượt quá phận sự của chúng, không dẫn tới hai tình trạng là ngã mạn (māna) và dã dượi buồn ngủ.

- nhìn vào đối tượng với thái độ xả.

(8) Tịnh Thân (Kāya Passaddhi): trạng thái an tĩnh của tâm sở
(9) Tịnh Tâm (Citta Passaddhi): trạng thái an tĩnh của tâm.
(10) Khinh Thân (Kāya Lahutā): sự nhẹ nhàng khinh an của thân
(11) Khinh Tâm (Citta Lahutā) : sự nhẹ nhàng khinh an của tâm.
(12) Nhu Thân (Kāya Mudutā): tánh mềm dẻo, dễ uốn nắn của tâm sở.
(13) Nhu Tâm (Citta Mudutā): tánh mềm dẻo, dễ uốn nắn của tâm.
(14) Thích Thân (Kāya Kammāññatā): tính cách dễ sử dụng của tâm sở.
(15) Thích Tâm (Citta Kammañňatā): tính cách dễ sử dụng của tâm.
(16) Thuần Thân (Kāya Pāguññatā): sự tinh luyện thuần thục của tâm sở.
(17) Thuần Tâm (Citta Pāguññatā): sự tinh luyện thuần thục của tâm.
(18) Chánh Thân (Kāyujjukatā): - trạng thái ngay thẳng của tâm sở.
- không đạo đức giả, lừa phỉnh
(19) Chánh Tâm (Cittujjukatā): - trạng thái ngay thẳng của tâm,
- không đạo đức giả, lừa phỉnh

(Māyā: che dấu những lỗi lầm
Sāṭheyya: phơi bày những gì mình không có thực)

<u>Ba Tâm Sở Tiết Chế (Virati)</u>

(1) Chánh ngữ (Sammā Vācā): - tránh bốn tà ngữ không liên quan tới việc nuôi mạng
- không phạm vào tà ngữ.

(2) Chánh nghiệp (Sammā Kammanta): - tránh ba tà hạnh của thân không liên quan tới việc nuôi mạng;

- không phạm vào tà hạnh về thân.

(3) Chánh Mạng (Sammā Ājīva): - tránh bốn tà ngữ và ba tà hạnh của thân có liên quan tới việc nuôi mạng

- không phạm vào các tà hạnh và tà ngữ.

Hai Tâm Sở Vô Lượng (Appamaññā)

(1) Bi (Karuṇā): - là lòng thương xót và bi mẫn, lấy những chúng sinh đang đau khổ làm đối tượng

- mong muốn cứu họ thoát khổ.

(2) Hỷ (Muditā): - là sự hoan hỷ và lấy những chúng sinh đang hạnh phúc làm đối tượng

- không có ganh tị

Một Tâm Sở Huệ Căn (Paññindriya)

Tâm sở Tuệ Căn (trí tuệ): - sự thấu rõ Chân Đế đúng như thật
- thấu rõ Tứ Diệu đế.

Tuệ còn gọi là Trí (Ñāṇa), Vô Si (Amoha), Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi), Trạch Pháp (Dhamma Vicaya). Vì nó vận dụng tính ưu thế hay quyền kiểm soát trong việc thấu hiểu Tứ Diệu Đế, cho nên gọi là Tuệ Căn (Paññindriya).

Trên đây là 25 tâm sở Tịnh Hảo**.**

Khi hành giả, với Minh Sát Trí, bắt đầu phân biệt Thực Tại Tối Hậu hay Pháp Chân Đế bằng cách chú ý tới hoặc là đặc tính (Sabhāvalakkhana) hoặc là nhiệm vụ (Rasa) của nó, cả hai đặc tính và nhiệm vụ này đã được đề cập trong vài tâm sở trên.

Sáu Thức Giới (Viññāṇa Dhātu)

Người hành thiền sau khi đã biết rõ về 52 tâm sở thì nên biết khái quát về Thức (Viññaṇa) vốn đi theo các tâm sở ấy. Nói tóm tắt, có sáu Thức Giới trong Minh Sát:

(1) Nhãn Thức: thức nhận ra cảnh sắc / màu sắc, nương vào Nhãn Tịnh Sắc hay thần kinh mắt.

(2) Nhĩ Thức: thức nhận ra cảnh thanh / âm thanh, nương vào Nhĩ Tịnh Sắc hay sắc thần kinh tai.

(3) Tỷ Thức: thức nhận ra cảnh mùi / mùi hương nương vào Tỷ Tịnh Sắc hay thần kinh mũi.

(4) Thiệt Thức: thức nhận ra cảnh vị / mùi, nương vào Thiệt Tịnh Sắc hay thần kinh lưỡi.

(5) Thân Thức: thức nhận ra cảnh xúc chạm / vật có thể sờ chạm nương vào Thân Tịnh Sắc hay sắc thần kinh thân.

(6) Ý Thức: thức nhận ra sáu cảnh thích hợp, nương vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa), hay Hữu Phần (Bhavaṇga).

Ngoại trừ ngũ song thức từ 1 tới 5, tất cả tâm khởi lên nương vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) đều gọi là Ý Thức.

Vì các Danh Pháp phải được phân biệt theo Lục Xứ Môn hay Căn Môn (Āyatana Dvāra), nên hành giả cần phải biết tên của các Lộ Trình Tâm qua các căn môn tương ứng. Có bảy loại Tâm Lộ (tuần tự sanh diệt) trong Tiến Trình Nhãn Môn (Cakkhudvāra Vīthi) là:

(1) Hướng Tâm (Āvajjana): tâm chuyển hướng tới đối tượng (trong các căn môn tương ưng)

(2) Nhãn Thức Tâm (Cākkhu Viññaṇa): tâm biết cảnh sắc nương vào Nhãn Vật hay Nhãn Căn (sự thấy).

(3) Tiếp Thọ Tâm (Sampaṭicchana): tâm tiếp nhận đối tượng

(4) Suy Xét hay Suy Đạc Tâm (Santīraṇa): tâm thẩm xét đối tượng

(5) Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana): xác định đối tượng (như dễ chịu, khó chịu, khả ái hay không khả ái…,)

(6) Tốc Hành Tâm (Javana): tâm kinh nghiệm (hưởng) (?) đối tượng, khởi lên theo đà quán tính một cách liên tục.

(7) Đồng Sở Duyên hay Đăng Ký Tâm hay Thập Di Tâm (Tadālambaṇa): tâm tiếp tục nhận biết đối tượng của Tốc Hành Tâm .

Chú ý: Hướng Tâm (Āvajjana) đưa tâm hướng về đối tượng xuất hiện ở Ngũ Môn (Pañcadvāra), như Nhãn Môn chẳng hạn, thì được gọi là Tâm Khán Ngũ Môn (Pañcadvārāvajjana) để phân biệt nó với Tâm Khán Ý Môn (Manodvārāvajjana), hướng đến đối tượng xuất hiện ở Ý Môn (Manodvārā). Tâm Hướng không thể cùng một lúc hướng đến tất cả năm cảnh hay năm đối tượng ở năm căn môn được.

Tattha ekaṃ ārammanaṃ dvīsu dvīsu dvāresu āpāthamāgacchati rūpārammaṇañji cakkhupasādaṃ ghaṭṭevā taṅkhaṇañña manodvāre āpāthamāgacchati bhavaṅgacalanassa paccayo hotīti attho. Sadda gandha rasa phoṭṭhabbārammaṇesupi eseva nayo (Vi Diệu Pháp Chú Giải tập 1, trang 114)

Theo sự định nghĩa Chú Giải trên thì :

(1) Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) đi vào hay tác động vào lĩnh vực của Nhãn Môn và Ý Môn cùng một lúc. Tâm Hướng (Āvajjana) hướng đến Cảnh Sắc vốn tác động vào cả hai môn đó.

(2) Cảnh Thanh (Saddārammaṇa) đi vào lĩnh vực của Nhĩ Môn và Ý Môn cùng một lúc. Tâm Hướng (Āvajjana) hướng đến Cảnh Thanh, vốn tác động trên lĩnh vực của cả hai môn đó.

(3) Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) đi vào lĩnh vực của cả Tỷ Môn lẫn Ý Môn cùng một lúc. Tâm Hướng (Āvajjana) hướng tâm về Cảnh Khí, vốn tác động trên lĩnh vực của cả hai môn đó.

(4) Cảnh Vị (Rasārammaṇa) đi vào lĩnh vực của Thiệt Môn và Ý Môn cùng một lúc. Tâm Hướng (Āvajjana) hướng tâm về Cảnh Vị, vốn tác động trên lĩnh vực của cả hai môn đó.

(5) Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa) đi vào lĩnh vực của Thân Môn và Ý Môn cùng một lúc. Tâm Hướng (Āvajjana) đưa tâm về Cảnh Xúc, vốn tác động trên lĩnh vực của cả hai môn đó.

Một điểm cần lưu ý nữa là có ba loại Tiến Trình Tâm hay Tâm Lộ (Vīthi): Lộ Ý Môn Tùy Thuộc (Tadanūvattakamānodvāra Vīthi) với Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi) theo sau, Lộ Ý Môn Thuần Túy (Suddhamanodvāra Vīthi) và Lộ Ý Môn bắt lấy Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) làm đối tượng. Chúng xảy ra như sau:

(1) Tâm Khán Ý Môn (Manodvārāvajjana): - tâm hướng về đối tượng xuất hiện hay đi vào lĩnh vực của Ý Môn.

- (nó thực hiện nhiệm vụ quyết định cùng nhau)

- (hướng tâm và quyết định)

(2) Tốc Hành Tâm (Javana): tâm kinh nghiệm (hưởng) (?) cảnh khởi lên theo một quán tính liên tục.

(3) Đồng Sở Duyên hay Thập Di Tâm hay Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa): tâm tiếp tục nhận biết đối tượng của Tốc Hành Tâm .

Chú ý: Trong lộ trình tâm, thì Tốc Hành Tâm trải qua bảy sát-na và Đăng Ký Tâm tối đa chỉ có hai sát-na. Các tâm còn lại thì xảy ra chỉ một lần. Sau khi Lộ Ngũ Môn (thí dụ Tâm Lộ Nhãn Môn) chấm dứt, tiếp theo là sự khởi lên của Hữu Phần (Bhavaṅga), và Tâm Lộ Ý Môn khởi lên. Tâm Lộ Ý Môn thứ nhất được gọi là Tâm Lộ Ý Môn nối tiếp Tâm Lộ Ngũ Môn (Tadanūvattakamānodvāra Vīthi), từ Tâm Lộ Ý Môn thứ hai trở đi được gọi là Lộ Ý Môn Thuần Túy (Suddhamanodvāra Vīthi). Lại nữa, Tâm Lộ Ý Môn vốn bắt lấy một Cảnh Pháp hay một nhóm Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) làm đối tượng cũng được gọi là Suddhamanodvāra Vīthi. Một điểm khác cần lưu ý nữa là ngoại trừ Ngũ Thức (thí dụ Nhãn Thức), tất cả Lộ Trình Tâm còn lại hoặc được gọi là Ý Thức (Mano viññāṇa) hay Ý Thức Giới (Mano Viññāṇa Dhātu). Theo cách của Pháp Môn Kinh (Suttanta), hãy lưu ý rằng Tâm Hữu Phần được gọi là Ý Giới (Mano Dhātu) hay Ý Môn (Manodvāra).

Sáu Cảnh (Ārammaṇa)

(1) Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa): hình dáng, màu sắc
(2) Cảnh Thanh (Saddārammaṇa): âm thanh
(3) Cảnh Khí (Gandhārammaṇa): mùi hương
(4) Cảnh Thiệt (Rasārammaṇa): vị
(5) Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa): những gì có thể sờ chạm được (như đất, lửa, gió)
(6) Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa): ý nghĩ

Sáu Loại Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)

(1) Thần Kinh Sắc (Pasāda Rūpa): 5 Thần Kinh Sắc.

(2) Sukhumarūpa: 16 Sắc Tế.

Chú ý : 12 loại Sắc - đó là 5 Sắc Thần Kinh và 7 Sắc Cảnh Giới - dễ dàng phân biệt bằng Minh Sát Trí của hành giả, do đó chúng được gọi là Sắc Thô (Oḷārika). Hãy ghi nhớ rằng, trong 28 sắc, trừ 12 **sắc thô** này ra thì các sắc còn lại rất khó mà phân biệt; vì vậy chúng được gọi là Sắc Tế (Sukhuma).

(3) Tâm (Citta): 6 Thức Giới (Viññāṇa Dhātu).
(4) Tâm Sở: 52 tâm sở.
(5) Niết Bàn (Nibbāna): Vô Vi Giới (Asaṇkhata Dhātu).
(6) Chế Định (Paññati): tất cả khái niệm như các Biến Xứ (Kasina), khái niệm về tên, khái niệm hình dạng,…

Những Danh Pháp (Nāma Dhamma) Cần Được Phân Biệt

Tasmā taṃ rupaṃ arammaṅaṃ katvā uppananaṃ saññaṃ saṅkhare viññaṇañca idaṃ arūpaṃ paricchinditvā aniccādito passati (Vi Diệu Pháp Chú Giải trang 271- Tạng Miến).

Nếu, lần đầu tiên hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp, theo hướng dẫn của Chú Giải, hành giả phải phân biệt các Danh Pháp khởi lên do lấy các Sắc Pháp làm đối tượng trong số sáu đối tượng. Tất nhiên, đối với người hành thiền phân biệt các Danh Pháp khởi lên do lấy các Danh Pháp làm đối tượng là việc có thể làm được, nhưng đối

với hành giả mới bắt đầu thực hành phân biệt hay Quán Danh (Nāma Kammaṭṭhāna) thì đó là điều rất khó để phân biệt (dupariggāha - khó phân biệt). Vì lý do ấy, hành giả được khuyên là không nên phân biệt chúng trước (tức không nên phân biệt Danh lấy Danh làm đối tượng trước).

Một điểm nữa là nếu hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp khởi lên lấy khối tưởng về khái niệm làm đối tượng như đàn ông, đàn bà, người, vàng, bạc,…thì cũng có thể được. Dù vậy, nó vẫn không phải là quán trên khái niệm mà là phân biệt Danh Chơn Đế (Nāma Paramattha) khởi lên khi lấy khái niệm làm đối tượng. Vì hành giả phải Hành Minh Sát (Vipassanā) trên cả hai - đối tượng và cái quán đối tượng (arammaṇanika) - trong giai đoạn Thiền Minh Sát (Vipassanā), do đó hành giả được hướng dẫn để phân biệt chỉ các Danh Pháp khởi lên lấy Sắc Pháp làm đối tượng trước. Vì chỉ những vị Chỉ Thừa Hành Giả (Samatha Yanika) mới có thể phân biệt được các thiền chi (Jhāna Nāma) hay còn gọi là các Pháp Thiền (Jhāna Dhamma) vốn là các Pháp Thiền và các pháp Tương Ưng Thiền (Jhāna Sampayutta Dhamma) khởi lên khi lấy khái niệm làm đối tượng (như khái niệm Kasina chẳng hạn), phải được vị ấy phân biệt.

Định Nghĩa Sáu Hàng

Khi phân chia Sắc Pháp theo đối tượng (Cảnh), có sáu loại đối tượng khác nhau:

(1) Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)
(2) Cảnh Thanh (Saddārammaṇa)
(3) Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)
(4) Cảnh Vị (Rasārammaṇa)
(5) Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)
(6) Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa).

Có 21 loại Sắc được gọi là Cảnh Pháp, đó là 5 Sắc Thần Kinh và 16 loại Sắc Tế. Trong tập sách này thì các Danh Pháp lấy Cảnh Sắc làm đối tượng được gọi là Danh Pháp Hàng Cảnh sắc (Rūparammaṇa Line)... Tất sả sáu Hàng Danh Pháp đều phải được phân biệt.

Một điểm nữa là, thí dụ trong hàng Cảnh Sắc, Tâm Lộ Nhãn Môn (Cakkhudvāra Vīthi) và Tâm Lộ Ý Môn có thể sanh khởi khi lấy Cảnh Sắc làm đối tượng và trong đó Tốc Hành Tâm thiện được bao gồm. Danh Pháp của những Tiến Trình Tâm hay Tâm Lộ này được gọi là Nhóm (Danh Pháp) Thiện. Tâm Lộ Nhãn Môn và Tâm Lộ Ý Môn khi lấy Cảnh Sắc làm đối tượng và trong đó Tốc Hành Bất Thiện được bao gồm, bắt lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) kể như đối tượng có thể sanh khởi với Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) kể như nhân căn bản. Nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) này được gọi là Nhóm Bất Thiện. Còn khi Tâm Lộ hay Tiến Trình Tâm trong đó Tốc Hành Duy Tác (Kiriya Javana) được bao gồm chỉ xảy ra trong các Tiến Trình Tâm của bậc A-la-hán nên không đề cập trong tập sách này.

Bốn Tùy Quán (Anupassanā)

(1) Khi hành Thiền Minh Sát, nếu phân biệt Danh - Sắc – Nhân - Duyên bắt đầu với các Sắc Pháp thì gọi là Thân Quán Niệm Xứ (Kayānupassana Satipaṭṭhāna).

(2) Khi hành Thiền Minh Sát, nếu phân biệt Danh - Sắc - Nhân - Duyên bắt đầu với các Thọ thì gọi là Thọ Quán Niệm Xứ (Vedanānupassana Satipaṭṭhāna).

(3) Khi hành Thiền Minh Sát, nếu phân biệt Danh - Sắc - Nhân - Duyên bắt đầu với các Danh Pháp thì gọi là Tâm Quán Niệm Xứ (Cittānupassana Satipaṭṭhāna).

(4) Khi hành Thiền Minh Sát, nếu phân biệt Danh - Sắc - Nhân - Duyên bắt đầu với Xúc (Phassa) thì gọi là Pháp Quán Niệm Xứ (Dhammānupassana Satipaṭṭhāna).

Trong ba cách phân biệt Danh Pháp, cách phân biệt bắt đầu với cảm giác là Thọ Quán Niệm Xứ (Vedanānupassana Satipaṭṭhāna), cách phân biệt bắt đầu với Thức là Tâm Quán Niệm Xứ (Cittānupassana Satipaṭṭhāna), cách phân biệt bắt đầu với Xúc là Pháp Quán Niệm Xứ (Dhammānupassana Satipaṭṭhāna).

Trong trường hợp này, người hành thiền muốn phân biệt Danh Pháp thì trước đó đã phải phân biệt các Sắc Pháp và vị ấy nên bắt đầu phân biệt các Danh Pháp vốn lấy các Sắc Pháp làm đối tượng như đã hướng dẫn trong Chú Giải Trung Bộ Kinh (Majjhimā Nikāya Commentary) tập 1 trang 280.

Phân Biệt Bắt Đầu Với Thọ

Trong việc phân biệt bắt đầu với những cảm thọ, như đã được hướng dẫn: "Yassa Vedanā pakāṭa hoti, so "na kevalaṃ vedanā uppajjati. Tāya saddhiṃ tadevārammaṇaṃ phusāmano phasopi upajjati sañjānamānā saññapi cetayamānā cetanāpi vijānamānaṃ viññāṇampi upajjati " ti phassapañcamakeyeva pariggaṇhati"

Nếu người hành thiền mà cảm thọ của mình rõ thì nên quán Phassapañcamaka, nơi mà Xúc là yếu tố thứ năm, chú ý không chỉ vào tự thân cảm thọ đang sanh mà còn vào sự **xúc chạm** (Phassa) vốn là sự tiếp xúc của cùng đối tượng như Thọ và cũng đang sanh. Tưởng (Saññā) là sự ghi dấu trong tâm về cùng đối tượng ấy cũng đang sanh, và Tư (Cetanā) là sự đốc thúc hay thôi thúc các tâm sở phối hợp hướng đến đối tượng ấy cũng đang sanh, Thức (Viññāṇa) phân biệt hay biết rằng đối tượng cũng đang sanh cùng với Thọ - Chú Giải Trung Bộ Kinh (Majjhimā Nikāya Commentary) tập 1 trang 280.

Phân Biệt Bắt Đầu Với Thức

Trong việc phân biệt bắt đầu với thức, như đã được hướng dẫn: Yassa Viññānaṃ pakātaṃ hoti, so "na kevalaṃ viññāṇaṃeva uppajjati Tena saddhiṃ tadevārammaṇaṃ phusāmano phassopi uppajjati, anubhavamānā vedanāpi sañjānamānā saññapi cetayamānā cetanāpi upajjati" ti phassapañcamakeyeva pariggaṇhati .

Nếu người hành thiền mà Thức của mình rõ thì nên quán Phassapañcamaka, nơi mà xúc là yếu tố thứ năm, chú ý không chỉ vào một mình Thức đang sanh mà còn vào Xúc (Phassa) vốn là sự tiếp xúc của cùng một đối tượng như Thức cũng đang sanh, Thọ (Vedanā) vốn đang kinh nghiệm cảm giác của đối tượng ấy cũng đang sanh, Tưởng (Saññā) là sự ghi dấu trong tâm về cùng đối tượng đó cũng khởi lên, Tư (Cetanā) là sự đốc thúc hay thôi thúc các tâm pháp phối hợp hướng đến đối tượng đó cũng đang sanh và Thức vốn phân biệt hay biết đối tượng đó cũng đang sanh - Chú Giải Trung Bộ Kinh (Majjhimā Nikāya Commentary) tập 1 trang 280-281

Phân Biệt Bắt Đầu Với Xúc (Phassa)

Trong việc phân biệt bắt đầu với Xúc, như đã được hướng dẫn là : Yassa Phasso pakāṭo hoti, so "na kevalaṃ phassova uppajjati. Tena saddhiṃ tadevārammaṇaṃ, anubhavamānā vedanāpi uppajjati, sañjānanamānā saññapi cetayamānā cetanāpi vijānanamānaṃ viññāṇampi upajjati " ti phassapañcamakeyeva pariggaṇhati –

Người hành thiền nếu Xúc rõ thì nên quán Phassapañcamaka, nơi mà Xúc là yếu tố thứ năm, chú ý không chỉ vào tự thân Xúc đang sanh mà cũng vào Thọ (Vedanā), vốn đang kinh nghiệm cảm giác của đối tượng ấy cũng đang sanh. Tưởng (Saññā) là sự ghi dấu trong tâm về cùng đối tượng đó cũng đang sanh, Tư (cetanā) là sự đốc thúc hay thôi

thúc các tâm pháp phối hợp hướng đến đối tượng đó cũng cũng đang sanh và Thức phân biệt, biết đối tượng đó cũng đang sanh - Chú Giải Trung Bộ Kinh (Majjhimā Nikāya Commentary) tập 1 trang 280.

Phân Biệt Tất Cả

Trong trường hợp này, Phassapañcamaka được Chú Giải đề cập bằng Padhāna (chính\ nổi bật). Nếu được hướng dẫn để quán Xúc - Tư (Phassa - Cetanā) trong Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) nơi mà Xúc - Tư là chính hay nổi bật (Padhāna) trong số nhóm Danh Pháp đang sanh trong một sát-na tâm, các Danh Pháp phối hợp còn lại tuy không nổi bật (Apadhāna) cũng phải được phân biệt. Khi Xúc - Tư được phân biệt thì tất cả Pháp Chân Đế (Paramattha) của Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) cũng phải được phân biệt. Lý do là, trong nhóm Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) Tư nổi bật hơn hết. Chính Đức Phật đã xác định Tư là yếu tố nổi bật (Padhāna) khi Ngài dạy về Hành Uẩn theo Pháp Môn Kinh (Suttanta Bhājaniya) trong Bộ Phân Tích (Vibhaṅga) (Phụ Chú Giải Kinh Trung Bộ tập 1 trang 370).

Theo những chỉ dẫn của Chú Giải và Phụ Chú Giải trên thì khi phân biệt Danh Pháp bắt đầu với Xúc (Phassa) hay bắt đầu với Thọ hay bắt đầu với Thức thì nên lưu ý rằng không phải chỉ phân biệt một mình Xúc đó, hay một mình Thọ đó, hay một mình Thức đó trong một sát-na tâm thôi, mà tất cả tâm và tâm sở phối hợp cũng phải được phân biệt. Điều này phù hợp với lời dạy của Đức Phật trong bài kinh Aparijānana của Tương Ưng Kinh, Phẩm Sáu Xứ đã đề cập ngay lúc đầu của phần Quán Sắc (Rūpa Kammaṭṭhāna) trong tập 1.

Phân Biệt Sắc Pháp Trở Lại

Như đã đề cập trước đây, khi người hành thiền muốn phân biệt các Danh Pháp, ở đây Phassapañcamaka (Xúc là yếu tố thứ năm) nổi bật thì hành giả đã phải qua giai đoạn phân biệt các Sắc Pháp bằng Minh Sát Trí rồi. Kế tiếp, người hành thiền được hướng dẫn để quán các Sắc Pháp trở lại lần nữa sau khi đã quán các Danh Pháp, trong đó Phassapañcamaka là nổi bật, như Chú Giải Kinh Trung bộ tập 1 trang 281 và Chú Giải Vi Diệu Pháp tập 1, trang 252 - 253 đã đưa ra như sau: So ime Phassapañcamaka kiṃ nissitāti upadhārento "vatthuṃ nissitā" ti pajānāti. Vatthu nāma karajakāyo, yaṃ sandhāya vuttaṃ "idañca me viññāṇaṃ ettha sitaṃ ettha paṭibaddha"nti. So atthato bhūtāniceva upādārūpāni ca.

Khi hành giả đã phân biệt được các Danh Pháp, ở đây Phassapañcamaka nổi bật rồi, nên quan sát và Suy Đạc hay Suy Xét xem các Danh Pháp này nương vào đâu để sanh khởi, thời hành giả sẽ nhận ra rằng chúng nương vào Sắc Vật (Vatthu Rūpā) để sinh khởi. Vatthu là Thân Nghiệp sanh (Karaja Kāya). Thân Nghiệp sanh (Karaja Kāya), trong Thực Tại Cùng Tột hay Chân Đế, là Sắc Tứ Đại (Bhūta Rūpa) và Sắc Y Đại sanh (Upādāya Rūpa).

Theo sự chỉ dẫn trong Chú Giải này, hãy lưu ý rằng sự phân biệt theo Pháp Môn Kinh (Suttanta) về Sắc Vật dựa trên đó các Danh Pháp (Nāma Dhamma) này sanh là phân biệt không chỉ những Sắc Vật (Vatthu Rūpa) như Nhãn Tịnh Sắc thôi mà cũng còn phải phân biệt Sắc Tứ Đại (Bhūta Rūpa) và Sắc Y Đại sinh (Upādāya Rūpa) cùng sanh khởi với Sắc Vật ấy nữa. Những Sắc Pháp này đã được trình bày trong giai đoạn Quán Sắc (Rūpa Kammaṭṭhāna) theo bảng Sáu Căn. Thí dụ, trong con mắt có 54 loại Sắc Thực và Sắc Không Thực như trường hợp có thể là. Do vậy, hành giả hãy phân biệt như đã đề cập trong những bảng nói về giai đoạn Quán Sắc (Rūpa Kammaṭṭhāna) này.

Phân Biệt Căn (Vatthu) Và Cảnh (Ārammaṇa) Cùng Nhau.

Theo Chú Giải và Phụ Chú Giải trên thì khi hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp trước hết phải hoàn thành xong việc phân biệt các Sắc Pháp. Hành giả phải phân biệt Căn và đối tượng hay Cảnh (Ārammaṇa) cùng với nhau như cách định nghĩa sau:

(1) Căn nương vào đó các Danh Pháp khởi lên
(2) Cảnh là cái mà Danh Pháp lấy làm đối tượng.

Việc quán các Căn và Cảnh cùng nhau giống như trong việc quán các Danh Pháp là phù hợp với Kinh Bất Đoạn (Anupada), phù hợp với Chú Giải và Phụ Chú Giải của bài kinh này trong Uparipaṇṇāsa (Trung Bộ Kinh) tiếng Pāli. Như đã đề cập trong Chú Giải, kinh Anupada liên quan đến việc phân biệt các Danh Pháp thiền của ngài Xá Lợi Phất, như sơ thiền, theo tuần tự từng thiền chi một. Đây là sự thực hành Minh Sát bằng phương pháp minh quán Pháp Bất Đoạn (Anupada Dhamma Vipassana): "Vattharammaṇānaṃ pariggahitatāya" (Chú Giải kinh Trung Bộ tập trang 60) - Sở dĩ ngài có thể hành Minh Sát trên các Danh Pháp theo tuần tự từng (Danh) Pháp một là bởi vì ngài đã phân biệt các Sắc Vật (Căn) và Cảnh cùng nhau rồi.

Phương Pháp Phân Biệt Sáu Hàng Tóm Tắt

I. Hàng Cảnh Sắc (Rūparammaṇa):

Nếu hành giả muốn quán các Danh Pháp lấy Cảnh Sắc làm đối tượng, hay nói cách khác là các Danh Pháp của Lộ Nhãn Môn và Lộ Ý Môn Tiếp Theo nó và Lộ Ý Môn Thuần Túy lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng thì phải:

(1) Phân biệt Nhãn Tịnh Sắc và tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) cùng một lúc với nhau.

(2) Phân biệt màu sắc của một hay nhiều Tổng Hợp Sắc (Kalāpa), có thể là (màu) dễ chịu hay khó chịu.

Phân biệt hai môn, Nhãn Môn và Ý Môn (Bhavaṅga) hay gọi là phân biệt hai Căn (Vatthu hay Vật) cùng một lúc với nhau như thế, khi lấy màu của Cảnh Sắc làm đối tượng thì màu của Cảnh Sắc đập vào Nhãn Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga cùng một lúc. Vào lúc đó tâm Lộ Nhãn Môn và Tâm Lộ Ý Môn gồm các Danh Pháp phối hợp bắt lấy Cảnh Sắc làm đối tượng sẽ sanh khởi. Nếu sự quyết định của Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) và Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) có mặt trong các Lộ Trình Tâm này là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) thì nó sẽ là Tâm Lộ (Vithi) bao gồm các Tốc Hành Tâm Thiện. Và nếu sự quyết định của nó là Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) thì nó sẽ là Lộ Trình Tâm mà ở đây các Tốc Hành Bất Thiện bao gồm.

Yoniso Manasikāra Và Ayoniso Manasikāra

Nếu Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) và Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) quyết định Cảnh Sắc:

(1) (chỉ là) Màu của Cảnh Sắc hay
(2) (chỉ là các) Sắc Pháp hay
(3) Vô thường (Anicca) hay
(4) Khổ (Dukkha) hay
(5) Vô ngã (Anatta)
(6) Bất tịnh (Asubha).

thì đó là Như Lý Tác Ý và các Tốc Hành Tâm (Javana) thiện sẽ sanh khởi. Nhưng nếu Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) và Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana)

quyết định Cảnh Sắc là thường, lạc, ngã, tịnh, v..v.. thì đó là Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) và các Tiến Trình Tâm bao gồm các Tốc Hành Bất Thiện sẽ sanh khởi. Lưu ý rằng, đối với Tâm Lộ Nhĩ Môn (Sotadvāra Vīthi) và Tâm Lộ Ý Môn (Manodvāra Vīthi) lấy **âm thanh** làm đối tượng… cũng hiểu theo cách thức như vậy.

II. Hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa):

Nếu hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp trong hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa) khởi lên lấy **âm thanh** làm đối tượng, thì hành giả phải:

1. Phân biệt Nhĩ Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga, cũng như
2. Phân biệt Cảnh Thanh (Saddārammaṇa) cùng với nhau.

III. Hàng Cảnh Khí (Gandhārammaṇa):

Nếu hành giả muốn phân biệt Danh Pháp trong hàng Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) khởi lên lấy **mùi** làm đối tượng, thì hành giả phải:

1. Phân biệt Tỷ Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga,
2. Phân biệt Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) cùng nhau.

IV. Hàng Cảnh Vị (Rasārammaṇa):

Nếu hành giả muốn phân biệt Danh Pháp trong hàng Cảnh Vị (Rasārammaṇa) vốn khởi lên lấy **vị** làm đối tượng, thì hành giả phải:

1. Phân biệt Thiệt Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga, cũng như
2. Phân biệt Cảnh Vị (Rasārammaṇa) cùng với nhau.

V. Hàng Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa):

Nếu hành giả muốn phân biệt Danh Pháp trong hàng Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa) vốn khởi lên lấy **sự xúc chạm** làm đối tượng, thì hành giả phải:

1. Phân biệt Thân Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga, cũng như
2. Phân biệt hoặc Địa Đại hoặc Hỏa Đại hoặc Phong Đại (có mặt trong một hay nhiều nhóm Kalāpa) gọi là Cảnh Xúc cùng với nhau.

3. VI. Hàng Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa):

Nếu hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp trong hàng Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) khởi lên Sắc Pháp, gọi là Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) làm đối tượng, thì hành giả phải:

1. Phân biệt tâm Bhavaṅga, cũng như

2. Phân biệt bất cứ một trong các Sắc Pháp nào đó trong hàng Cảnh Pháp mà hành giả muốn phân biệt cùng nhau.

Cũng vậy, nếu hành giả muốn phân biệt Danh Pháp của hàng Cảnh Pháp vốn sanh khởi khi lấy những khái niệm (Paññatti) như khái niệm về Biến Xứ (Kasina) làm đối tượng thì phải:

1. Phân biệt tâm Bhavaṅga, cũng như

2. Phân biệt đối tượng thuộc khái niệm như khái niệm về Biến Xứ cùng nhau.

Theo sự hướng dẫn trên, để phân biệt Căn hay Vật (Vatthu) và Cảnh (Ārammāṇa) cùng lúc như đã nói, hãy ghi nhớ rằng Căn là Sáu Môn (Dvāra), đó là Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn. Người hành thiền muốn phân biệt Danh Pháp cần phải biết những điểm này trước.

Những Lưu Ý Quan Trọng

Trong các Danh Pháp lấy Cảnh Sắc làm đối tượng, Tiến Trình Tâm hay Tâm Lộ Nhãn Môn sanh khởi một lần và Tâm Lộ Ý Môn tiếp theo sau cũng sanh khởi một lần với Hữu Phần (Bhavaṅga) khởi lên xen kẽ giữa hai lộ trình tâm này, rồi sau đó là Tâm Lộ Ý Môn Thuần Túy (Suddha Manodvāra Vīthi) có thể xảy ra nhiều lần. Hãy nhớ rằng, đối với Tâm Lộ Nhĩ Môn (Sotadvāra Vīthi)… tiến trình cũng xảy ra tương tự như vậy. Người hành thiền phải phân biệt tất cả các Danh Pháp của Tiến Trình Tâm trong từng sát-na tâm. Các Danh Pháp phối hợp đã được trình bày trong biểu đồ. Cách phân biệt này được hướng dẫn trong Thanh Tịnh Đạo quyển 2 trang 252, 253.

Như Chú Giải kinh Pheṇapiṇḍūpama đã đề cập, tâm có thể sanh và diệt nhiều tỷ lần trong một khoảnh khắc ngắn ngủi như trong một cái nháy mắt hay thời gian của tia chớp. Nhiều Lộ Trình Tâm cũng có thể xảy ra trong thời gian rất ngắn ấy. Trong những Lộ Trình Tâm này người hành thiền có thể phân biệt được một vài Lộ Trình Tâm còn một số (tâm lộ) khác thì không thể phân biệt được. Tuy nhiên, hành giả phải cố gắng phân biệt để phá vỡ khối tưởng của các Danh Pháp.

Tùy theo tuổi thọ của đối tượng mà hành giả đang phân biệt, từ lúc hành giả bắt đầu phân biệt có bốn loại phân thời (Vāra - thường dịch là **chót**, nghĩa là chỗ chấm dứt, như **chót** Hữu Phần Rung Động là tâm lộ chấm dứt ở Hữu Phần Rung Động…):

(1) Phân thời ở đây chỉ có tâm Hữu Phần Rung Động (Mogha Vāra)
(2) Phân thời ở đây nó xảy ra cho tới khi chỉ có Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana).
(3) Phân thời ở đây nó xảy ra cho tới Tốc Hành Tâm (Javana)
(4) Phân thời ở đây nó xảy ra cho tới Đồng Sở Duyên hay Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa).

Trong bốn phân thời này chỉ có Đăng Ký Tâm chủ yếu được đề cập trong biểu đồ của tập sách này. Hành giả có thể sẽ hiểu rõ những phân thời (Vāra) còn lại khi quán chúng.

Đồng Sở Duyên Hay Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa)

Phần lớn, nếu Tốc Hành Tâm là một Tốc Hành Tâm Dục Giới (Kāma Javana), một chúng sinh cõi Dục và một Cảnh Dục, thì Tâm Đăng Ký khởi lên. Cảnh Dục có nghĩa là các Tâm - Tâm Sở Dục Giới (Kāma Citta - Cetasika) và 28 loại Sắc Pháp gọi là các Pháp Dục Giới (Kāma Dhamma). Đối với các chúng sinh Dục Giới, Tâm Đăng Ký (Tadālambaṇa) có thể khởi lên sau Tốc Hành Tâm Dục Giới trong Tiến Trình Tốc Hành Tâm Ý Môn Dục Giới (Kāmavacara Manodvārika Javana Vīthi) lấy pháp Dục Giới, tức Tâm - Tâm Sở Dục Giới (Kāma Citta - Cetasika) làm đối tượng. Vì 28 Sắc Pháp cũng gọi là Pháp Dục Giới, nên Tâm Đăng Ký có thể khởi lên sau Tốc Hành Tâm Dục Giới (Kāma Javana) của Tiến Trình Tâm lấy 28 Sắc Pháp làm đối tượng. Tuy nhiên, chỉ khi cảnh là cảnh cực tốt trong Lộ Ngũ Môn hoặc chỉ khi là cảnh rõ (Vibhūta) trong Tiến Trình Ý Môn thì Tâm Đăng Ký mới có thể khởi lên. Cho nên nói 'phần lớn' là vậy.

Theo cách định nghĩa này, hãy lưu ý rằng Lộ Trình Tâm lấy khái niệm làm đối tượng, Tâm Đăng Ký không khởi lên sau Tốc Hành Tâm. Hơn nữa điều này được đề cập trong Chú Giải của Bộ Phân Tích (Sammohavinodāni), rằng sau Tốc Hành Tâm Minh Sát, Tâm Đăng Ký không sanh khởi. Tuy nhiên, bộ Luận cũng đề cập rằng sau Tốc Hành Tâm Minh Sát yếu (Taruṇa), đôi khi Tâm Đăng Ký có thể sanh khởi.

Hơn nữa, sau Tốc Hành Tâm Đại Thiện (Mahakusala Javana), Tâm Đăng Ký Đại Quả (Mahā Vipāka Tadālambaṇa) có thể sanh hoặc là Thọ Hỷ (Somanassa) hay Thọ Xả (Upekkhā) tùy theo Tốc Hành Tâm Đại Thiện tương ứng. Tương tự, Tâm Đăng Ký

Suy Đạc hay Suy Xét Vô Nhân (Ahetuka Santīraṇa Tadālambaṇa) cũng có thể khởi lên, tùy theo. Sau Tốc Hành Tâm Bất Thiện, Tâm Đăng Ký Đại Quả (Mahā Vipāka Tadālambaṇa) hay Tâm Đăng Ký Suy Đạc hay Suy Xét Vô Nhân (Ahetuka Santīraṇa Tadālambaṇa) cũng có thể khởi lên, tùy theo. Trong tập sách này chỉ trình bày một loại, hành giả sẽ hiểu được những phần còn lại khi phân biệt. Theo quy luật chung thì sau Tốc Hành Tâm Hỷ Thọ (Somanassa), thì Đăng Ký Tâm Hỷ Thọ khởi sanh và sau Tốc Hành Tâm Thọ Xả hay Tốc Hành Tâm Thọ Ưu thì Đăng Ký Tâm Thọ Xả sanh khởi. Tám loại Tâm Đại Quả (Mahā Vipāka Citta) và ba Suy Đạc hay Suy Xét Tâm (Santīraṇa), tổng cộng là 11 loại tâm có thể thực hiện nhiệm vụ Đăng Ký Tâm vốn tiếp tục thâu nhận và bắt lấy đối tượng mà Tốc Hành Tâm bắt. Ở đây, tập sách này với ý định đặc biệt cho hàng phàm tam nhân (Tihetuka Phuthujana), nên một bảng biểu về Đồng Sở Duyên hay Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa) khởi lên sau Tốc Hành Tâm, sẽ được trình bày dưới đây. Đối với bậc Tu - Đà - Hoàn, Tư - Đà - Hàm, A - Na - Hàm, phương pháp cũng tương tự nhưng bỏ những phiền não mà họ đã diệt trừ ra.

Tâm Đăng Ký (Tadālambaṇa) Cho Người Phàm Tam Nhân

Sau 1 trong 8 Tốc Hành Đại Thiện Tâm (Mahākusala Javana)	1 trong 11 loại Tâm Đăng Ký có thể khởi lên
Sau 1 trong 8 Tốc Hành Căn Tham (Lobhamūla Javana)	1 trong 11 loại Tâm Đăng Ký có thể khởi lên
Sau 1 trong 2 Tốc Hành Tâm Căn Sân (Dosamūla Javana)	1 trong 6 loại Tâm Đăng Ký Thọ Xả có thể khởi lên
Sau 1 trong 2 Tốc Hành Tâm Căn Si (Mohamūla Javana)	1 trong 11 loại Tâm Đăng Ký có thể khởi lên

Quả Như Vậy Nhưng Tốc Hành Tâm Thay Đổi

(1) Cảnh Thực Tính Tốt (Sabhāva Iṭṭhārammaṇa) hay Cảnh Thực Tính Cực Tốt (Sabhāva Ati-Iṭṭhārammaṇa) được thấy là nhờ Nghiệp Thiện (Kusala Kamma) đời trước. Khi Cảnh Thực Tính Tốt Trung Bình (Iṭṭha Majjhatta) được thấy, các tâm tiến trình (Vīthi Citta) — ngoại trừ Hướng Tâm và Tốc Hành Tâm (Āvajjana và Javana) — đều là Tâm Đại Quả (Mahā Vipāka Citta) và Tâm Thiện Vô Nhân (Ahetuka Kusala Citta). Đối với Tốc Hành Tâm thì nếu là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) thì Tốc Hành Tâm Thiện khởi lên còn nếu là Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) thì Tốc Hành Tâm Bất Thiện khởi lên

(2) Khi Cảnh Thực Tính Cực Tốt, như được nhìn thấy Đức Phật, chỉ năm loại Tâm Đăng Ký Thọ Hỷ có thể khởi lên. Đối với Tốc Hành Tâm, nếu có Như Lý Tác Ý thì Tốc Hành Tâm Thiện khởi lên còn nếu Phi Như Lý Tác Ý thì Tốc Hành Tâm Bất Thiện có thể khởi lên.

(3) Cảnh Thực Tính Bất Mỹ (Xấu) được thấy là do Nghiệp Bất Thiện đời trước. Khi thấy những Cảnh Thực Tính Xấu, nếu có Như Lý Tác Ý thì Tốc Hành Tâm Thiện khởi lên, còn nếu Không Như Lý Tác Ý, thời — vì Tốc Hành Bất Thiện khởi lên — trong Lộ Ngũ Môn như Tâm Lộ Nhãn Môn chẳng hạn, Ngũ Thức (Nhãn Thức), Tiếp Thọ, Suy Đạc hay Suy Xét và Tâm Đăng Ký; và trong Tâm Lộ Ý Môn, Tâm Đăng Ký đều là Tâm

Quả Bất Thiện Vô Nhân. Lưu ý rằng, theo cách định nghĩa này thì chỉ loại Tâm Đăng Ký Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Bất Thiện khởi lên đối với cảnh xấu.

Bảng biểu trên được trình bày theo những qui luật chung. Do đó Tâm Đăng Ký Thọ Hỷ (Somanassa Tadālambaṇa) khởi lên tiếp theo Tốc Hành Tâm Thọ Hỷ; Tâm Đăng Ký Thọ Xả (Upekkhā Tadālambaṇa) khởi lên tiếp theo Tốc Hành Tâm Thọ Xả và Tâm Đăng Ký Thọ Xả khởi lên tiếp theo sau Tốc Hành Tâm Thọ Ưu (Domanassa Javana) thường thường được đề cập. Đối với Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) của một chúng sinh mà Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) của họ có Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) đi kèm thì Hữu Phần (Bhavaṅga) ấy cũng là Thọ Hỷ, nói chung Thọ của Hữu Phần (Bhavaṇga) cùng một loại với Thọ của Kiết Sanh Thức. Trong thời bình nhật của chúng sinh có tâm Tục Sinh Thọ Hỷ ấy, khi Tốc Hành Tâm Sân (Dosa Javana) khởi lên và theo sau Tốc Hành Tâm Sân này nếu Tâm Đăng Ký không thể khởi lên vì một lý do nào đó thì thông thường theo sau Tốc Hành Tâm Sân, Hữu Phần (Bhavaṅga) sẽ khởi lên. Nếu Hữu Phần (Bhavaṅga) khởi lên — thì do tâm Tục Sinh, tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) và tâm Tử (Cuti) trong một kiếp sống là cùng một loại — nên Hữu Phần Thọ Hỷ (Somanassa Bhavanga) sẽ khởi lên vì Kiết Sanh của người ấy được đi kèm bởi Thọ Hỷ vậy. Tuy nhiên, Hữu Phần (Bhavaṅga) đó tất nhiên không thích hợp với Tốc Hành Tâm Sân. Trong trường hợp rắc rối như vậy, một trong hai loại tâm Suy Đạc hay Suy Xét Liên Hợp Thọ Xả (Upekkhāsahagata Santīraṇa Citta) (nếu đó là cảnh xấu thì Tâm Quả Bất Thiện, nếu là cảnh tốt thì Tâm Suy Xét [Suy Đạc] Thọ Xả Quả Thiện) khởi lên, thực hiện nhiệm vụ Āgantuka Bhavaṅga (Hữu Phần Khách) để nối Tốc Hành Tâm Sân Và Tâm Hữu Phần Thọ Hỷ.

<u>Hữu Phần Khách (Āgantuka Bhavaṅga)</u>:

Những tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) khởi lên tiếp ngay sau tâm Tục Sinh (Paṭisandhi) về bản chất giống như tâm Tục Sinh. Nghĩa là, những tâm Hữu Phần đó là Hữu Phần hiện diện trong thân vì thân cũng đã bắt đầu khởi lên. Chính vì vậy mà những Hữu Phần đó được gọi là Hữu Phần Chủ (Āvāsika Bhavaṅga). Vì Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả đôi khi khởi lên trong trường hợp rắc rối như thí dụ kể trên, nên Hữu Phần trong trường hợp này được gọi là Hữu Phần Khách (Agantuka Bhavaṅga). Và vì Hữu Phần Khách không bắt cùng đối tượng như Tốc Hành Tâm, nên nó không được gọi là Tâm Đăng Ký. Và vì nó cũng không thể bắt cùng đối tượng như Hữu Phần Chủ (Mūla Āvāsika Bhavaṇga), nó chỉ lấy Cảnh Dục của Thường Nghiệp trong kiếp trước làm đối tượng. Nếu cảnh Thường Nghiệp đó là cảnh tốt thì Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Thiện khởi lên và nếu là cảnh không tốt thì Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Bất Thiện khởi lên.

(1) Một người với Kiết Sanh Thọ Hỷ (Somanassa Paṭisandhi) và chấp theo tà kiến, nếu Tốc Hành Tâm Sân khởi lên khi lấy những cảnh cực lớn (Atimahantārammaṇa) hay cảnh rõ (Vibhūtārāmmaṇa) được xem là cực tốt (Ati-Iṭṭha) như Đức Phật chẳng hạn (như một người ngoại giáo nhìn thấy Đức Thế Tôn, anh ta đón nhận hình ảnh cao quý khả kính ấy bằng Tâm Quả Thiện, nhưng đồng lực lại là Tâm Sân chẳng hạn); và đối với người có Tâm Tục Sinh Thọ Hỷ, nếu Tốc Hành Tâm Sân khởi lên, như sợ hãi khi gặp cảnh cực lớn hay cảnh rõ được xem là cực tốt (Ati - Iṭṭha) như thấy những nàng thiên nữ chẳng hạn, thì tiếp sau Tốc Hành Tâm Sân ấy, Tâm Đăng Ký không thể sanh khởi. Trong trường hợp cảnh cực tốt và nếu Tâm Đăng Ký sanh khởi thì điều tự nhiên là chỉ có Tâm Đăng Ký Thọ Hỷ sanh khởi. Tâm Đăng Ký Thọ Hỷ đó không phải khởi lên tiếp sau Tốc Hành Tâm Sân.

(2) Lấy một cảnh Dục làm đối tượng mà cảnh đó là lớn hay cảnh không rõ (Avibhūtārammaṇa) và nếu Tốc Hành Tâm Sân khởi lên trong tiến trình tương tục của một người với Kiết Sanh Thọ Hỷ (Somanassa Paṭisandhi) thì tiếp theo sau Tốc Hành Tâm Sân đó, Tâm Đăng Ký không thể khởi lên. Tâm Đăng Ký chỉ có thể khởi lên nếu đó là cảnh cực lớn trong Ngũ Môn và cảnh rõ trong Ý Môn.

(3) Một người với Kiết Sanh Thọ Hỷ (Somanasasa Paṭisandhi), nếu sau khi chứng Thiền (Jhāna) và thiền đó bị hoại. Thì khi Tốc Hành Tâm Sân khởi lên lấy Tâm Thiền Đáo Đại (Mahaggata Jhana) vốn đã bị hoại ấy làm đối tượng, nghĩ rằng: "Pháp Thượng Nhân của ta đã tan vỡ" — vì lẽ đối tượng là Tâm Đáo Đại (Mahaggata) thì Tâm Đăng Ký phải không thể sanh khởi.

(4) Một người với Tâm Tục Sinh hay Kiết Sinh Thọ Hỷ, nếu Tốc Hành Tâm Sân khởi lên khi lấy một (đối tượng) khái niệm làm đối tượng, tất nhiên Tâm Đăng Ký không thể sanh khởi khi đã lấy khái niệm làm đối tượng.Vì đối tượng không thuộc cảnh Dục.

Trong những Javana Vāra mà Tâm Đăng Ký không thể khởi lên như vậy, Tâm Chủ Hữu Phần Thọ Hỷ (Somanassa Mūla Bhavaṅga) vốn giống như Tâm Tục Sinh cũng không thể khởi lên tiếp theo sau Tốc Hành Tâm Sân. Trong một trường hợp khó xử như vậy – vì Tâm Đăng Ký không khởi mà Tâm Hữu Phần cũng không thể sanh- thời Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả sẽ khởi, làm nhiệm vụ Hữu Phần Khách để nối giữa Tốc Hành Tâm Sân và Tâm Chủ Hữu Phần Thọ Hỷ.

Để quý vị có thể hiểu rõ Tâm Đăng Ký đúng theo lời dạy trên, một bảng phân loại về Nhóm Thiện Tâm Lộ Ý Môn Thuần Túy hàng Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa Line Suddhamanodvāra Vīthi Wholesome Group) sẽ được trình bày lại. Dựa trên bảng này, nên hiểu rằng phương pháp giống như các phương pháp trong bảng còn lại. Đừng quên những qui luật chung chính yếu rằng tiếp theo Tốc Hành Tâm Thọ Hỷ, Tâm Đăng Ký Thọ Hỷ khởi lên, và tiếp theo Tốc Hành Tâm Thọ Xả, Tâm Đăng Ký Thọ Xả khởi lên. Tuy nhiên theo qui luật thì nếu đó là một cảnh xấu thì Tâm Quả vốn là Ngũ Thức, Tiếp Thọ, Suy Đạc hay Suy Xét và Đăng Ký phải là Tâm Quả Bất Thiện (Akusala Vipāka Citta), và vì chỉ có loại Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Bất Thiện Tâm (Akusala Vipāka Upekkhā Satīraṇa) mới có thể sanh lên trong Tâm Đăng Ký nếu Tốc Hành Tâm Thọ Hỷ khởi lên đối với cảnh không tốt, 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma) được trình bày trong bảng phân loại. Tuy nhiên, cũng có 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Thiện (xem bảng trình bày về hàng Cảnh Sắc - Rūpārammaṇa). Do đó hãy ghi nhớ rằng 11 Danh Pháp trong bảng có nghĩa là Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Bất Thiện trên cảnh xấu và Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Thiện trên cảnh tốt.

Nhóm Tín - Tuệ (Saddhā - Paññā)

34 Danh Pháp trong Tốc Hành Tâm, Đăng Ký Tâm và trong Tâm Tục Sinh – Hữu Phần – Tâm Tử (Cuti) của người Tam Nhân mà Tâm Tục Sinh có Thọ Lạc đi kèm được gọi là nhóm Tín - Tuệ cho dễ gọi. 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) đó là :

Thức	11
Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānā)	3
Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇa Sādhāraṇa)	19
Tâm Sở Tuệ (Paññidriya)	1
Tổng cộng:	34

Giống như các Sắc Pháp, Danh Pháp cũng không thể sanh khởi đơn độc một mình. Chúng chỉ khởi lên trong các nhóm. Những nhóm này được gọi là Pháp Tương Ưng (Sampayutta Dhamma). Trong một số trường hợp chúng cũng được gọi là Tổng Hợp Danh hay Đoàn Danh (Nāma Kalāpa). Điều tự nhiên là các Danh Pháp khởi lên theo định luật về Tâm (Citta Niyāma) gọi là Tiến Trình Tâm hay Tâm Lộ (Vīthi). Người hành thiền muốn phân biệt Danh Pháp phải phân biệt chúng theo quy luật cố nhiên (natural fixed law – Niyāma) của chúng. Đi đôi với sáu đối tượng có sáu Lộ Trình Tâm: Lộ Nhãn Môn (Cakkhudvāra Vīthi), Lộ Nhĩ Môn (Sotadvāra Vīthi), Lộ Tỷ Môn (Ghānadvāra Vīthi), Lộ Thiệt Môn (Jivhādvāra Vīthi), Lộ Thân Môn (Kāyadvāra Vīthi) và Lộ Ý Môn (Manodvāra Vīthi). Trong sáu Lộ Trình Tâm này, sẽ dễ dàng hơn cho người hành thiền nếu họ phân biệt Lộ Ý Môn (Manodvāra Vīthi) trước, vì lẽ nó có ít loại tâm lộ trong đó. Trong số các Tâm Lộ Ý Môn (Manodvāra Vīthi) đối với hành giả tu thiền chỉ thì bắt đầu với việc phân biệt các Danh Pháp (Nāma Dhamma) của thiền chứng (thiền chi và các danh pháp phối hợp trong bậc thiền mình chứng) sẽ dễ dàng hơn. Lý do là vì hành giả đã quán được các thiền chi ở giai đoạn tu Thiền Định rồi.

Hàng Cảnh Pháp – Ý Môn – Lộ Trình Tâm Nhập Thiền

Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) trong trái tim	5 54	5 54	5 54	5 54	5 54	54
	M Ma	P pa	U U	N Nu	G Go	Tốc Hành Tâm (số lần Tốc Hành Tâm thiền na xảy ra)
Sơ thiền	1 12	3 34	3 34	3 34	3 34	34
Nhị thiền	1 12	3 34	3 34	3 34	3 34	32 (Tầm Tứ đã được loại trừ)
Tam thiền	1 12	3 34	3 34	3 34	3 34	31 (Hỷ được loại trừ)
Tứ thiền	1 12	3 33	3 33	3 33	3 33	31 (Lạc được loại trừ, thay thế)

Ma = Manodvārāvajjana (Ý Môn Hướng Tâm): tâm hướng về đối tượng (như tợ tướng hơi thở - Ānāpānapaṭibhāga Nimitta)

Pa = Parikamma (Chuẩn Bị): Kāmāvacara Mahākusala Javana Citta (Tốc Hành Tâm Đại Thiện Dục Giới) này thực hiện nhiệm vụ mở đầu (như "hơi thở vô – hơi thở ra …") để cho các Tốc Hành Tâm Thiền (Jhāna Javana) sanh lên.

U = Upacāra (Cận Hành): Mahākusala Javana Citta (Tốc Hành Tâm Đại Thiện) này rất gần với Tốc Hành Tâm Thiền.

Nu = Anuloma (Thuận Thứ): tâm này vừa thuận với tâm trước và thuận với tâm tiếp

Go = Gotrabhū (Chuyển Tánh): Mahākusala Javana Citta này cắt đứt dòng Dục Giới

Ja = Jhāna Javana (Tốc Hành Tâm Thiền) = Rūpāvacara Kusala Javana Citta\ Arūpāvacara Kusala Javana Citta (Tốc Hành Tâm Thiện Sắc Giới \ Tốc Hành Tâm Thiện Vô Sắc Giới)

Lưu ý : Trong việc quán các Danh Pháp người hành thiền không thể biết những khái niệm về tên gọi như Tâm Chuẩn Bị (Parikamma), Cận Hành (Upacāra), Thuận Thứ (Anuloma), Chuyển Tánh (Gotrabhū), hành giả chỉ biết nó xảy ra như những Tốc Hành Tâm (Javana Citta) mà thôi. Những Tâm Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Chuyển Tánh này chỉ là những Tốc Hành Tâm Đại Thiện (Mahākusala Javana) đối với hàng phàm nhân hay các bậc Thánh Hữu Học (Tu-đà-hoàn, Tư-đà- hàm, A-na-hàm). Đối với vị A-la-hán thì những tâm đó là những Tốc Hành Tâm Đại Duy Tác (Mahā Kiriya Javana). Đối với những hành giả với tuệ nhạy bén thì chỉ có Cận Hành, Thuận Thứ, Chuyển Tánh xảy ra, chứ không có những Tốc Hành Tâm Chuẩn Bị.

Một hành giả sơ cơ muốn phân biệt các Danh Pháp này thì nên nhập vào bậc thiền nào mà mình muốn phân biệt. Rồi, sau khi đã xuất khỏi thiền đó, bắt đầu phân biệt các thiền chi. Bằng Minh Sát Trí, hành giả có thể thấy sự sanh khởi của những thiền chi này cùng nhau trong từng sát-na tâm và nối tiếp nhau rất nhiều lần. Nếu thành công, hãy phân biệt các tất cả các Pháp Tương Ưng Thiền (Jhāna Sampayutta Dhamma) này dần dần (từng pháp một) trong từng sát-na tâm theo 1 trong 3 cách phân biệt Danh Pháp (Nāma Dhamma), đó là, hoặc bắt đầu với Thức, hoặc bắt đầu với Thọ hoặc bắt đầu với Xúc. Đối với những người đã có một vốn kiến thức căn bản về Vi Diệu Pháp thì có thể sẽ phân biệt được đến mức độ này; nhưng chúng tôi thấy rằng nó sẽ là rất khó hiểu đối với những ai chỉ có chút ít kiến thức căn bản về Vi Diệu Pháp. Do đó, đối với ai trí còn yếu thì 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của sơ thiền lấy tợ tướng hơi thở làm đối tượng được nhắc lại lần nữa.

34 Tâm Hành Của Sơ Thiền

1. Thức (nhận biết đối tượng như tợ tướng hơi thở)

Tâm Sở Biến Hành - 7 tâm:

2. Xúc (Phassa)
3. Thọ (Vedanā), ở đây là Thọ Lạc (Sukhavedanā)
4. Tưởng (Saññā)
5. Tư (Cetanā)
6. Nhất Hành (Ekaggatā)
7. Mạng Căn (Jīvita)
8. Tác Ý (Manasikāra)

Tâm Sở Biệt Cảnh – 6 tâm

9. Tầm (Vitakka)
10. Tứ (Vicāra
11. Thắng Giải (Adhimokkha)
12. Cần (Viriya)
13. Hỷ (Pīti)
14. Dục (Chanda)

Tâm Sở Tịnh Hảo – 19 tâm

15. Tín (Saddhā)
16. Niệm (Sati)
17. Tàm (Hiri)
18. Quý (Ottappa)
19. Vô Tham (Alobha)
20. Vô Sân (Adosa)
21. Hành Xả (Tatramajjhattatā)
22. Tịnh Thân (Kāya Passaddhi)
23. Tịnh Tâm (Citta Passaddhi)
24. Khinh Thân (Kāya Lahutā)
25. Khinh Tâm (Citta Lahutā)
26. Nhu Thân (Kāya Mudutā)
27. Nhu Tâm (Citta Mudutā)
28. Thích Thân (Kāya Kammāññatā)
29. Thích Tâm (Citta Kammaññatā)
30. Thuần Thân (Kāya Pāguññatā)
31. Thuần Tâm (Citta Pāguññatā)
32. Chánh Thân (Kāyujjukatā)
33. Chánh Tâm (Cittujjukatā)

Vô Si (Amoha)

34. Tuệ Căn (Paññidriya)

Chú ý: 12 Tâm – Tâm Sở (Citta - Cetasika) trong Ý Môn Hướng Tâm là 12 Danh Pháp từ "Thức" tới "Dục" trong 34 Danh Pháp kể trên.

Nhóm các thiền chi như Tầm, Tứ… được gọi là bậc thiền (Jhāna) và nhóm các Tâm - Tâm Sở đi kèm với bậc thiền đó được gọi là các Pháp Tương Ưng Thiền (Jhāna Sampayutta Dhamma). Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) có hướng dẫn cách phân biệt các **đặc tính, nhiệm vụ, sự thể hiện và nhân gần** của bậc thiền (và Pháp Tương Ưng Thiền, xem Vism. XVIII-3 để biết thêm chi tiết.

Cách Phân Biệt

Thường thường, Jhāna chỉ lấy Tợ Tướng Hơi Thở (Paṭibhāga Nimitta) làm đối tượng. Trong việc hành Thiền Bất Tịnh về bộ xương, Jhāna và các Pháp Tương Ưng lấy Tợ Tướng Bộ Xương làm đối tượng. Trong việc hành thiền Biến Xứ Trắng, Jhāna và các Pháp Tương Ưng lấy Tợ Tướng Kasiṇa Trắng làm đối tượng. Trong việc hành Thiền Về Tâm Từ, thì lấy khái niệm về các chúng sinh làm đối tượng. Trong việc hành Thiền Đề Mục Tử Thi Bất Tịnh, thì lấy Tợ Tướng Của Tử Thi Bất Tịnh làm đối tượng. Do đó, nếu một hành giả thực hành Quán Hơi Thở (Ānāpāna Kammaṭṭhāna), hay Thiền Về Sự Bất

Tịnh Của Bộ Xương, Thiền Biến Xứ Trắng (Kasiṇa) và Bốn Thiền Bảo Hộ ở giai đoạn bậc thiền (Jhāna), thời các Danh Pháp hành giả phải quán là :

(1) Thiền hơi thở: Sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.
(2) Thiền quán bất tịnh bộ xương: Sơ thiền.
(3) Thiền kasiṇa trắng : Sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.
(4) Thiền tâm từ: Sơ thiền, nhị thiền, tam thiền.
(5) Thiền bất tịnh của tử thi : Sơ thiền

Nếu hành giả đã thực hành 10 Kasiṇa hay 8 Thiền Chứng (Samāpatti) trong mỗi Biến Xứ (Kāsiṇa), thì tất cả 8 Thiền Chứng đó được kể vào bảng liệt kê về các đối tượng của Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa). Số lượng Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong các bậc thiền Vô Sắc (Arūpa Jhānas) là 31, giống như Tứ Thiền Sắc Giới. Cho nên hành giả phân biệt chúng theo bảng tứ thiền. Nên hiểu rằng đối với các đề mục khác còn lại cách phân biệt cũng giống như phương pháp này ngoại trừ đề mục Bi (Karuṇā) và đề mục Hỷ (Muditā). Trong đề mục Bi và đề mục Hỷ, Tam Thiền có thể đạt được. Do đó, thêm tâm sở Bi trong trường hợp đề mục tâm Bi và tâm sở Hỷ trong đề mục Hỷ vào bảng Danh Pháp (Nāma Dhamma) Thiền Hơi Thở đã đề cập ở trên, thì có 35 - 33 - 32 Danh Pháp.

Các Danh Pháp Thiền này phải được phân biệt như đã trình bày trong đồ biểu. Như đã được đề cập trong Chú Giải Vi Diệu Pháp tập 2 trang 237 Tạng Miến, rằng trong giai đoạn các Tốc Hành Tâm Cận Hành (Upacāra Javana) [đó là Chuẩn Bị - Cận Hành - Thuận Thứ - Chuyển Tánh (Parikamma - Upacāra - Anuloma - Gotrabhū)] của các bậc thiền cao hơn như Nhị Thiền thì tầm tứ còn đi kèm. Trong giai đoạn Tâm Cận Hành của Tứ Thiền thì Hỷ không đi kèm nữa (Thanh Tịnh Đạo).

Yasmā sukhavedanā adukkhamasukhāya vedanā āsevanapaccayena paccayo na hoti, catutthajjhāne adukkhamasukhāya vedanā uppajjitabbaṃ, tasmā tāni upekkhāvedanāsampayuttāni honti. Upekkhāvedanāsampayuttāyeva cettha pītipi parihāyatīti (Thanh tịnh đạo tập 4,trang 182). Có nghĩa là: Thọ Lạc không thể hỗ trợ Thọ Xả bằng sức mạnh của Tập Hành Duyên (Āsevanapaccaya Satti) và trong Tứ Thiền chỉ có Thọ Xả khởi lên. Do đó Tốc Hành Tâm Cận Hành (Upacāra Javana) của Tứ Thiền được phối hợp với Thọ Xả (Upekkhāvedanā) và Hỷ (Pīti) không có mặt.

Nếu một người muốn phân biệt các Danh Pháp Sơ Thiền Hơi Thở, thì trước hết phải nhập vào Sơ Thiền Hơi Thở, sau khi đã xuất thiền và bắt đầu với việc phân biệt năm chi thiền của Sơ Thiền. Hành giả phải làm thế nào để có thể thấy được sự sanh khởi tiếp nối nhau không ngừng của năm chi thiền này. Nếu không thành công, thì bắt lấy Tợ Tướng Hơi Thở làm đối tượng, rồi nhập Sơ Thiền Hơi Thở trở lại, sau đó xuất thiền rồi:

(1) Phân biệt Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) = Ý Môn (Manodvāra).
(2) Phân biệt đối tượng Tợ Tướng Hơi Thở.
(3) Khi Tợ Tướng Hơi Thở đó tác động và xuất hiện trong Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) tức Ý Môn, hãy phân biệt các chi thiền trở lại.

Vào lúc đó, vì vừa mới xuất thiền, đối tượng Tợ Tướng Hơi Thở vẫn còn hiện khởi, không dễ dàng mất đi. Nếu thực hành đi thực hành lại như vậy nhiều lần, vì đó là sự phân biệt các Danh Pháp Thiền sau khi đã quán Căn hay Vật (Vatthu) và đối tượng cùng nhau, hành giả có thể sẽ phân biệt được sự sanh khởi nhiều lần của các thiền chi.

Sau đó hành giả phải bắt đầu quán các Danh Pháp bắt đầu với Thức, hay với Thọ hay với Xúc. Nếu hành giả phân biệt bắt đầu với Thức thì hành giả phải thực hành để có thể thấy được chỉ sự sanh khởi của Thức nối tiếp nhau nhiều lần. (Lưu ý rằng đối với sự

phân biệt bắt đầu với Thọ hoặc Xúc, phương pháp cũng tương tự như vậy). Nếu thành công, thì thực hành tiếp để thấy được sự khởi lên nhiều lần của cả Thức lẫn Xúc. Nếu thành công, thì tiếp tục phân biệt ba Danh Pháp - Thức, Xúc và Thọ; kế tiếp phân biệt bốn Danh Pháp - Thức, Xúc, Thọ và Tưởng; tiếp phân biệt năm Danh Pháp - Thức, Xúc, Thọ, Tưởng và Tư; và cứ gia tăng con số các Danh Pháp lên dần dần theo cách này. Cuối cùng, thực hành sao để có thể thấy sự sanh khởi nối tiếp nhau nhiều lần của 12 Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong Ý Môn Hướng Tâm, và 34 Danh Pháp trong Tốc Hành Tâm (Javana). Nếu thành công, thì:

Pariggahetā sabbampetaṃ ārammaṇābhimukhaṃ namanato namanaṭṭheṇa nāmanti vavatthapetabbaṃ (Thanh Tịnh Đạo tập 4,trang 182).

Khi hành giả, bằng Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa), có thể phân biệt và quán được sự sanh khởi nối tiếp nhau nhiều lần của 12 Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong Ý Môn Hướng Tâm (Manodvāravajjana), và 34 Danh Pháp cùng sanh trong từng sát- na của Tốc Hành Tâm Cận Hành [đó là Chuẩn Bị (Parikamma), Cận Hành (Upacāra), Thuận Thứ (Anuloma) và Chuyển Tánh (Gotrabhū)] và của các Tốc Hành Tâm Thiền, sau đó — vì tất cả các Danh Pháp này đều nghiêng về đối tượng, ở đây là Tợ Tướng Hơi Thở (Ānāpāna Paṭibhāga Nimitta) — hãy phân biệt, biết và quán chúng như là "Danh, Danh…" có đặc tính là nghiêng về phía đối tượng.

(Ghi chú: Trong trường hợp này, điều cần thiết là phải thực hành theo cách như vầy - nhập thiền và phân biệt các Danh Pháp (Nāma Dhamma) thiền, rồi nhập thiền và phân biệt các Danh Pháp thiền trở lại, trong nhiều lần. Sở dĩ phải làm như vậy là vì các Danh Pháp thiền chỉ rõ đối với Minh Sát Trí khi vừa mới xuất thiền. Đừng quên rằng, nếu các Danh Pháp thiền vẫn không rõ thì phải nhập thiền lại).

Phân Biệt Danh Và Sắc

Sau khi đã phân biệt các Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong bậc thiền theo cách này, hành giả phải tiếp tục theo hướng dẫn của Thanh Tịnh Đạo như sau:

Tato yathā nāma puriso anto gehe sappaṃ disvā taṃ anubandhamāno tassa āsayaṃ passati, evameva ayampi yogāvacaro taṃ nāmaṃ upaparikkhanto 'idaṃ nāmaṃ kiṃ nissāya pavattati'ti pariyesamāno tassa nissayaṃ hadayarūpaṃ passati. Tato hadayarūpassa nissayabhūtāni, bhūtanissitāni ca sesupādāya rūpānīti rūpaṃ pariggaṇhāti. So sabbampetaṃ ruppanato rūpanti vavatthapepi .Tato namanalakkhaṇaṃ nāmaṃ rūppanalakkhaṇaṃ rūpanti saṅkhepato nāmarūpaṃ vavatthapeti.

Sau khi đã phân biệt các Danh Pháp Thiền, rồi giống như một người phát hiện ra một con rắn trong nhà và theo dõi nó thì sẽ biết được chỗ trú ngụ của nó như thế nào, ở đây cũng vậy, hành giả thẩm sát, suy xét và tìm kiếm bằng Tuệ Minh Sát như sau: "Các Danh Pháp này nương vào cái gì để khởi sanh?". Hành giả sẽ thấy ra Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) của những Danh Pháp này. Sau đó, bằng Minh Sát Trí vị ấy phân biệt Tứ Đại mà Sắc Ý Vật nương vào; cũng như các Sắc Y Đại Sanh (Upādā Rūpa) còn lại, ngoại trừ Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) vốn dựa vào Tứ Đại ấy sanh khởi. Hành giả cũng phân biệt và biết các hiện tượng vật lý gọi là sắc pháp bị bức bách bởi sự thay đổi không ngừng. Kế tiếp hành giả phân biệt và biết các Danh Pháp và Sắc Pháp một cách tóm tắt như:

(1) Các pháp có đặc tính tự nhiên nghiêng về đối tượng là Danh (Nāma).
(2) Các pháp có đặc tính tự nhiên phải chịu sự thay đổi không ngừng là Sắc (Rūpa).

Theo định nghĩa của Chú Giải trên đây thì người hành thiền đã phân biệt các Danh Pháp thiền và sau đó phân biệt thêm Sắc Tứ Đại và các Sắc Y Đại Sanh (Upādā

Rūpa) trong trái tim (Hadaya) nơi mà các Danh Pháp Thiền nương vào, vị ấy còn phải phân biệt và biết rõ các Sắc Pháp và Danh Pháp. Hơn nữa, sau khi đã phân biệt các Danh Pháp Dục Giới (Kāmavacara) trong Lộ Ngũ Môn, thí dụ như Lộ Nhãn Môn, và trong Lộ Ý Môn, rồi sau đó phân biệt thêm các Sắc Pháp trong môn (dvara) thích hợp. Chú ý rằng hành giả phải phân biệt và biết cả Sắc Pháp và Danh Pháp (tham khảo bảng về Sắc Chính (Tứ Đại) và Sắc Y Đại Sanh (Upādā Rūpa) trong sáu môn của giai đoạn Phân Biệt Sắc Pháp.

Người hành thiền sau khi đã phân biệt các Danh Pháp (Nāma Dhamma) thiền vốn là một phần của hàng Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) phải tiếp tục để phân biệt thêm các Danh Pháp lấy Sắc Pháp làm đối tượng. Nếu phân chia Sắc Pháp theo đối tượng thì có sáu loại là: Cảnh Sắc, Cảnh Thanh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc Và Cảnh Pháp. Trong sáu cảnh đó, sẽ dễ dàng hơn nếu bắt đầu phân biệt với Tiến Trình, hay Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) lấy bất kỳ một Sắc Thần Kinh nào trong số năm Sắc Thần Kinh (Pasāda Rūpa) và mười sáu Sắc Tế gọi là Cảnh Pháp làm đối tượng. Điều này là vì có ít loại Tâm Lộ (Citta Vīthi) trong chúng. Trong những Sắc Pháp thuộc hàng Cảnh Pháp này thì có mười một sắc thực và mười sắc không thực. Danh Pháp nào lấy một trong các sắc này làm đối tượng thì phải được phân biệt. Nếu sự quyết định của Ý Môn Hướng Tâm (Manodvāravajjana), vốn là một phần của Tâm Lộ Ý Môn, là Như Lý Tác Ý thì Tiến Trình Tốc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) ở đây, bao gồm các Tốc Hành Thiện (Kusala Javana), sẽ khởi lên; Và nếu là Phi Lý Tác Ý thì Tiến Trình Tốc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) ở đây, bao gồm các Tốc Hành Bất Thiện (Akusala Javana), sẽ khởi lên. Lấy việc phân biệt Tiến Trình Tốc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) gồm các Tốc Hành Tâm Thiện và bắt Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng, được trình bày như một ví dụ sau đây:

Phân Biệt Tiến Trình Tâm Tốc Hành Thiện Ý Môn

(1) Phân biệt Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga).
(2) Lấy Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng.

Khi Nhãn Tịnh Sắc đập vào Hữu Phần (Bhavaṅga) hay xuất hiện ở Hữu Phần thì Tiến Trình Tâm Tốc Hành Thiện Ý Môn (Manodvārika Kusala Javana Vīthi) sẽ khởi lên. Nếu Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) bao gồm trong Tiến Trình Tâm đó (xác định):

(1) Đó là Nhãn Tịnh Sắc

(2) (Quyết định) Nhãn Tịnh Sắc chỉ là một Sắc Pháp, hay

(3) Quyết định (phân biệt) nó là Vô Thường (Anicca), lấy sự sanh diệt của Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng, hay

(4) Quyết định (phân biệt) nó là Khổ (Dukkha), lấy tính chất bị bức bách của sự sanh diệt không ngừng của Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng, hay

(5) Quyết định (phân biệt) nó là Vô Ngã (Anatta), lấy sự không hiện hữu của một thực tánh ở trong Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng, hay

(6) Quyết định (phân biệt) nó là Bất Tịnh (Asubha), lấy tính chất đáng nhờm gớm, như Nhãn Tịnh Sắc bị trộn lẫn với mùi hôi của nó làm đối tượng.

Và - vì đó là Như Lý Tác Ý - Tốc Hành Tâm Thiện sẽ khởi lên. Trong sáu cách Như Lý Tác Ý trên, người hành thiền trước hết nên phân biệt với cách số một. Đó là Tiến

Trình Tốc Hành Ý Môn ((Manodvārika Javana Vīthi) vốn biết đó chỉ là Nhãn Tịnh Sắc. Nó cũng có thể được phân biệt bắt đầu với Thức hay Xúc hay Thọ.

Nếu phân biệt bắt đầu với Thức thì nên thực hành nhiều lần để thấy Thức đang khởi lên như Ý Môn Hướng (Manodvāravajjana), Tốc Hành Tâm (Javana - 7 lần) và Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa - 2 lần). Khi Nhãn Tịnh Sắc xuất hiện rõ trong Tâm Hữu Phần, bằng Minh Sát Trí, hãy thực hành để thấy sự khởi sanh liên tục của Tiến Trình Tâm này nương vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) và Tâm Hữu Phần. Nếu thành công thì phân biệt tiếp các tâm sở, từng tâm sở một, tăng lên dần cho đến 12 tâm - tâm sở (citta - cetasika) trong Ý Môn Hướng (Manodvāravajjana), 34 tâm - tâm sở (citta - cetasika) trong Tốc Hành Tâm, và 34 tâm - tâm sở (citta - cetasika) trong Đăng Ký Tâm; làm sao để có thể thấy sự đồng sanh của chúng trong từng sát-na tâm. Phân biệt theo cách này đối với các Như Lý Tác Ý còn lại. Trong Tốc Hành Tâm và Đăng Ký Tâm:

(1) Đôi khi cả Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti) được bao gồm. Trong trường hợp này, chúng được kèm theo bởi Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā), kết hợp với Trí (Ñāṇa).

(2) Đôi khi chúng được đi kèm với Trí nhưng không có Hỷ. Trong trường hợp này, nó được kèm theo bởi Thọ Xả, kết hợp với Trí.

(3) Đôi khi nó có Hỷ đi kèm, nhưng không có Trí. Trong trường hợp này, nó được kèm theo bởi Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā), không kết hợp với Trí.

(4) Đôi khi nó không có cả Trí và Hỷ đi kèm. Trong trường hợp này, nó được kèm theo bởi Thọ Xả không liên hợp với Trí.

Tổng cộng là 4 loại.

Khi hành thiền trên đó, như "Nhãn Tịnh Sắc", cứ luân phiên phân biệt bốn loại trên, tùy theo có Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti) kèm theo hay không. Tương tự như vậy, hành giả cũng luân phiên phân biệt bốn loại trên, trong lúc hành thiền trên 'Nhãn Tịnh Sắc" kể như Sắc Pháp, như Vô Thường, Khổ, Vô Ngã Và Bất Tịnh. Vì không có sự khác biệt về số lượng của các tâm - tâm sở (citta - cetasikas) khi nó có sự thúc đẩy (sasaṅkhārika - hữu trợ) hay không có sự thúc đẩy (vô trợ - āsaṅkhārika), chỉ có bốn loại như vậy được trình bày trong tập sách này. Trong bốn loại trên, nếu có sự thúc đẩy hay hữu trợ thì có bốn loại và khi không có sự thúc đẩy hay vô trợ thì có bốn loại khác. Như vậy tổng cộng tám loại tức tám loại Đại Thiện Tâm (Mahā Kusala Citta). Tâm Đăng Ký đôi khi khởi lên và đôi khi không khởi. Nếu đối tượng xuất hiện một cách rõ ràng tức cảnh rõ (Vibhūtārammaṇa) thì Tâm Đăng Ký xảy ra. Nếu đối tượng xuất hiện không rõ Tâm Đăng Ký không xảy ra. Cũng có lời dạy cho rằng ở giai đoạn Minh Sát Yếu (Taruṇa Vipassanā), Tâm Đăng Ký có thể xảy ra sau Tốc Hành Tâm Thiện Minh Sát (Vipassanā Kusala Javana) lúc đang hành thiền trên tính chất vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh. Tuy nhiên, có lời dạy khác lại cho rằng Tâm Đăng Ký không khởi lên sau các Tốc Hành Tâm Minh Sát (Vipassanā Javana). Điều này muốn nói về giai đoạn có Tuệ Minh Sát mạnh (Balava Vipassanā).

<u>Bảng Hàng Cảnh Pháp: Tâm Lộ Ý Môn Thuần Túy Nhóm Thiện</u>

Trong trường hợp này, nên hiểu rằng:

1. Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) đang biết nó như là "Thần Kinh Sắc"
2. Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) đang biết nó như là Sắc Pháp
3. Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) đang biết nó như là Vô Thường
4. Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) đang biết nó như là Khổ

5. Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) đang biết nó như là Vô ngã
6. Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) đang biết nó như là Bất Tịnh

phải được phân biệt.

Sắc Thực Cũng Phải Được Phân Biệt Theo Cách Tương Tự

(1) Nhĩ Tịnh Sắc
(2) Tỷ Tịnh Sắc
(3) Thiệt Tịnh Sắc
(4) Thân Tịnh Sắc
(5) Nguyên tố Nước (Āpo Dhātu)
(6) Sắc tính Nữ (Itthi Bhāva Rūpa)
(7) Sắc tính Nam (Purisa Bhāva Rūpa)
(8) Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa)
(9) Sắc Mạng Quyền (Jīvita Rūpa)
(10) Sắc Thực Tố (Ojā Rūpa)

Chú ý: Kể luôn Nhãn Tịnh Sắc, có 11 loại sắc thực vốn là một phần của hàng Cảnh Pháp. Sau khi phân tích một Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalapa) thích hợp nơi đây, Sắc Pháp mà hành giả muốn phân biệt bao gồm (trong đó). Và sau khi đã chọn sắc thực mà hành giả muốn lấy làm đối tượng, thì bạn phải quán các Danh Pháp và Sắc Pháp khởi lên khi lấy Sắc Pháp ấy làm đối tượng. Trong Sắc Tính Nam (Purisa Bhāva Rūpa) và Sắc Tính Nữ (Itthi Bhāva Rūpa) thì khi phân biệt bên trong (Ajjhatta), hành giả nam chỉ phân biệt Sắc Tính Nam, hành giả nữ chỉ quán Sắc Tính Nữ mà thôi. Trong lúc quán bên ngoài (Bahiddha), vì ở bên ngoài chúng không khác gì nhau nên hành giả có thể quán cả hai sắc tính (Bhāva Rūpa).

10 loại sắc không thực không phải là đối tượng của Thiền Minh Sát trên Tam Tướng; mặc dù một hay tất cả sắc không thực có được quán như là Vô Thường, tiến trình Tốc Hành Tâm Minh Sát (Tâm Lộ Tốc Hành Minh Sát) vốn biết nó như là Vô Thường sẽ không xảy ra. Hãy nhớ rằng đối với các đặc tính Khổ và Vô Ngã cũng thế, không thể quán trên các sắc không thực. Do đó, trong mỗi loại sắc không thực chỉ quán được theo hai phương thức, thí dụ:

(1) Với Ākāsa Dhātu – Hư Không Giới: quán nó chỉ như là "Hư Không Giới", phân biệt các tâm — tâm sở (citta - cetasika) đang biết "Hư Không Giới" trong bốn loại, xen kẽ quán sự có mặt của Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti).

(2) Quán Ākāsa Dhātu chỉ là một Sắc Pháp, phân biệt tâm — tâm sở (citta-cetasika) đang biết nó như là Sắc Pháp trong bốn loại, xen kẽ quán sự có mặt của Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti).

Ở đây cũng vậy, trước hết phân biệt để thấy Hư Không Giới vốn là khoảng không hay kẻ hở giữa các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa). Chỉ sau khi đã phân biệt như thế hành giả mới tiếp tục phân biệt các Danh Pháp lấy Ākāsa Dhātu làm đối tượng. Phân biệt tất cả các sắc không thực như trong thí dụ sau:

Bảng Hàng Cảnh Pháp – Ý Môn Nhóm Thiện; Phân Biệt Danh Sắc Lấy Sắc Không Thực Làm Đối Tượng

Chín Sắc Pháp Không Thực Được Quán Tương Tự

(1) Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti): biểu lộ bằng thân
(2) Khẩu Biểu Tri (Vacīviññatti): biểu lộ bằng lời nói

(3) Khinh Sắc (Rupassa Lahutā) - Đặc Tính Nhẹ Của Sắc Pháp
(4) Nhu Sắc (Rupassa Mudutā) - Đặc Tính Mềm Dịu
(5) Thích Nghiệp (Rupassa Kammaññatā) - Đặc Tính Nhu Thuận
(6) Sự Khởi Sanh (Upaccaya) - Sinh
(7) Sự Liên Tục (Santati) – Tiến
(8) Sự Trưởng Thành, Trụ, hay Hoại Diệt (Jaratā)
(9) Sự Phân Tán Của Sắc Pháp (Aniccatā)

Chú ý: Danh Pháp lấy Sắc Sinh (Upacaya) làm đối tượng được quán chỉ khi một người có thể quán được Danh Sắc Kiết Sanh (Paṭisandhi), sự hình thành bào thai ở giai đoạn đầu tiên.

Trong việc quán Danh Pháp lấy các Sắc Pháp không thực trên làm đối tượng, chọn Sắc Pháp đó chỉ sau khi đã phân tích Sắc Do Tâm Sanh (Cittaja Rūpa), Sắc Do Thời Tiết Sanh (Utuja Rūpa) hay Sắc Do Vật Thực Sanh (Āhāra Rūpa) vốn khởi lên cùng nhau trong một Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) với Sắc Pháp mà hành giả muốn quán, cho đến khi Minh Sát Trí đạt đến thực tại tối hậu, chân đế. Lý do là vì các Sắc Pháp khởi sanh như Rūpa Kalāpa trong nhóm là điều tự nhiên.

Do đó, trước hết phải làm sao để có thể phân biệt được các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa). Sau đó phân tích các Tổng Hợp Sắc ấy để thấy thực tại cùng tột[1] của Sắc Pháp, như nếu có 8 loại Sắc Pháp, thì làm sao để có thể thấy 8 loại, nếu có 9 loại Sắc Pháp, thì làm sao để có thể thấy 9 loại, nếu có 10 loại Sắc Pháp, thì làm sao để có thể thấy 10 loại, v.v.. Chỉ sau khi đã phân tích như vậy rồi mới chọn một sắc thực, như Nhãn Tịnh Sắc hay một sắc không thực như Thân Biểu Tri (Kāya Viññatti) mà hành giả muốn phân biệt. Khi Sắc Pháp đó đập vào dòng Hữu Phần, có nghĩa là xuất hiện một cách rõ ràng, thì phân biệt các Danh Pháp lấy Sắc Pháp đó làm đối tượng.

Đối với người có Tuệ Minh Sát còn yếu, 34 Danh Pháp của nhóm thiện khi lấy Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng, sẽ được đề cập.

34 Danh Pháp Lấy Nhãn Tịnh Sắc Làm Đối Tượng

(1) Thức
(2) Xúc (Phassa): - sự xúc chạm của Nhãn Tịnh Sắc (đặc tính)
- sự nối kết giữa Nhãn Tịnh Sắc và Thức (nhiệm vụ)
(3) Tuệ (Paññā): biết rõ Nhãn Tịnh Sắc

Ngang mức này, hành giả có thể hiểu về các Danh Pháp lấy Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng. Đối với các sắc thực khác như Nhĩ Tịnh Sắc; và các sắc không thực cũng tương tự như vậy. Sau khi phân biệt các Danh Pháp lấy sắc thực và không thực của hàng Cảnh Pháp làm đối tượng, phân biệt thêm Danh Pháp lấy năm Cảnh (Pañcarammaṇa), như Cảnh Sắc làm đối tượng. Hiểu rõ ý nghĩa của 7 loại tâm (tiến trình) trong Lộ Nhãn Môn (đó là Ngũ Môn Hướng, Nhãn Thức, Tiếp Thọ, Suy Đạc hay Suy Xét, Xác Định (Quyết Định), Tốc Hành Tâm, và Đăng Ký Tâm (Pañcadvāravajjana, Cakkhuviññāṇa, Sampaṭicchana, Santīraṇa, Voṭṭhabbana, Javana, Tadālambaṇa) và các loại Tâm Tiến Trình trong Lộ Ý Môn (đó là Ý Môn Hướng (Manodvāravajjana), Tốc Hành Tâm (Javana), và Đăng ký Tâm (Tadālambaṇa) . Chỉ khi làm được như vậy hành giả mới có thể hiểu được cách phân biệt.

---

[1] Thực Tại Cùng Tột hay Sắc Chân Đế là sắc pháp không còn có thể chia chẻ thêm được nữa, như trong mỗi Tổng Hợp Sắc, ít nhất có 8 sắc chân đế, đất, nước, lửa, gió, màu, mùi, vị và dưỡng chất.

Cảnh Sắc (Hàng Màu) - Bảng Nhóm Thiện ; Phương Pháp Phân Biệt

(1) Phân biệt Nhãn Tịnh sắc và Bhavaṅga (Ý Môn) cùng nhau.

(2) Lấy Cảnh Sắc của một Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) hay một nhóm nhiều Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) làm đối tượng.

(3) Khi Cảnh Sắc tác động hay xuất hiện trong Nhãn Tịnh Sắc và Bhavaṅga cùng một lúc, Lộ Nhãn Môn (Ngũ Môn Hướng Tâm, Nhãn Thức,….) và Lộ Ý Môn vốn tiếp tục bắt lấy Cảnh Sắc làm đối tượng, sanh khởi.

(4) Nếu Tâm Hướng (Āvajjana), Xác Định (Voṭṭhabbana), Ý Môn Hướng Tâm bao gồm trong tâm lộ đó quyết định nó chỉ là Cảnh Sắc (Màu), thì đó là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) và Tốc Hành Tâm Thiện sẽ khởi lên. Những Danh Pháp Tốc Hành Tâm Thiện và Danh Pháp của Tâm Đăng Ký (34)… là nhóm Danh Pháp Tín — Tuệ (Saddhā Paññā).

Nếu hành giả muốn phân biệt Danh Pháp của các Tiến Trình Tâm bắt đầu với Thức thì thực hành để có thể phân biệt trước hết chỉ một mình Thức hợp theo Tiến Trình Tâm xảy ra trong mỗi sát-na tâm.

Thực hành nhiều lần pháp quán hai môn đó, tức quán Nhãn Tịnh Sắc (Nhãn Môn), Ý Môn (Bhavaṅga) và đối tượng vốn là Cảnh Sắc cùng lúc với nhau – làm sao để có thể thấy và biết mỗi Thức của Tiến Trình Tâm đang sinh như là "Tác Ý", "Thấy", "Tiếp Thọ", "Suy Đạc hay Suy Xét", "Xác Định", "Tốc Hành Tâm" (Javana 7 lần), Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa 2 lần); sau đó Bhavaṅga khởi lên nhiều lần, và rồi "Tác Ý", "Thấy", "Tiếp Thọ", "Suy Đạc hay Suy Xét", "Xác Định", "Tốc Hành Tâm" (Javana 7 lần), Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa 2 lần). Trong trường hợp này, thực hành sao để có thể thấy rằng khi Tâm Lộ Nhãn Môn (Cakkhudvāra Vīthi) sanh lên một lần, Lộ Ý Môn (Manodvāra Vīthi) vốn tiếp tục lấy Cảnh Sắc làm đó làm đối tượng sanh lên trong nhiều lần (sau khi nhiều Tâm Hữu Phần đã xuất hiện giữa các Tiến Trình Tâm). Nếu hành giả có thể phân biệt được từng tâm lộ sanh khởi thành công – đó là có thể phân biệt được sự sanh khởi đồng thời của từng tâm sở như là Xúc, Thọ, v.v.. gia tăng số lượng lên dần như quán 1 tâm sở, rồi 2 tâm sở, rồi 3 tâm sở, rồi 4 tâm sở, rồi 5 tâm sở, rồi 6 tâm sở, rồi 7 tâm sở, 8 tâm sở, v.v.. trong mỗi sát-na tâm một cách rõ ràng. Sau đó thì phân biệt tâm - tâm sở (citta - cetasika) theo bảng. Dần dần hành giả sẽ thành công.

Chú ý: Trong việc quán bắt đầu với Xúc, hay với Thọ phương pháp cũng tương tự như vậy. Nếu không thành công thì quán đi quán lại các Sắc Pháp nhiều lần. Danh Pháp sẽ tự động xuất hiện một cách rõ ràng. Điều này được hướng dẫn trong Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga).

Sắc Pháp Thực Và Không Thực :

Trong Tiến Trình Tâm này, Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa) nương vào Sắc Nhãn Vật (Cakkhu Vatthu Rūpa) vốn là Nhãn Tịnh Sắc để sanh khởi. Tất cả các Danh Pháp khác còn lại trong Lộ Nhãn Môn và Lộ Ý Môn đều nương vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) để sanh khởi. Do đó Sắc Vật (Vatthu Rūpa) được trình bày trong bảng. Theo Pháp Môn Kinh (Suttanta) thì Sắc Pháp phải được phân biệt cho tới khi nguyên khối tưởng bị phá vỡ ra; như vậy 'Vatthu' hay Vật không chỉ có nghĩa là một mình Căn (Vatthu) thôi mà còn bao gồm Sắc Chính (Bhūta - Tứ Đại Chủng) và các Sắc Y Đại Sinh (Upādā Rūpa) hiện hữu trong đó. Sự phân biệt như vậy được trình bày trong Chú Giải Mūla Paṇṇāsa (trang 281 Vatthu nāma karajakāyo…pe…atthato bhūtāni ceva upādārūpaṃ ca… Tuy nhiên, trong bảng chủ yếu chỉ có sắc thực được trình bày. Ở giai đoạn Danh

Sắc Phân Tích Trí (Nāmarūpa Pariccheda Ñāṇa) nơi đây Danh Sắc được phân biệt, thì phân biệt các sắc không thực được càng nhiều càng tốt, xen lẫn với nhau. Sắc không thực chỉ được bỏ qua ở giai đoạn Minh Sát (tức giai đoạn quán Tam Tướng) mà thôi.

Một điểm nữa là trong Hữu Phần, 34 Danh Pháp được trình bày cho người Tam Nhân mà Tâm Tục Sinh của họ có Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) đi kèm. Nếu hành giả là người Tam Nhân với Tâm Tục Sinh được kèm theo bởi Thọ Xả (Upekkhā Vedanā) thì chỉ có 33 Danh Pháp (Nāma Dhamma). Hữu Phần (Bhavaṅga) chỉ lấy một trong 3 đối tượng, đó là Nghiệp (Kamma), Nghiệp Tướng (Kamma Nimitta), hoặc Thú Tướng (Gati Nimitta) làm đối tượng. Chúng là đối tượng của Tốc Hành Tâm Cận Tử (Maranāsanna Javana), xảy ra ở thời điểm cận kề sự chết ở kiếp quá khứ. Nếu hành giả có thể quán được đối tượng quá khứ của Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) thì cũng nên quán những Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) khởi lên ở giữa các Tiến Trình Tâm. Ở giai đoạn ban đầu của việc quán các Danh Pháp này nếu hành giả vẫn không thể phân biệt được đối tượng của Hữu Phần (Bhavaṅga), thì tạm thời có thể bỏ qua.

Như Lý Tác Ý

(1) Nếu hành thiền trên Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), ở đây xem màu sắc chỉ như một Cảnh Sắc. Hành giả phân biệt Lộ Nhãn Môn và Lộ Ý Môn theo sau (Lộ Nhãn) và Lộ Ý Môn Thuần Túy đang biết nó chỉ là Cảnh Sắc (màu sắc) sẽ khởi lên (phương pháp phân biệt đã được trình bày).

(2) Nếu hành thiền trên Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), (xem nó) chỉ như một Sắc Pháp, thời hành giả phân biệt Lộ Ý Môn đang biết nó chỉ là một Sắc Pháp.

(3) Nếu hành thiền trên Cảnh Sắc, (xem nó) chỉ là Vô Thường (Anicca), bằng Minh Sát Trí lấy sự sanh và diệt trong Cảnh Sắc đó như đối tượng, rồi phân biệt Lộ Ý Môn đang biết nó là Vô Thường.

(4) Nếu hành thiền trên Cảnh Sắc, (xem nó) chỉ là Khổ (Dukkha), bằng Minh Sát Trí hành giả lấy sự bức bách bởi sanh và diệt liên tục của Cảnh Sắc đó như đối tượng, rồi phân biệt Lộ Ý Môn đang biết cảnh đó là Khổ.

(5) Nếu hành thiền trên Cảnh Sắc, (xem nó) chỉ là Vô Ngã, bằng Minh Sát Trí hành giả lấy sự phi hữu hay không hiện hữu của một thực thể bất khả hoại trong Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) đó, rồi phân biệt Lộ Ý Môn đang biết cảnh đó là Vô Ngã.

(6) Nếu hành thiền trên Cảnh Sắc, (xem nó) chỉ là Bất Tịnh, bằng Minh Sát Trí hành giả lấy sự ghê tởm của Cảnh Sắc đó như đối tượng, rồi phân biệt Lộ Ý Môn đang biết cảnh đó là Bất Tịnh.

Tiến Trình Tâm Nhãn Môn hay Tâm Lộ Nhãn Môn có thể biết Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), tức biết màu đó chỉ là màu sắc; nó không thể biết Cảnh Sắc hay màu sắc đó như chỉ là Sắc Pháp, hay Vô Thường, hay Khổ, hay Vô Ngã, hay Bất Tịnh.

Một trong những lý do để đưa ra những hướng dẫn phân biệt Danh Pháp vốn đang thiền trên Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) theo 6 cách như vừa nêu là để cho hành giả hiểu được sự sanh khởi của các Tốc Hành Tâm Thiện nếu đó là Như Lý Tác Ý.

Cũng vậy, ở giai đoạn Hoại Diệt Trí (Bhaṅga Ñāṇa) – ñātañca ñāṇañca ubhopi vipassati – theo như sự hướng dẫn của các nhà chú giải cổ xưa về phương pháp Thiền Minh Sát trên cả hai:

(1) Khổ Đế (Dukkha Saccā), Tập Đế (Samudaya Saccā) được gọi là Ñāta (Sở Tri hay Cái Phải Được Biết) và

(2) Cái Đang (Biết) hay Cái Đang Thiền, tức tâm và tâm sở trong Tâm Lộ Tốc Hành Minh Sát Ý Môn (Manodvārika Vipassanā Javana Vīthi Citta - Cetasikas), bao gồm Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa) được gọi là Ñāṇa (Quán Trí), những tâm— tâm sở trong Tâm Lộ Tốc Hành Minh Sát Ý Môn đó cũng phải được hành thiền trên đó bằng Minh Sát trở lại (Tâm Minh Sát sau quán Tâm Minh Sát trước).

Do đó, đây cũng là một lý do khác cho việc thực hành trước để có thể Thiền Minh Sát trên cái đang Minh Sát hay trên Quán Trí (Ñāṇa). Ghi nhớ rằng, chính vì 2 lý do này mà có sự quán theo 6 cách như vậy.

Trong trường hợp này, như đã được đề cập trong Chú Giải Sammoha Vinodanī rằng Tâm Đăng Ký không thể sanh sau các Tốc Hành Tâm Minh Sát Lấy Tam Tướng Làm Cảnh Sở Tri (Lakkhaṇārammaṇa Vipassanā Javana), tức những Tâm Minh Sát Trí lấy Tam Tướng: Vô Thường, Khổ, Vô Ngã của các Hành Pháp (Saṅkhara Dhamma) làm đối tượng không thể có Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa) khởi lên sau các Tốc Hành Tâm (Javana). Nhưng cũng theo bản Chú Giải đó thì Tâm Đăng Ký có thể sanh lên sau các Tốc Hành Minh Sát Yếu (Taruṇa Vipassanā Javana). Do đó hành giả phải tự mình kinh nghiệm một cách thực tiễn xem Tâm Đăng Ký có sanh lên hay không sau Tốc Hành Tâm Minh Sát.

<u>Bảng Số Lượng Tâm -Tâm Sở Và Những Giải Thích Tiếp</u>

- Ngũ Môn Hướng Tâm (Pañcadvārāvajjana): trong tâm hướng về cảnh; cố định có 11 tâm – tâm sở (Citta - Cetasika) và luôn có Thọ Xả đi kèm theo.

- Nhãn Thức (CakkhuViññāṇa): trong tâm thấy; cố định có 8 tâm – tâm sở (Citta - Cetasika) và luôn kèm theo Thọ Xả (Upekkhā Vedanā).

- Tiếp Thọ Tâm (Sampaṭicchana): trong sự tiếp nhận cảnh; cố định có 11 tâm – tâm sở (Citta - Cetasika) và luôn có Thọ Xả đi kèm theo.

- Suy Đạc hay Suy Xét Tâm (Santīraṇa): trong sự thẩm sát cảnh; có 12 tâm – tâm sở (Citta - Cetasika) nếu kể luôn Hỷ khi có Thọ Hỷ (Somanasa Vedanā) kèm theo. Hoặc có 11 tâm – tâm sở (Citta - Cetasika) loại trừ Hỷ khi có Thọ Xả (Upekkhā Vedanā) đi kèm theo.

- Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana): trong sự xác định về cảnh; cố định có 12 tâm – tâm sở (Citta - Cetasika) và luôn có Thọ Xả đi kèm theo.

- Tốc Hành Tâm (Javana): trong Tốc Hành Tâm, 34 tâm – tâm sở (Citta - Cetasika) thuộc nhóm Tín - Tuệ (Saddhā Paññā)

(i) Nếu Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti) đi kèm thời có 34 tâm – tâm sở (Citta - Cetasika). Và nó được kèm theo bởi Thọ Hỷ (Somanasa Vedanā).

(ii) Nếu có Trí (Ñāṇa) nhưng không có Hỷ (Pīti) đi kèm thì có 33 tâm tâm – tâm sở (Citta - Cetasika). Và nó được kèm theo bởi Thọ Xả (Upekkhā Vedanā).

(iii) Nếu không có Trí (Ñāṇa) nhưng có Hỷ đi kèm thì có 33 tâm - tâm sở. Và nó có Thọ Hỷ (Somanasa Vedanā) đi kèm.

(iiii) Nếu không có Trí (Ñāṇa) và cũng không có Hỷ đi kèm thì có 32 tâm – tâm sở. Và nó được kèm theo bởi Thọ Xả (Upekkhā Vedanā).

• Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa): trong Tâm Đăng Ký, tương tự như Tốc Hành Tâm có bốn loại

• Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana): trong Ý Môn Hướng Tâm thì tương tự như Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana). Nó có Thọ Xả đi kèm theo.

Chú ý: Thọ thì gần như giống nhau trong Suy Đạc hay Suy Xét Tâm, Tốc Hành Tâm và Đăng Ký Tâm. Nếu Tốc Hành Tâm có Thọ Hỷ (Somanasa Vedanā) kèm theo, thì hầu như Suy Đạc hay Suy Xét Tâm và Đăng Ký Tâm cũng có Thọ Hỷ (Somanasa Vedanā) kèm theo. Nếu Tốc Hành Tâm có Thọ Xả (Upekkhā Vedanā) kèm theo, thì hầu như Suy Đạc hay Suy Xét Tâm và Đăng Ký Tâm cũng có Thọ Xả (Upekkhā Vedanā) kèm theo. Điều này tất nhiên chỉ được đề cập một cách tổng quát. Phương pháp quán hàng Cảnh Thanh và các hàng khác sẽ được trình bày ngắn ngọn như sau:

Hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa):

Nếu hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp Thiện trong hàng Cảnh Thanh vốn bao gồm các Tốc Hành Tâm Thiện trong đó thì:

(1) Phân biệt Nhĩ Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga
(2) Và Cảnh Thanh (âm thanh) cùng với nhau.

Hành thiền trên Cảnh Thanh hay âm thanh đó theo 6 cách:

(i) như chỉ là âm thanh
(ii) như chỉ là một Sắc Pháp
(iii) như là Vô Thường
(iv) như là Khổ
(v) như là Vô Ngã
(vi) như là Bất Tịnh

Đối với hàng Cảnh Sắc (Rūparammaṇa) cũng tương tự, quán theo bốn loại tùy theo có Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti) đi kèm theo hay không.

Hàng Cảnh Khí (Gandhārammaṇa):

Hành giả muốn quán các Danh Pháp trong hàng Cảnh Khí, thì:

(1) Phân biệt Tỷ Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga;

(2) Phân biệt Cảnh Khí (mùi) của một Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), hay một nhóm các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) cùng nhau. Và hành thiền trên Cảnh Khí hay mùi đó theo sáu cách như trên.

Hàng Cảnh Vị (Rasārammaṇa):

Hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp trong hàng Cảnh Vị (Rasārammaṇa), thì:

(1) Phân biệt Thiệt Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga

(2) Phân biệt Cảnh Vị (Vị) của một Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), hay một nhóm các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) cùng nhau. Và hành thiền theo sáu cách như trên.

Hàng Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa):

Hành giả muốn phân biệt các Danh Pháp trong hàng Cảnh Xúc, thì:

(1) Phân biệt Thân Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga

(2) Và phân biệt một là Địa Đại hoặc Hỏa Đại hoặc Phong Đại gọi là Cảnh Xúc (Photthabbārammaṇa) của một Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) hay của một nhóm các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) gần với Thân Tịnh Sắc nhất cùng nhau. Hành thiền theo sáu cách như trên.

Não Bộ Và Trí Tuệ

Ở giai đoạn này, người hành thiền có thể kinh nghiệm trong pháp hành của mình xem thử Minh Sát Trí gọi là Tuệ Quyền (Paññidiriya) có hiện hữu trong não bộ hay không. Theo Vi Diệu Pháp của Đức Phật thì não bộ chỉ là một nhóm các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa). Ở giai đoạn này hành giả có thể dễ dàng thấy Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) khi phân biệt Tứ Đại trong não bộ. Điều này là vì 5 loại Tổng Hợp Sắc (Kalāpa), 44 loại sắc trong não bộ đã được phân biệt một cách thấu đáo ở giai đoạn Rūpa Kammaṭṭhāna (Quán hay Phân Biệt Sắc). Do đó, hãy phân biệt 44 loại sắc này trong não bộ trở lại. Hành giả phải phân biệt để có thể thấy Thân Tịnh Sắc trong 44 loại sắc này.

(1) Phân biệt Thân Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga.

(2) Và phân biệt hoặc Địa Đại, hoặc Hỏa Đại, hoặc Phong Đại của một Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), hay một nhóm Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) gần với Thân Tịnh Sắc nhất cùng nhau.

Khi một trong những Cảnh Xúc (**ở đây có thể là Đất, Lửa, hoặc Gió**) đập vào Thân Tịnh Sắc trong não bộ và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga), thì Tiến Trình Tâm Qua Thân Môn hay Tâm Lộ Thân Môn (Kāyadvārika Vīthi) và Tiến Trình Tâm Tốc Hành Ý Môn hay Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) sẽ khởi lên, lấy Cảnh Xúc làm đối tượng. Nếu Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) và Ý Môn Hướng Tâm, vốn là một phần của những Tiến Trình Tâm này, là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra), (nghĩa là xác định nó như hoặc là Đất, Lửa, Gió hoặc là Sắc Pháp hay là Vô Thường, …) thì Tâm Lộ Tốc Hành Đại Thiện (MahāKusala Javana Vīthi) sẽ khởi lên. Nếu Tốc Hành Tâm có Trí (Ñāṇa) hay Hỷ (Pīti) đi kèm, thời có 34 tâm – tâm sở (Citta - Cetasikas). 34 Danh Pháp này chỉ nương vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa), Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) để sanh khởi. Trong nhóm Danh Pháp này Trí (Ñāṇa) được bao gồm. Phân biệt nhiều lần để tự mình để xem lời dạy này đúng hay không.

Lưu ý: Hành giả phải phân biệt để có thể hiểu rằng trong hàng Cảnh Xúc, nếu đối tượng xúc chạm là dễ chịu (Iṭṭha) thì Thọ Lạc (Sukha Vedanā) ở nơi Thân Thức (Kāya Viññāṇa), và nếu đối tượng xúc chạm là khó chịu (aniṭṭha) thì có Thọ Khổ (Dukkha Vedanā) nơi Thân Thức (Kāya Viññāṇa).

Hàng Cảnh Pháp – Nhóm Thiện

Trong hàng Cảnh Pháp, nhóm thiện được chia làm bốn nhóm để hành giả dễ nhớ. Đó là:

1. Các nhóm Danh Pháp lấy 11 loại sắc thực làm đối tượng.

2. Các nhóm Danh Pháp lấy 10 loại sắc không thực làm đối tượng.

3. Các nhóm Danh Pháp bao gồm Tiết Chế (Virati), Vô Lượng (Apamaññā), Tùy Niệm Phật (Buddhānussati), Tùy Niệm Sự Chết (Maranānussati)

4. Các nhóm Danh Pháp Thiền (Jhāna).

Trong bốn nhóm này, cách phân biệt các tâm ở nhóm (1), (2) và (4) đã được trình bày. Riêng nhóm (3) sẽ được trình bày sau đây.

Chánh Ngữ (Sammā Vācā)

Trong ba tâm sở Tiết Chế (Virati) này, Chánh Ngữ nghĩa là tránh bốn loại Tà Ngữ (nói dối, nói lời hai lưỡi, nói lời thô ác và nói lời vô ích) không liên quan tới việc nuôi mạng. Sau khi đã phân biệt tâm Bhavaṅga, hãy phân biệt đối tượng đang giữ Chánh Ngữ (Sammā Vācā), tức là đang tránh một loại Tà Ngữ nào đó. Trong Danh Pháp Tốc Hành Tâm, đó là 34 Danh Pháp nhóm Tín - Tuệ cộng thêm Chánh Ngữ tổng cộng là 35. Quán theo bốn loại, luân phiên giữa Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti).

Chánh Nghiệp (Sammā Kammanta)

Sau khi quán tâm Bhavaṅga, phân biệt đối tượng đang tránh một trong ba thân hành ác (sát sanh, trộm cắp, tà dâm). Trong Danh Pháp Tốc Hành Tâm, đó là 34 Danh Pháp thuộc nhóm Tín - Tuệ cộng với Chánh Nghiệp tổng cộng là 35. Quán theo bốn loại, luân phiên giữa Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti).

Chánh Mạng (Sammā Ājiva)

Sau khi quán tâm Bhavaṅga, hãy quán đối tượng đang tránh một trong những Tà Ngữ, Tà Hạnh liên quan tới việc nuôi mạng. Danh Pháp Tốc Hành Tâm là 34 Danh Pháp của nhóm Tín - Tuệ cộng với Chánh Mạng tổng cộng là 35. Quán theo bốn loại, luân phiên giữa Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti).

Bi (Karuṇa)

Bi (Karuṇa) là mong muốn cứu vớt một chúng sinh đang đau khổ (dukkhita). Sau khi quán tâm Bhavaṅga, lấy một chúng sinh đang đau khổ mà hành giả muốn cứu vớt làm đối tượng. Danh Pháp Tốc Hành Tâm là 34 Danh Pháp thuộc nhóm Tín - Tuệ cộng với Bi (Karuṇa), tổng cộng là 35. Quán theo bốn loại, luân phiên giữa Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti).

Hỷ (Muditā)

Hỷ (Muditā) là hoan hỷ với hạnh phúc (sukhita) của một chúng sinh nào đó. Sau khi quán tâm Bhavaṅga, lấy chúng sinh đang hạnh phúc làm đối tượng. Trong trường hợp này, nếu vẫn chưa đạt được Thiền Tâm Hỷ (Muditā Jhāna), thì – vì chỉ có Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) khởi lên trong Tốc Hành Tâm – nên chỉ phân biệt hai loại để xem Trí (Ñāṇa) có đi kèm hay không thôi. 34 Danh Pháp cộng với Hỷ (Muditā) là 35 ; Nếu Trí không đi kèm thì 33 Danh Pháp cộng với Hỷ là 34.

Theo Ngài Đại Trưởng Lão Anuruddhā thì đối với một hành giả đã tu tập tâm Hỷ cho đến khi đắc thiền – do năng lực của thiền – Tốc Hành Tâm (Javana) có thể được đi kèm bởi Thọ Xả. Như vậy, người hành thiền đã tu tập Thiền Tâm Hỷ rồi có thể quán theo bốn loại, xen kẽ giữa Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti).

Đăng Ký Tâm Và Tín - Tuệ

Lưu ý rằng, sau Tốc Hành Tâm có Tiết Chế và Vô Lượng, Tâm Đăng Ký không thể khởi lên bởi vì đối tượng không phải là Cảnh Dục (Kāma Object). Tín (Saddhā) trong Danh Pháp Tốc Hành Tâm là niềm tin vào nghiệp và quả của nghiệp. Còn đối với Tuệ (Paññā), thì đó là sự hiểu về nghiệp và quả của nghiệp (Kammassakatā Sammādiṭṭhi).

Tùy Niệm Phật (Buddhānussati)

Nếu hành giả đã tu tập Bốn Thiền Bảo Hộ (Caturārakkha) thì hành giả cũng phải phân biệt Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn Đại Thiện (Mahākusala Manodvārika Javana Vīthi) lấy Ân Đức Phật làm đề mục. Danh Pháp Tốc Hành Tâm đó là 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của nhóm Tín - Tuệ. Vì đề mục Niệm Ân Đức Phật là một đề mục chỉ có thể

đưa đến Cận Định (Upacāra Samādhi), nên Tốc Hành Tâm khởi lên 7 lần. Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa) có thể hoặc không thể khởi lên sau Tốc Hành Tâm.

Tùy Niệm Sự Chết (Maranānussati)

Vì Tùy Niệm Sự Chết (Maranānussati) cũng là một đề mục thiền đưa đến Cận Định, nên Tốc Hành Tâm chỉ xảy ra bảy lần thôi. Đây chỉ là những Tốc Hành Tâm Cận Định Dục Giới (Kāmavacara Upacāra Samādhi Javana), Đăng Ký Tâm không thể khởi lên sau Tốc Hành Tâm. Nó là 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) nhóm Tín - Tuệ trong Tốc Hành Tâm. Nhóm Tâm Sở Tiết Chế và Vô Lượng đã nói cũng như đề mục Tùy Niệm Phật và Tùy Niệm Sự Chết này chỉ là nhóm Kāma Javana Kusala (Thiện Tốc Hành Dục Giới) ở đây Tốc Hành Tâm chỉ khởi lên bảy lần, chúng tạo thành hàng Cảnh Pháp nhóm (3).

Nhóm (3) Hàng Cảnh Pháp - Nhóm Thiện

Lưu ý: Nếu hành giả có thể thực hành đề mục Tùy Niệm Sự Chết (Maranānussati) và muốn phân biệt các Danh Pháp của nhóm Tùy Niệm Sự Chết này thì hãy phân biệt tâm Bhavaṅga, lấy đối tượng là cái chết của chính mình (hình dạng của người chết làm đối tượng).

Ngang mức này, có thể nói sự phân biệt nhóm thiện trong phần Quán Danh (Nāma Kammaṭṭhāna) như thế đã đủ. Nếu quý vị là những hành giả đã tu tập các đề mục khác như 10 Biến Xứ (Kāsiṇa), 8 Thiền Chứng (Samāpatti), thì các Danh Pháp của các thiền chứng này cũng cần phải được phân biệt thêm. Các bậc thiền Vô Sắc cao hơn là những bậc thiền chỉ có hai thiền chi là Xả và Nhất Tâm (Upekkhā – Ekaggatā). Vì chúng không có Tầm, Tứ và Hỷ đi kèm, nên chỉ có 31 Danh Pháp (Nāma Dhamma) Thiền trong mỗi Thiền Vô Sắc. Hãy phân biệt các Danh Pháp Thiền Vô Sắc (Arūpa Jhāna) như hành giả đã làm với Thiền Sắc Giới (Rūpavacara Jhāna). Phương pháp để phân biệt nhóm Danh Pháp Bất Thiện vốn là thành phần của Tốc Hành Tâm Bất Thiện lấy 28 Sắc Pháp làm đối tượng sẽ được trình bày sau.

Sự Sinh Khởi Của Mười Kiết Sử (Saṁyojana) Hay Mười Pháp Trói Buộc.

Sự sinh khởi của 10 Kiết Sử (10 Pháp Trói Buộc) khi lấy Cảnh Sắc (trong số 28 Sắc Pháp) làm đối tượng được đề cập trong Mūlapaṇṇāsa, Chú Giải Kinh Đại Niệm Xứ (Mahāsatipaṭṭhāna Sutta), phần Quán Pháp (Dhammānupassanā). Nếu người nào hiểu sự sanh khởi của 10 Pháp Trói Buộc khi lấy Cảnh Sắc làm đối tượng, thì người ấy cũng hiểu và biết cách quán trên sự sanh khởi của 10 Pháp Trói Buộc (Saṃyojana) liên quan tới 27 loại Sắc Pháp còn lại theo cùng phương pháp. Cách sanh khởi của 10 Kiết Sử là:

(1) Ái Dục (Kāmarāga): Ái Dục Triền (Kāmarāgasaṃyojana) khởi lên trong tiến trình tương tục của một người quá mê đắm Cảnh Sắc như thích sự đẹp đẽ, hay khả ái (Subha).

(2) Vì Cảnh Sắc (Rūparammaṇa) có thể dễ dàng có được trong một cuộc sống giàu sang, nên nếu có sự phát nguyện để được một đời sống giàu sang thì Hữu Ái Triền (Bhava Rāga Saṃyojana) cũng khởi lên.

(3) Nghĩ rằng Cảnh Sắc (Rūparammaṇa) này có thể đạt được nhờ thực hành Giới Cấm Thủ (Sīlabbata), tức những pháp hành lầm lạc như hành hạnh con bò, hay hạnh con chó (bò, chó làm sao bắt chước làm y như vậy). Pháp Trói Buộc này khởi lên trong những người hành theo Giới Cấm Thủ (Sīlabbataparāmāsa).

Chú ý: Ba loại Kiết Sử này nói chung là những Danh Pháp có mặt trong nhóm Tham - Tà kiến (Lobha - Diṭṭhi). Thông thường thì Dục Ái (Kāmarāga) và Hữu Ái

(Bhavarāga) có thể được kèm theo bởi Tà Kiến (Diṭṭhi). Đôi khi chúng cũng có thể được kèm theo bởi Ngã Mạn (Māna). Giới Cấm Thủ (Sīlabbataparāmāsa) chỉ có thể được kèm theo bởi Tà Kiến. Hơn nữa, nếu một người chấp trước vào Cảnh Sắc, xem nó là Thường, Lạc, Ngã thì Tham - Tà kiến (Lobha - Diṭṭhi) có thể khởi sinh. Cái biết sai lầm về Thường, Lạc, Ngã là Si (Moha). Quan Kiến sai lầm hay tin lầm rằng Cảnh Sắc đó là Thường, Lạc, Ngã là Tà Kiến (Diṭṭhi). Có 20 hay 19 hay 22 hay 21 Danh Pháp trong Tốc Hành Tâm.

(4) Nếu một người tự hào về mình, như "chỉ có ta mới phân biệt được Cảnh Sắc [của Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa)]" thời Ngã Mạn Triền (Māna Saṃyojana) khởi lên. Tốc Hành Tâm Bất Thiện nhóm Tham - Tà Kiến (Lobha - Māna Akusala Javana) khởi sanh. Có 20 hay 19 hay 22 hay 21 tâm trong Tốc Hành Tâm ấy.

(5) Nếu một người không hài lòng hay bất mãn với cảnh xấu thì Phẫn Nộ (Paṭigha) Triền khởi lên. (Nó là các Danh Pháp Nhóm Sân [Dosa]). Và có 18 hay 20 Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong Tốc Hành Tâm.

(6) Nếu một người nghĩ rằng: "Ngoại trừ Ta ra, nếu những người khác không thấy được Cảnh Sắc nầy thì tốt", thời Tật[2] Triền (Issā Saṃyojana) khởi lên trong tiến trình tương tục của người ganh tỵ. (Nó là những Danh Pháp thuộc nhóm Sân - Tật, [Dosa – Issā]). Có 19 hay 21 tâm trong Tốc Hành Tâm.

(7) Bằng cách nào đó mà những người khác không chia xẻ được Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) mình có được, thì Lận[3] Triền (Macchariya Saṃyojana) đã khởi lên trong tiến trình tương tục của con người keo kiệt bỏn xẻn ấy. (Nó là những Danh Pháp thuộc nhóm Sân - Lận [Dosa – Macchariya]). Có 19 hay 21 Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong Tốc Hành Tâm.

(8a) Nếu hối hận khởi lên khi lấy Cảnh Sắc làm đối tượng, nghĩa là sau khi đã làm một việc sai lầm liên quan đến Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) (chẳng hạn như làm vấy bẩn mực lên váy áo của người nào đó); và nếu hối tiếc khi lấy đối tượng là sự không làm một điều thiện nào đó (như buồn vì đã không cúng dường bông hoa đến Đức Phật khi màu sắc của bông hoa vẫn còn tươi đẹp), thì hối hận (Kukkucca) khởi lên. (Nó là Danh Pháp thuộc nhóm Sân - Hối). Có 19 hay 21 Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong Tốc Hành Tâm.

(8b) Khi quán Cảnh Sắc mà tâm lang thang hết chỗ này đến chỗ khác hay phóng tâm, thì đó là Trạo Cử (Uddhacca). (Nó là Danh Pháp thuộc Nhóm Trạo Cử). Có 16 Danh Pháp trong Tốc Hành Tâm.

(9) Nghi Triền (Vicikicchā) khởi lên trong tiến trình tương tục của một người có những hoài nghi về Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) như không biết đó là một chúng sinh (Satta), hay một tự ngã (atta), hay là thuộc tính của một chúng sinh, hay thuộc tính của một tự ngã (màu sắc của tự ngã). (Nó là Danh Pháp thuộc nhóm Nghi). Có 16 Danh Pháp trong Tốc Hành Tâm.

(10) Sabbe heva sahajāta aññāṇavasena avijjāsaññojanaṃ uppajati - mỗi khi những triền phược kể trên khởi lên, thì Vô Minh Triền (Avijjā Saṃyōjana), tức sự hiểu biết sai lầm, cũng đi kèm theo chúng (Chú Giải kinh Trung Bộ tập 1, trang 292).

---

[2] Issā: ganh tỵ, ghen tức.

[3] Lận (Macchariya): keo kiệt, bỏn xẻn.

Những pháp trói buộc trên không khởi lên riêng lẻ một mình. Chúng chỉ khởi lên theo nhóm kèm theo bởi các tâm — tâm sở (Citta - Cetasika) phối hợp. Các nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) này khởi lên theo Quy Luật Cố Nhiên của tâm (Citta Niyāma) được gọi là Vīthi (Lộ Trình hay Tiến Trình). Do đó, trong sự phân biệt những Danh Pháp này người hành thiền phải phá vỡ được khối tưởng về những Danh Pháp ấy để đạt đến Trí Hiểu Biết về Thực Tại hay các Tuệ Minh Sát về Pháp Chân Đế. Vì thế, trước tiên các nhóm này sẽ được trình bày.

Danh Pháp Nhóm Tham - Tà Kiến (Lobha - Diṭṭhi) — Bốn Nhóm

(1) Thức	1
Tợ Tha (Aññasamāna)	
(các tâm sở chung cho cả hai loại thiện và bất thiện)	13
Tâm sở Biến Hành Bất Thiện (Akusala Sādhāraṇa)	4
Tham – Tà kiến (Lobha - Diṭṭhi)	2
Tổng cộng	20

Chú ý: Tâm sở Biến Hành Bất Thiện (Akusalasādhāraṇa) có mặt với mọi tâm bất thiện. Chúng là bốn tâm sở Si, Vô Tàm, Vô Quý và Phóng Dật (Moha, Ahirika, Anottappa, Uddhacca)

Trong nhóm này thì thọ là Thọ Hỷ (Sonanassa Vedanā)

(2) Nếu có Thọ Xả (Upekkhā Vedanā) thời không có Hỷ:
(20 trừ Hỷ) = 19

(3) Nếu có sự thúc đẩy (Sasaṅkhārika) và có Thọ Lạc thì
(20 cộng Hôn Trầm - Thụy Miên) = 22

(4) Nếu có sự thúc đẩy (Sasaṅkhārika) và có Thọ Xả, thì
(20 cộng Hôn Trầm - Thụy Miên) = 21

Ở đây Tinh Tấn (Vīriya) đặc biệt là sự gắng sức để làm cho Tham - Tà Kiến khởi lên.

Dục (Chanda) là ước muốn cho sự khởi sanh của Tham - Tà Kiến. Nói một cách khác, tinh tấn cố gắng làm khởi lên Ái (Rāga) và Dục (Chanda) là ước muốn cho Ái khởi lên. Hành giả có thể hiểu đươc ý nghĩa của các tâm sở còn lại theo cách này.

Danh Pháp Nhóm Tham - Ngã Mạn (Lobha - Māna) - Bốn Nhóm

Nhóm này cũng tương tự như nhóm Tham - Tà Kiến nhưng chỉ thay thế 'Tà Kiến' bằng 'Ngã Mạn'. Có 20 hay 19 hay 22 hay 21 Danh Pháp (Nāma Dhamma). Tuy nhiên, vì Ngã Mạn (Māna) là một Kadāci Cetasika (tâm sở mà thi thoảng mới khởi lên) đôi khi nó không có mặt. Nếu không có Ngã Mạn (và cũng không bao gồm Tà Kiến) thì có 19 hay 18, hay 21, hay 20 Danh Pháp. Hãy phân biệt bốn loại đó. Như vậy, với bốn loại của Tham - Tà Kiến và bốn loại của Tham - Ngã Mạn, tổng cộng có 8 loại tâm Căn Tham (Lobha Mūla Citta).

Danh Pháp Nhóm Sân (Dosa) - Hai Nhóm

(1) Thức	1
Tợ Tha (Aññasamān): các tâm sở không có Hỷ đi kèm	12
Tâm sở Biến Hành Bất Thiện (Akusala Sādhāraṇa)	4
Sân tâm sở	1
Tổng cộng	18

(2) Nếu có sự thúc đẩy, hay hữu trợ (Sasaṅkhārika) thì thêm Hôn Trầm -Thụy Miên (Thīna - Middha)

(18 cộng Hôn Trầm - Thụy Miên) = 20

Danh Pháp Nhóm Sân -Tật (Dosa - Issā) - Hai Nhóm

(1) Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) nhóm Sân nói trên 18
Tâm sở Ganh Tị (Issā) 1
Tổng cộng 19

(2) Nếu có sự thúc đẩy hay hữu trợ (Sasaṅkhārika):
(19 cộng Hôn trầm - Thụy miên) = 21

Danh Pháp Nhóm Sân - Lận (Dosa - Macchariya) - Hai Nhóm

(1) Các Tâm - Tâm Sở nhóm Sân nói trên 18
Tâm Sở Lận (Macchariya) 1
Tổng cộng 19

(2) Nếu có sự thúc đẩy hay hữu trợ (Sasaṅkhārika), thì
(19 cộng Hôn trầm - Thụy miên) = 21

Danh Pháp Nhóm Sân Hối (Dosa - Kukkucca) - Hai Nhóm

(1) Các Tâm - Tâm Sở nhóm Sân nói trên 18
Tâm sở Hối (Kukkucca) 1
Tổng cộng 19

(2) Nếu có sự thúc đẩy hay hữu trợ (Sasaṅkhārika), thì
(19 cộng Hôn trầm - Thụy miên) = 21

Lấy hành động sai lầm đã làm, làm đối tượng, phân biệt theo hai cách là có sự thúc đẩy (hữu trợ) và không có sự thúc đẩy (vô trợ). Lấy hoạt động tốt mà hành giả đã không làm, làm đối tượng, phân biệt theo hai cách là có sự thúc đẩy (hữu trợ) và không có sự thúc đẩy (vô trợ).

Danh Pháp Nhóm Si Phóng Dật (Moha - Uddhacca) – Một Nhóm

(1) Thức 1
Tâm Sở Biến Hành (Sabba Citta Sādhāraṇa Cetasika) 7
Tầm, Tứ, Thắng Giải, Cần (không có Hỷ & Dục) 4
(Vitakka, Vicāra, Adhimokkha, Vīriya)
Bất Thiện Biến Hành Tâm Sở 4
Tổng cộng 16

Danh Pháp Nhóm Si - Hoài Nghi (Moha - Vicikicchā) – Một Nhóm

(1) Thức 1
Tâm Sở Biến Hành (Sabba Citta Sādhāraṇa Cetasika) 7
Tầm, Tứ, Cần (không có Thắng Giải, Hỷ & Dục) 3
(Vitakka, Vicāra, Vīriya)
Bất Thiện Biến Hành Tâm Sở 4
Hoài Nghi Tâm Sở (Vicikicchā) 1
Tổng cộng 16

Như đã được dạy trong Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa (Abhidhammattha - Saṅgaha) rằng tất cả 29 loại Tốc Hành Tâm Dục Giới (Kāma Javana) có thể xảy ra trong Lộ Ngũ Môn (như Lộ Nhãn Môn…) và Lộ Ý Môn. 12 loại Tốc Hành Tâm Bất Thiện cũng được

bao gồm trong 29 loại tâm này. Chính Đức Phật đã dạy ở phần Niệm Tâm (Cittānupassanā) trong Kinh Đại Niệm Xứ (Mahā Satipaṭṭhāna) rằng: để hành thiền Minh Sát trên tâm có Tham (Sarāga Citta) khởi lên cùng với Ái (Rāga), trên tâm có Sân (Sadosa Citta) khởi lên cùng với Sân (Dosa), trên tâm có Si (Samoha Citta) khởi lên cùng với Si (Moha). Do đó, lúc bắt đầu quán hành giả phải trước hết phân biệt các Danh Pháp mà lấy mỗi một trong 28 loại Sắc Pháp làm đối tượng và tất cả 28 loại Sắc Pháp phải được phân biệt.

Trong việc phân biệt các Danh Pháp bất thiện của các nhóm tương ứng, trong khi lấy một trong các Sắc Chân Đế làm đối tượng, một số hành giả có thể thấy một vài nhóm rất khó phân biệt. Trong trường hợp như vậy hành giả có thể bắt đầu với nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) bất thiện lấy khối tưởng về khái niệm (Paññatti) như vàng, bạc, quần áo… làm đối tượng, để có thể hiểu rõ hơn.

Phương pháp Phân Biệt Tóm Tắt

(1) Quán Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga)

(2) Lấy vàng làm đối tượng (món vàng trang sức nào hành giả thích)

(3) Khi cảnh vàng đập vào, hay xuất hiện trong tâm Bhavaṅga thì Tiến Trình Tốc Hành Ý Môn (Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn) lấy khối tưởng chế định về vàng làm đối tượng cũng khởi lên. Hãy phân biệt Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) trong Tiến Trình Tâm này đang hướng tới và quyết định đây là vàng. Vì đó là Phi Như Lý Tác Ý (Ayonisomanasikāra), nên nhóm Danh Pháp Tốc Hành Bất Thiện Tham - Tà Kiến (Lobha - Diṭṭhi Akusala Javana) sẽ khởi lên.

Trong nhóm Tốc Hành Bất Thiện Tham - Tà Kiến (Lobha - Diṭṭhi Akusala Javana) đó, sự hay biết sai lầm cho nó là vàng là Si (Moha). Quan niệm sai lầm về đối tượng xem nó như là vàng là Tà Kiến (Diṭṭhi) (một loại ngã kiến được định đặt bởi thế gian [Loka Samañña Atta]). Các Tâm Sở còn lại cũng có thể hiểu được theo cách đó. Tương tự, sự quyết định (tác ý) trên vàng đó xem như Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Tiến trình Tốc Hành Bất Thiện Tham - Tà Kiến sẽ khởi lên. Trong nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) đó, sự hiểu biết sai lầm cho nó là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là Si (Moha). Quan kiến lầm lạc về nó như Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là Tà Kiến. Đối với các đối tượng khác như quần áo… sự phân biệt cũng tương tự như vậy. Cố gắng làm thế nào để có thể thấy được sự khởi lên của Hỷ (Pīti) đối với quần áo mới và sự không khởi của Hỷ đối với quần áo cũ.

Còn về nhóm Tham - Ngã Mạn (Lobha - Māna), lấy một đối tượng nào đó mà mình khởi lên niềm tự hào khi so sánh với người khác như so sánh quần áo, đôi bông tai kim cương làm đối tượng. Nếu hiểu được các nhóm Danh Pháp Tham - Tà Kiến và Tham - Ngã Mạn lấy khái niệm làm đối tượng rồi thì tiếp tục phân biệt thêm lấy Thực Tại Cùng Tột hay Sắc Chân đế (Paramattha) làm đối tượng.

Để hành thiền trên Nhóm Sân, lấy người sân làm đối tượng. Để hành thiền trên Nhóm Sân - Tật (Dosa - Issa), lấy những thuộc tính của người khác tốt đẹp hơn của mình làm đối tượng. Để quán trên Nhóm Sân - Lận (Dosa - Macchariya), lấy những gì của bản thân mà mình không muốn san sẻ với người khác, làm đối tượng. Để quán trên Nhóm Sân - Hối (Kukkucca), lấy một hoạt động sai lầm (như sát sanh chẳng hạn) hay một việc làm tốt đẹp nhưng đã không làm (như đã không gìn giữ giới được, hay đã không cúng dường) làm đối tượng. Vì Kukkucca là sự hối hận vì đã làm một việc xấu, do đó hãy hành thiền với một đối tượng vốn là một hoạt động xấu đã làm. Vì Kukkucca cũng là sự

hối hận vì đã không làm một việc tốt, vì thế hãy hành thiền với một đối tượng vốn là một hoạt động tốt đã không làm.

Để hành thiền trên Nhóm Phóng Dật (Uddhacca), trước hết lấy cái khái niệm phóng tâm bình thường, không có Tham - Sân, làm đối tượng.

Để hành thiền trên Nhóm Hoài Nghi (Vicikicchā), lấy một đối tượng làm cho hoài nghi khởi lên, như: "Có thật hay chăng trong kiếp quá khứ ta từng là một con người?", làm đối tượng.

Trong việc hành thiền với khái niệm (Paññatti) làm đối tượng, thì nối tiếp theo Tốc Hành Tâm Bất Thiện đó, Tâm Đăng Ký không thể khởi lên. Nếu một người có thể phân biệt được các Danh Pháp Bất Thiện rồi, thì tiếp tục phân biệt thêm các Danh Pháp Bất Thiện lấy Sắc Pháp Chân Đế, làm đối tượng. Vì trong việc phân biệt các nhóm thiện ở đây, các Danh Pháp trong hàng Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa Line) được phân biệt trước, còn việc phân biệt các nhóm bất thiện, cách thức phân biệt bắt đầu với Hàng Cảnh Pháp sẽ được trình bày sau.

Hàng Cảnh Pháp: Lộ Ý Môn - Nhóm Bất Thiện - Phương Cách Quán

Nhóm Tham - Tà Kiến

(1) Quán Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga).

(2) (Sau khi đã phân tích Tổng Hợp Nhãn Mười Sắc — Cakkhu Dasa Kalāpa) lấy Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng.

(3) Khi Nhãn Tịnh Sắc đập vào hay xuất hiện ở Bhavaṅga, Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi), lấy Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng, sẽ khởi lên. Xác định rằng Nhãn Tịnh Sắc là đẹp (Subha) do Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) trong Tiến Trình Tâm đó. Nếu Nhãn Tịnh Sắc ấy là khả ái (Iṭṭha) và vì đó là Phi Như Lý Tác Ý (Ayonisomanasikāra), thời Danh Pháp nhóm Tham - Tà Kiến, vốn là sự hoan hỉ và thích thú trong cảnh đó, sẽ khởi lên trong Tốc Hành Tâm. Ở đây, Phi Như Lý Tác Ý (Ayonisomanasikāra) là nhân gần nhất. (Hãy lưu ý rằng khi Hướng Tâm, Xác Định và Tác Ý đến Nhãn Tịnh Sắc ấy cho là Thường, Lạc, Ngã thì tiến trình cũng tương tự). Trong 8 tâm Căn Tham (Lobha Mūla Citta) có bốn loại hợp với Tà Kiến (Diṭṭhigatasampayutta). Nếu có Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) đi kèm thì tâm sở Hỷ (Pīti) có mặt. Nếu có Thọ Xả (Upekkha Vedanā) đi kèm thì tâm sở Hỷ không bao gồm. Nếu có sự thúc đẩy hay hữu trợ (Sasaṅkhārika) thì Hôn trầm - Thụy miên (Thīna - Middha) bao gồm. Nếu không có sự thúc đẩy hay vô trợ (Asaṅkhārika) thì Hôn trầm - Thụy miên không bao gồm. Có **sự thúc đẩy hay hữu trợ** là tự mình thúc đẩy hay người khác thúc đẩy để khởi lên Tham, Sân, v.v.. Số lượng tâm sở trong mỗi sát-na của Tiến Trình Tâm được trình bày trong bảng ở dưới.

Đồng Sở Duyên Hay Đăng Ký Tâm (Tadālambana):

Nếu Hỷ (Pīti) bao gồm trong Tốc Hành Tâm, do được kèm bởi Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) trong Tốc Hành Tâm, thời, vì Hỷ cũng bao gồm trong Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa) nên Thọ Hỷ được trình bày trong đó (Đăng Ký Tâm). Nếu Hỷ (Pīti) không bao gồm trong Tốc Hành Tâm, do được kèm theo bởi Thọ Xả (Upekkha Vedanā) trong Tốc Hành Tâm, thời, vì Pīti không bao gồm trong Tâm Đăng Ký (Tadālambaṇa), nên Thọ Xả (Upekkha Vedanā) được trình bày trong Đăng Ký Tâm. Hãy lưu ý rằng, mặc dù Thọ ở Tâm Đăng Ký (Tadālambaṇa) thường là một với Thọ ở Tốc Hành Tâm, song khi có Thọ Ưu (Domanassa vedana) trong Tốc Hành Tâm — vì Thọ Ưu không thể khởi lên ở Tâm Đăng Ký nên chỉ có Thọ Xả khởi lên ở Tâm Đăng Ký mà thôi. Như đã được

trình bày ở bảng Tâm Đăng Ký ở trên. Đăng Ký Đại Quả Tâm (Mahā Vipāka Tadālambaṇa) có thể khởi lên sau Tốc Hành Tâm Bất Thiện, tùy theo. Tiếp theo sau sự khởi lên của Tốc Hành Tâm Bất Thiện, do Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) đối với đối tượng cực tốt (Ati Taṭṭhārammaṇa) như thấy Đức Phật chẳng hạn, Đăng Ký Đại Quả Tâm có thể khởi lên tùy theo. Trong bảng Tâm Đăng Ký của tập sách này thì chỉ có Tâm Đăng Ký Quả Vô Nhân (Ahetuka Vipāka Tadālambaṇa) tiếp theo sau Tốc Hành Tâm Bất Thiện đã trình bày. Nếu Đăng Ký Đại Quả Tâm khởi lên thì hy vọng rằng hành giả có thể hiểu được nó khi hành thiền. Ở đây, đối với người mà Tuệ Minh Sát còn yếu, 20 loại Danh Pháp của nhóm Tham - Tà Kiến vốn lấy Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng được trình bày thêm.

Hai Mươi Danh Pháp Nhóm Tâm Tham - Tà Kiến (Lobha - Diṭṭhi)

(1) Thức
(2) Tà Kiến

Chú ý: Khi tâm lấy đối tượng (Nhãn Tịnh Sắc) xem như là Thường, Lạc, hay Ngã, cách phân biệt cũng tương tự như vậy. Còn về Thọ (Vedanā), nếu Hỷ (Pīti) được bao gồm, thì nó là Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā). Nếu Hỷ không bao gồm thì là Thọ Xả (Upekkha Vedanā). Nếu có sự thúc đẩy hay hữu trợ (sasaṅkhārika) thì Hôn trầm - Thụy miên (Thīna - Middha) có mặt. Nếu không có sự thúc đẩy hay vô trợ (Asaṅkhārika) thì Hôn trầm - Thụy miên (Thīna - Middha) không có mặt. Hãy phân biệt theo bốn loại như trên.

Tinh Tấn Và Dục (Viriya, Chanda):

Trong nhóm Sân (Dosa), Tinh Tấn (Vīriya) là sự cố gắng để làm cho tức giận khởi lên và Dục (Chanda) là sự ước muốn cho tức giận khởi lên. Trong nhóm Sân - Tật (Dosa - Issā), Tinh Tấn là sự cố gắng để làm cho Sân - Tật (Dosa - Issā) khởi lên, và Dục là ước muốn cho Sân - Tật khởi lên. Trong nhóm Sân - Lận (Dosa - Macchariya), Tinh Tấn là sự cố gắng làm cho Sân - Lận khởi lên, và Dục là ước muốn cho Sân - Lận khởi lên. Trong nhóm Sân - Hối (Dosa - Kukkucca), Tinh Tấn là sự cố gắng làm cho Sân - Hối khởi lên, và Dục là ước muốn cho Sân - Hối khởi lên.

Si (Moha):

Si là hiểu biết sai về đối tượng (thí dụ cho Nhãn Tịnh Sắc là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh — Nicca, Sukha, Atta, Subha); và cũng là sự hiểu biết sai khi nói **nhãn tịnh sắc 'của nó', nhãn tịnh sắc 'của ta'**, v.v..

Vô Tàm - Vô Quý (Ahirika – Anottappa):

Đó là không biết hổ thẹn, không biết ghê sợ khi để cho các trạng thái tâm bất thiện như là Tham - Tà Kiến, Tham - Ngã mạn, Sân, Sân - Tật, Sân - Lận, Sân - Hối, Si - Phóng Dật, Si - Hoài Nghi, khởi sinh lấy Danh Pháp của việc phạm các tà hạnh làm đối tượng. Tóm lại, Vô Tàm Vô Quý là không biết hổ thẹn và ghê sợ điều bất thiện (tà hạnh) khi phạm nó.

Sau đó, hãy phân biệt Danh Pháp Nhóm Tâm Bất Thiện, lấy các phần còn lại của hàng Cảnh Pháp làm đối tượng, đó là lấy 10 Sắc Thực và 10 Sắc Không Thực làm đối tượng dựa trên phương cách quán Nhãn Tịnh Sắc này.

Phương Pháp Phân Biệt Nhóm Bất Thiện Hàng Cảnh Sắc

Mười trói buộc khởi lên khi lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng đã được đề cập ở trên. Vào lúc khởi lên của 10 trói buộc (thập triền, kiết sử) ấy, hãy phân

biệt Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) của Tiến Trình Nhãn Môn, ở đây các Tốc Hành Tâm Bất Thiện bao gồm, lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng. Tương tự, đối với 28 Sắc Pháp cũng phân biệt với cùng phương pháp trên.

Cách phân biệt Danh Pháp (Nāma Dhamma) Nhóm Bất Thiện hàng Cảnh Pháp với nhóm Tham –Tà Kiến sẽ được trình bày dưới đây, như một ví dụ.

(1) Phân Biệt Nhãn Tịnh Sắc và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) cùng nhau.

(2) Lấy Cảnh Sắc (màu sắc của Tổng Hợp Sắc) được xem là khả ái (Iṭṭha) làm đối tượng

(3) Khi Cảnh Sắc, ở đây là màu sắc tác động hay đập vào Nhãn Tịnh Sắc và tâm Bhavaṅga cùng một lúc thì Tiến Trình Nhãn Môn và Tiến Trình Ý Môn lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng sẽ khởi lên. Nếu Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) và Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana), vốn là một phần của những Tiến Trình Tâm này, hướng tới và xác định Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) là Thường, Lạc, Ngã hay Tịnh, thời — vì nó không Như Lý Tác Ý — Tiến Trình Tâm ở đây các Tốc Hành Bất Thiện được bao gồm với Tham - Tà Kiến kể như ưu thế sẽ khởi lên. Trong 8 tâm Căn Tham (Lobha Mūla Citta), có bốn loại hợp với Tà Kiến (Diṭṭhigatasampayutta). Nếu có Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) thời Hỷ (Pīti) được bao gồm. Nếu có Thọ Xả (Upekkha Vedanā) thời Hỷ không bao gồm. Nếu có sự thúc đẩy hay hữu trợ (Sasaṅkhārika) thì Hôn trầm - Thụy miên (Thīna - Middha) bao gồm. Nếu không có sự thúc đẩy hay vô trợ (Asaṅkhārika) thì Hôn trầm - Thụy miên (Thīna - Middha) không bao gồm.

Số lượng Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) của mỗi sát-na trong Tiến Trình Tâm được trình bày trong bảng ở dưới. Nếu Hỷ (Pīti) được bao gồm và có Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) trong Tốc Hành Tâm thì Hỷ (Pīti) cũng có mặt ở Suy Đạc hay Suy Xét Tâm (Santīraṇa) và Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa) và chỉ có Thọ Hỷ được trình bày. Nếu có Thọ Xả (Upekkha Vedanā) và Hỷ (Pīti) không có mặt trong Tốc Hành Tâm thì Thọ Xả cũng có mặt ở Suy Đạc hay Suy Xét Tâm (Santīraṇa) và Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa) không có Hỷ (Pīti).

Mặc dầu, Thọ thường thường là giống nhau đối với Tốc Hành Tâm (Javana) và Đăng Ký Tâm (Tadālambaṇa) – vì Thọ Ưu (Domanassa Vedanā) không thể khởi lên ở Tâm Đăng Ký - do đó nếu Thọ Ưu có mặt ở Tốc Hành Tâm, hãy ghi nhớ rằng chỉ có Thọ Xả hay chỉ có Suy Đạc hay Suy Xét Tâm Thọ Xả (Upekkhā Santīraṇa Citta) khởi lên ở Tâm Đăng Ký mà thôi.

Số lượng Danh Pháp lần lượt trong Ngũ Môn Hướng Tâm (Pañcadvārāvajjana), Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa), Tiếp Thọ (Sampaṭicchana), Suy Đạc hay Suy Xét (Santīraṇa), Xác Định (Voṭṭhabbana) tương tự như số lượng Danh Pháp nhóm thiện. Chỉ có số lượng Danh Pháp trong Tốc Hành Tâm là không giống nhau giữa hai nhóm Thiện và Bất Thiện.

Như đã được trình bày ở cột Tâm Đăng Ký ở bảng trên, tiếp theo các Tốc Hành Tâm (Javana), Đăng Ký Đại Quả Bất Thiện (Mahā Vipāka Tadālambaṇa) có thể khởi lên, tùy theo.

Cũng trong bảng (Tâm Đăng Ký) ở trên. Tiếp theo Tốc Hành Tâm Bất Thiện chỉ có Tâm Đăng Ký Quả Vô Nhân (Ahetuka Vipāka Tadālambaṇa) được trình bày. Nếu Tâm Đại Quả (Mahā Vipāka) khởi lên, hy vọng rằng hành giả cũng sẽ hiểu, trong khi thiền. Hành thiền trên nhóm Bất Thiện còn lại như trong nhóm Tham - Tà Kiến, hợp theo sự khởi lên của 10 trói buộc (Thập Triền, Kiết Sử).

Cảnh Sắc (Hàng Màu): Nhóm Bất Thiện (Akusala Javana Vīthi)

[Các hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa) – Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) - Cảnh Vị (Rasārammaṇa) – Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)]

Như trong kỹ thuật phân biệt Danh Pháp của các nhóm thiện và bất thiện lấy Cảnh Sắc của Tổng Hợp Sắc (Kalāpa), có thể là khả ái (Iṭṭha) hay không khả ái (Aniṭṭha) làm đối tượng, bằng cách phân biệt Nhãn Tịnh Sắc và Tâm Bhavaṅga cùng một lúc trong hàng Cảnh Sắc. Tương tự như vậy trong:

Hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa):

Sau khi đã phân biệt Nhĩ Tịnh Sắc và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) cùng nhau, hãy lấy một Cảnh Thanh (âm thanh), có thể là khả ái (Iṭṭha) hay không khả ái (Aniṭṭha) làm đối tượng và tùy theo có Như Lý Tác Ý hay Không Như Lý Tác Ý, Tâm Lộ Nhĩ Môn (Sotadvāra Vīthi) và Tâm Lộ Ý Môn (Manodvāra Vīthi) ở đây Tốc Hành Tâm Thiện hay Tốc Hành Tâm Bất Thiện được bao gồm sẽ khởi lên.

Hàng Cảnh Khí (Gandhārammaṇa):

Sau khi đã phân biệt Tỷ Tịnh Sắc và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) cùng nhau, hãy lấy Cảnh Khí, trong trường hợp này là mùi của Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) có thể là khả ái (Iṭṭha) hay không khả ái (Aniṭṭha), làm đối tượng.

Hàng Cảnh Vị (Rasārammaṇa):

Sau khi đã phân biệt Thiệt Tịnh Sắc và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) cùng nhau, hãy lấy một Cảnh Vị (vị) của Tổng Hợp Sắc (Kalāpa), có thể là khả ái (Iṭṭha) hay không khả ái (Aniṭṭha), làm đối tượng.

Hàng Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa):

Sau khi đã phân biệt Thân Tịnh Sắc và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) cùng nhau, hãy lấy một Cảnh Xúc (một vật có thể xúc chạm được), có thể là khả ái hay không khả ái của Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) làm đối tượng. Trong trường hợp này, phân biệt nhóm tâm thiện hay bất thiện lấy Địa Đại làm đối tượng, sau đó quán nhóm tâm thiện hay bất thiện lấy Hỏa Đại làm đối tượng, và kế tiếp quán nhóm tâm thiện hay bất thiện lấy Phong Đại làm đối tượng. Đó là ba lần phân biệt theo cách chia Cảnh Xúc làm ba loại. Sự phân biệt các Danh Pháp vốn lấy Sắc Pháp của hàng Cảnh Pháp làm đối tượng đã được trình bày ở trên.

Kỹ thuật phân biệt Danh Pháp (Nāma Dhamma) đã được đề cập ở trên ngang mức này vẫn chỉ là phương pháp phân biệt Danh tóm tắt lấy Sắc Pháp làm đối tượng. Đối với cách phân biệt chi tiết, thí dụ như để phân biệt mỗi Danh (Nāma) một cách toàn diện phải lấy Địa Đại của mỗi Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) trong 6 xứ, 42 Koṭṭha (Thân Phần) làm đối tượng. Về các Sắc Pháp còn lại của 6 xứ và 42 Koṭṭha, cũng phân biệt tương tự.

Bảng Tóm Tắt 6 Hàng (Theo Thứ Tự)

Bảng Nhóm (3) Hàng Cảnh Pháp – Nhóm Thiện

Bảng Nhóm (4) Hàng Cảnh Pháp – Nhóm Tâm Thiền

Chú ý: Nếu chỉ phân biệt các nhóm bất thiện của 6 hàng một cách liên tục (theo thứ tự), ánh sáng có thể trở nên mờ đi. Do đó, hãy phân biệt cả hai: nhóm thiện và nhóm bất thiện, cùng nhau trong một hàng hay ở mỗi Sắc Pháp.

Phân Biệt Như Danh (Nāma)

So Sabbe pi te arūpadhamme namana lakkhaṇena ekato katvā etaṃ nāmanti passati (Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) Bộ 2 trang 223 Tạng Miến).

Theo hướng dẫn của Chú Giải trên, Danh Pháp (Nāma Dhamma) phải được phân biệt như một tổng thể. Phân biệt Danh Pháp theo Sáu Môn Xứ (Āyatana Dvāra) như đã trình bày ở trên, trước tiên, theo tuần tự từng Danh một như Thức, Xúc, Thọ,… cứ thế tăng dần lên. Khi hành giả có thể phân biệt Danh Pháp trong mỗi sát-na tâm theo các bảng ở trên, cùng lúc sáng tỏ với Trí Phân Biệt (Quán Trí), thời lấy tính chất nghiêng về hay hướng về đối tượng của Danh Pháp (Nāma Dhamma) mà hành giả đang hành thiền trên đó như Cảnh Sắc… làm đối tượng, phân biệt chúng, phân nhóm chúng:

(1) Đây là 'Danh Pháp' hay
(2) "Danh Pháp, Danh Pháp"

Tuy nhiên, không nên phân biệt như vậy nếu vẫn chưa thể phân biệt được sự khởi sanh đồng thời của tất cả Danh Pháp liên quan trong mỗi sát-na tâm bằng Tuệ Minh Sát. Nói khác hơn, chỉ khi hành giả phân biệt được sự sanh khởi đồng thời của tất cả các Danh Pháp liên quan trong mỗi sát-na tâm bằng Tuệ Minh Sát, hành giả mới nên phân biệt Danh Pháp theo cách này.

Phân biệt Danh & Sắc

Tato namanalakkhaṇaṃ nāmaṃ, ruppanalakkhaṇaṃ rupanti saṅkhepato nāmarūpaṃ vavatthapeti. (Thanh Tịnh Đạo,Visuddhimagga, Bộ 2 trang 222 Tạng Miến)

Theo hướng dẫn của Chú Giải trên thì hành giả phải cố gắng hơn nữa để phân biệt Sắc và Danh. Vì Danh Pháp đã được phân biệt theo sáu Căn Xứ (Āyatana Dvāra), vì thế sẽ là thích hợp hơn để phân biệt Sắc và Danh cùng nhau theo sáu Căn Xứ (Āyatana Dvāra) ở đây. Trong trường hợp này sau khi đã phân biệt chủ yếu các sắc thực theo bảng Sắc Vật hay Sắc Căn (Vatthu Rūpa) cùng với các sắc không thực, lúc đó hãy phân biệt Danh. Chỉ có sắc thực – vốn là đối tượng chính của Thiền Minh Sát (Vipassanā) - chủ yếu được trình bày trong các bảng. Thí dụ như trong Tiến Trình Nhãn Môn, phải phân biệt đầy đủ trong từng sát-na tâm như:

(1) Tâm Khán Ngũ Môn (Pañcadvārāvajjana): 54 Sắc Vật (Vatthu Rūpa) trong trái tim và Cảnh Sắc (Rūparammaṇa) là các Sắc Pháp; 11 Tâm - Tâm Sở (Citta-Cetasika) là Danh Pháp.

(2) Trong Nhãn Thức (Cākkhu Viññaṇa): 54 Sắc Vật trong con mắt và Cảnh Sắc là các Sắc Pháp; 8 Tâm - Tâm Sở là Danh Pháp...

Phân Biệt Danh Sắc (Nāma Rūpa Vavaṭṭhāna)

Khi một người có thể phân biệt được cả Sắc và Danh cùng nhau ở từng sát-na tâm trong sáu hàng rồi, thì kế tiếp nên lấy những Sắc Pháp và Danh Pháp này làm đối tượng và bằng Minh Sát Trí phân biệt để thấy Danh Sắc này rỗng không, không có một con người, một linh hồn, một chủ thể, một tự ngã mà chỉ là một nhóm Sắc Pháp và Danh Pháp thôi.

Bốn Khối Tưởng Về Danh (Nāma Ghana)

Ghana nghĩa là khối, cô đọng. Sự cô đọng của sắc gọi là Khối Tưởng Về Sắc (Rūpa Ghana); sự cô đọng của Danh gọi là Khối Tưởng Về Danh (Nāma Ghana). Như đã được giải thích: có 3 loại Khối Tưởng Về Sắc (Rūpa Ghana) ở giai đoạn quán Sắc (xem

lại phần quán Sắc). Ở giai đoạn này, 4 loại Khối Tưởng Về Danh (Nāma Ghana) sẽ được giải thích dưới đây như sau:

(1) Santati Ghana (Tương Tục Khối Tưởng)
(2) Samūha Ghana
(3) Kiccā Ghana
(4) Ārammaṇa Ghana.

Tatthā sarammaṇadhammānaṃ satipi ārammaṇakaraṇabhede ekato gayhamanā ārammaṇa ghanatāca (Mahā Ṭika Tập 2 trang 437 Tạng Miến).

Theo định nghĩa của Phụ Chú Giải trên, cần lưu ý rằng có Ārammaṇa Ghana (Khối Tưởng Về Cảnh) trong Danh Pháp chỉ khi Danh Pháp nào được gọi là Pháp Hữu Cảnh (Sārammaṇa)[4] Dhamma — tức Danh Pháp nào nó có thể nhận hay bắt một đối tượng. Trong bộ Pháp Tụ (Dhammasaṅgaṇī) tiếng Pāli, Đức Phật dạy Pháp Chân Đế theo hai nhóm:

(1) Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) là các Pháp Hữu Cảnh (Sārammaṇa Dhamma);

(2) Sắc Pháp (Rupa), Niết Bàn Giới Vô Vi (Asaṅkhata Dhātu Nibbāna) là các pháp Vô Cảnh (Anārammaṇa Dhamma).

Nói chung, pháp (Dhamma) có thể nhận lấy cảnh là Pháp Hữu Cảnh (Sārammaṇa Dhamma). Những pháp không thể nhận lấy cảnh gọi là Pháp Vô Cảnh (Anārammaṇa Dhamma). Trong số này, Sắc Pháp là những pháp không thể nhận cảnh hay những Pháp Vô Cảnh (Anārammaṇa Dhamma). Phụ Chú Giải nói rằng Khối Tưởng về Cảnh (Ārammaṇa Ghana) chỉ hiện hữu trong Pháp Hữu Cảnh (Sārammaṇa Dhamma), tức pháp có thể nhận lấy cảnh. Do đó, hãy lưu ý rằng không có Khối Tưởng Về Cảnh (Ārammaṇa Ghana) trong Sắc Pháp.

(1) Santati Ghana: Khối Tưởng về Tính Tương Tục của Danh hay gọi tắt là Tương Tục Khối Tưởng.

Nếu Lộ Nhãn Môn (Cakkhudvāra Vīthi) được lấy làm thí dụ, một người có thể hiểu được rằng, đối với các Tiến Trình Tâm khác nó cũng tương tự như thế. Danh Pháp vốn luôn luôn khởi lên trong các nhóm gọi là Nāma Kalāpa (Tổng Hợp Danh) theo một qui luật cố định tự nhiên của tâm (Citta Niyama) gọi là Vīthi (Tiến Trình Tâm).

Trong sự khởi lên như vậy, nếu một người không thể nhận ra và phân biệt từng cái một giữa chúng như đây là Ngũ Môn Hướng Tâm (Pañcadvārāvajjana), đây là Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa), đây là Tiếp Thọ Tâm (Sampaṭicchana), đây là Suy Đạc hay Suy Xét Tâm (Santīraṇa) v.v.. thì kể như đã bị che án bởi Tương Tục Khối Tưởng về Danh (Santati Ghana). Nếu một người, bằng Minh Sát Trí, có thể phân biệt được từng mỗi sát-na tâm trong tiến trình như, đây là Ngũ Môn Hướng Tâm (Pañcadvārāvajjana), đây là Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa), đây là Tiếp Thọ Tâm (Sampaṭicchana), đây là Suy Đạc hay Suy Xét Tâm (Santīraṇa) v.v.. thì Tương Tục Khối Tưởng về Danh bị phá vỡ. Người hành thiền phải quán mà phá vỡ được Santati Ghana như thế.

---

[4] Trong Bộ Pháp Tụ có định nghĩa như sau.
Thế nào là các Pháp Hữu Cảnh (Sārammaṇa)? Tức thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn. Đây là các Pháp Hữu Cảnh.(766)
Thế nào là các Pháp Hữu Cảnh? Tức thiện trong bốn lãnh vực, bất thiện, dị thục trong bốn lãnh vực, vô ký tố trong ba lãnh vực. Đây là các Pháp Hữu Cảnh.(942)

(2) Samūha Ghana: Khối Tưởng về Tập Hợp của Danh.

Danh Pháp, vốn luôn luôn khởi lên theo một qui luật cố định tự nhiên của tâm (Citta Niyama) gọi là Vīthi (Tiến Trình Tâm), sanh khởi theo nhóm Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) trong mỗi sát-na tâm. Các nhóm này được gọi là Pháp Tương Ưng (Sampayutta Dhamma), hay trong vài trường hợp, gọi là Tổng Hợp Danh (Nāma Kalāpa). Trong một sát-na tâm, Danh Pháp vốn là các Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) chỉ có thể khởi lên trong các nhóm và ít nhất cũng có 8 loại danh trong một nhóm. Chẳng hạn, đó có thể là một Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa), và 7 tâm sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇā), tổng cộng là 8 Danh Pháp. Không có nhóm Danh Pháp nào có ít hơn 8 danh. Nếu một người không thể nhận ra sự khác biệt giữa từng Danh Pháp trong một sát-na tâm như : "Đây là Xúc", "Đây là Thọ", "Đây là Tưởng", "Đây là Tư", "Đây là Thức",…, thì kể như họ đã bị che án bởi Khối Tưởng Về Tập Hợp của Danh. Nếu, bằng Minh Sát Trí, người ấy phân biệt được từng mỗi sát-na tâm trong tiến trình như: "Đây là Xúc", "Đây là Thọ", "Đây là Tưởng", "Đây là Tư", "Đây là Thức"..., thì Khối Tưởng về Tập Hợp của Danh (Samūha Ghana) đã bị phá vỡ. Vì thế người hành thiền phải phân biệt và phá vỡ được Samūha Ghana như thế.

(3) Kicca Ghana: Khối Tưởng về Phận Sự của Danh.

Người hành thiền nếu chỉ phá vỡ được Tương Tục Khối Tưởng và Tập Hợp Khối Tưởng – Santati Ghana và Samūha Ghana, thì vẫn chưa gọi là phá vỡ hoàn toàn Khối Tưởng. Vì thế hành giả phải tiếp tục thực hành để phá vỡ Khối Tưởng về Phận Sự của Danh (Kicca Ghana). Mỗi một Danh Pháp sanh khởi trong nhóm ở mỗi sát-na tâm đều có nhiệm vụ riêng của chúng như là:

- Xúc (Phassa) có nhiệm vụ kết nối đối tượng với Thức.
- Thọ (Vedanā) (như Thọ Lạc) có nhiệm vụ là tăng cường các Danh Pháp phối hợp.
- Tưởng (Saññā) có nhiệm vụ là nhớ lại, hồi tưởng lại.
- Tư (Cetanā) có nhiệm vụ là quyết làm, cố tâm.
- Thức (Viññāṇa) có nhiệm vụ là nhận ra

Không nhận ra sự khác nhau giữa những phận sự này của từng Danh Pháp, bằng Minh Sát Trí, mà cho rằng chỉ có một nhiệm vụ duy nhất thì hành giả bị khối tưởng về phận sự che án. Tuy nhiên, không thấy nó chỉ như một nhiệm vụ, mà bằng Minh Sát Trí phân biệt được từng phận sự thì Khối Tưởng Về Phận Sự (Kicca Ghana) bị phá vỡ. Người hành thiền phải thực hành để phân biệt và phá vỡ Kicca Ghana như vậy.

Danh Pháp của Lộ Nhãn Môn chắc chắn chỉ lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng. Do chúng là những nhóm Danh Pháp chỉ có thể khởi lên khi lấy Cảnh Sắc làm đối tượng nên chúng chắc chắn là Pháp Hữu Cảnh (Sārammaṇa Dhamma), tức pháp có thể nhận lấy cảnh. Những ví dụ về ba loại khối tưởng trong Danh Pháp Lộ Nhãn Môn đã trình bày ở trên là Pháp Hữu Cảnh (Sārammaṇa Dhamma). Thêm nữa, cũng có Khối Tưởng về Cảnh (Ārammaṇa Ghana) trong Danh Pháp. (Liên quan tới Ārammaṇa Ghana, trong tập sách này chấp nhận nó là như sau)

(4) Ārammaṇa Ghana : Khối Tưởng của Danh Pháp Bắt Cảnh.

Trong lĩnh vực Minh Sát (Vipassanā) Danh có hai loại: Danh Pháp đang được hành thiền trên đó (Danh Pháp Bị Quán) và các Danh Pháp đang hành thiền hay đang quán dẫn đầu bởi Trí (Ñāṇa). Trong Thiền Minh Sát (Vipassanā), Pháp Hữu Cảnh (Sārammaṇa Dhamma) là Danh Pháp đang quán. Còn đối với Danh Pháp đang bị quán, Khối Tưởng Về Tương Tục (Santati Ghana), Khối Tưởng Về Tập Hợp (Samūha Ghana),

Khối Tưởng Về Phận Sự (Kicca Ghana) của nó phải được phá vỡ. Lý do là — Ñātañca Ñāṇañcca Ubhopi Vipassati (Thanh Tịnh Đạo XXI-13) — Trong việc quán Arūpasattaka (Phi Sắc Thất Pháp [Bảy Pháp Quán Danh]) và ở các giai đoạn Minh Sát cao hơn như Hoại Diệt Trí (Bhaṅga Ñāṇa) hành giả được hướng dẫn để hành thiền Minh Sát trên Tam Tướng của cả hai:

a. Sở Tri hay Cái Được Biết (Ñāta): vốn là Năm Uẩn, tức Khổ Đế và những mối quan hệ nhân quả (Paṭiccasamuppāda), tức Tập Đế

b. Cái Biết (Ñāṇa): đó là nhóm Danh Pháp đang quán dẫn đầu bởi Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa).

Đối với hàng phàm phu và các bậc hữu học (Sekkha), Danh Pháp Thiền dẫn đầu bởi Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa), gọi chung là Cái Biết hay Trí (Ñāṇa), là Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn Đại Thiện (Mahā Kusala Monadvārika Javana Vīthi). Trong Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) có 12 Danh Pháp, trong mỗi của bảy Tốc Hành Tâm (Javana) có 34 hay 33 hay 32 Danh Pháp. Tâm Đăng Ký (Tadālambaṇa) có thể khởi lên ở giai đoạn Tuệ Minh Sát yếu, nhưng không thể khởi lên ở giai đoạn chín mùi hay mạnh như Minh Sát Hoại Diệt Trí (Bhaṅga Ñāṇa). [33 Danh Pháp được đề cập, vì đôi khi nó có thể là Tốc Hành Minh Sát Không Hợp Với Trí (Ñāṇavippayutta Vipassanā Javana). Và cũng một đôi khi Hỷ (Pīti) không có mặt].

Trong các Danh Pháp đang quán dẫn đầu bởi Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa):

(1) Nếu hành giả nhận được sự khác biệt trong tiến trình tương tục của tâm như đây là "Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana)", đây là "Tốc Hành Tâm thứ nhất", đây là "Tốc Hành Tâm thứ hai" v.v.. thì Khối Tưởng về Tương Tục (Santati Ghana) của Danh được phá vỡ.

(2) Nếu hành giả, bằng Tuệ Minh Sát, nhận ra được sự khác biệt của Danh Pháp đang sanh khởi ở mỗi sát-na tâm trong tiến trình liên tục ấy như "Đây là Xúc", "Đây là Thọ", "Đây là Tưởng", "Đây là Tư", "Đây là Thức",… thì Khối Tưởng về Tập Hợp (Samūha Ghana) bị phá vỡ.

(3) Nếu hành giả, bằng Minh Sát Tuệ, nhận ra được sự khác biệt về nhiệm vụ của mỗi Danh Pháp trong từng sát-na tâm, thì Khối Tưởng về Phận Sự (Kicca Ghana) bị phá vỡ.

Theo cách này có ba Khối Tưởng trong cả hai — Danh Pháp Được Quán và Danh Pháp Đang Quán. Lưu ý rằng, ba Khối Tưởng trong Danh Pháp Được Quán lần lượt được gọi là Santati Ghana, Samūha Ghana và Kicca Ghana, trong khi ba Khối Tưởng Trong Danh Pháp Đang Quán chỉ được gọi bằng một tên — đó là Khối Tưởng Về Cảnh (Ārammaṇa Ghana).

Chỉ khi một người có thể phân biệt Danh Sắc và phá vỡ được khối tưởng về Sắc, khối tưởng về Danh bằng Tuệ Minh Sát thì người đó mới đạt đến Chân Đế Trí (Paramattha Ñāṇa). Và chỉ khi một người đạt đến Chân Đế Trí thì họ mới đạt đến Trí về Vô Ngã và khi đạt được Trí về Vô Ngã thì Đạo Trí, Quả Trí (Magga Ñāṇa, Phala Ñāṇa) mới có thể đạt được.

Nanādhātuyo vinibbhujitvā ghanavinibbhoge kate anattalakkhaṇṇaṃ yāthāvasarasato upaṭṭhāti (Chú Giải Vi Diệu Pháp tập 2 trang 47, Thanh Tịnh Đạo tập 2 trang 276 Tạng Miến). Chỉ khi một người có thể hành thiền được trên Tam Tướng của Pháp Hành (Saṅkhāra Dhamma) gọi là Sở Tri (Ñāta), Trí (Ñāṇa) cho tới khi cả ba trí: Trí

Tùy Quán Vô Thường (Aniccānupassanā Ñāṇa), Trí Tùy Quán Khổ (Dukkhānupassanā Ñāṇa), Trí Tùy Quán Vô Ngã (Anattānupassanā Ñāṇa) thành thục thì lúc đó người ấy mới có thể đắc Đạo (Magga). Điều này đã được đề cập trong Chú Giải.

Chú ý rằng vì Vô Ngã Trí (Anatta Ñāṇa) chỉ có thể đạt được sau khi đã phá vỡ các khối tưởng, nên người hành thiền phải phân biệt thêm đặc tính, nhiệm vụ, sự thể hiện và nhân gần (cận duyên) của Danh Sắc.

Quán Những Oai nghi Và Hoạt động Của Thân (Iriyā Patha - Sampajjañña)

Trong việc quán các oai nghi (Iriyā Patha) đi, đứng, ngồi hay nằm và quán các hoạt động (Sampajjañña) của thân như là đi tới, đi lui, nhìn thẳng, nhìn nghiêng, co, duỗi chân tay, v.v.. :

(1) Khi có thể phân biệt được Tứ Đại rồi, hãy phân biệt Tứ Đại trong các oai nghi và hoạt động của thân này.

(2) Khi có thể phân biệt được các Sắc rồi, hãy phân biệt Sắc Pháp trong các oai nghi và hoạt động của thân này.

(3) Khi có thể phân biệt được Danh rồi, hãy phân biệt Danh Pháp trong các oai nghi và hoạt động của thân này.

(4) Khi đã có thể phân biệt được Danh Sắc (quán Danh Sắc) rồi, hãy phân biệt Danh Sắc (quán Danh Sắc) trong các oai nghi và hoạt động của thân này.

(5) Khi đã có thể phân định được giới hạn của Danh Pháp và Sắc Pháp rồi, hãy phân định giới hạn của Danh Sắc trong những oai nghi và hoạt động của thân này.

Khi người hành thiền có thể phân biệt được như vậy, thì đó là sự phân biệt Năm Uẩn. Các Sắc Pháp gọi là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā). Nếu chia Danh Pháp (của mỗi sát-na tâm) ra làm bốn nhóm như Thọ, Tưởng, Hành, Thức thời có bốn Danh Uẩn (trừ Thọ và Tưởng, các tâm sở còn lại của mỗi sát-na tâm gọi là Hành Uẩn. Với một Sắc Uẩn và bốn Danh Uẩn, tổng cộng có năm Uẩn. Ở đây Uẩn (Khandhā) có nghĩa là nhóm, tập hợp.

Người hành thiền nên hiểu sự phân biệt Năm Uẩn như sau :

(1) Khi đi, thì đó là Năm Uẩn (đi).
(2) Khi đứng, thì đó là Năm Uẩn (đứng)
(3) Khi ngồi, thì đó là Năm Uẩn (ngồi)
(4) Khi nằm, thì đó là Năm Uẩn (nằm)
(5) Trong khi đi tới trước, thì đó là Năm Uẩn (đi tới trước)
(6) Trong khi đi lui, thì đó là Năm Uẩn (đi lui)
(7) Trong khi nhìn đằng trước, thì đó là Năm Uẩn (nhìn đằng trước)
(8) Trong khi nhìn bên cạnh, thì đó là Năm Uẩn (nhìn bên cạnh).
(9) Trong khi co, thì đó là Năm Uẩn (co).
(10) Trong khi duỗi, thì đó là Năm Uẩn (duỗi).
(11) Trong khi mang y Tăng-già-lê, mang bát, mặc y, thì đó là Năm Uẩn (mang y…).
(12) Trong khi ăn, uống, liếm, nhai, thì đó là Năm Uẩn (ăn, uống…).
(13) Trong khi đi đại tiện, tiểu tiện, thì đó là Năm Uẩn (đại, tiểu tiện).
(14) Trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, đi tới, đi lui, giữ im lặng, thì đó là Năm Uẩn (đi, đứng, nằm, ngồi…).

(Tham khảo Chú Giải Kinh Trung Bộ về kinh Đại Niệm Xứ (Mahā Satipaṭṭhāna) về oai nghi, hoạt động của thân).

Phương Pháp Phân Biệt

Đối với người hành thiền đã thiết lập được định của mình tới mức thiền Kāsiṇa Trắng, thì trước hết, trong khi đang đứng thẳng trên con đường kinh hành, vị ấy nên thiết lập định trở lại bắt đầu từ thiền Tứ Đại cho tới Tứ Thiền Kāsiṇa trắng. Sau đó, phân biệt Tứ Đại trong thân. Khi hành giả thấy các phân tử nhỏ hay Tổng Hợp Sắc (Kalāpa), hãy phân tích và phân biệt các Sắc Pháp của 6 Căn Xứ và 32 Koṭṭhasa (Thân Phần) như một tổng thể, rồi đi tới trước một tí. Trong khi đi như vậy, vị ấy phân biệt xen kẽ:

(1) Chủ yếu Sắc Mang Đi,

(2) Và rồi chủ yếu các Sắc Pháp Bị Mang Đi, cứ phân biệt xen kẽ như thế.

Sắc Chánh Yếu (Padhāna) và Sắc Không Chánh Yếu (Appadhāna)

Khi hành thiền trên các oai nghi và hoạt động của thân như vậy, hành giả cần phải biết và phân biệt sự khác nhau giữa 2 loại sắc, đó là:

(1) Sắc Chánh Yếu (Padhāna)
(2) Sắc Không Chánh Yếu (Appadhāna)

➢ Sắc Chánh Yếu (Padhāna)

Trong số các Tổng Hợp Sắc do tâm tạo (Cittaja Rūpa Kalāpa), có những Tổng Hợp Sắc trộn lẫn với các sắc không thực:

1. Tổng Hợp Thân Biểu Chín Sắc (Kāyaviññatti Navaka Kalāpa), tức Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) có Thân Biểu Tri là yếu tố thứ chín.

2. Tổng Hợp Thân Biểu Khinh Sắc Thứ Mười Hai (Kāyaviññatti Lahutādivdvādasaka Kalāpa), tức Tổng Hợp Sắc ở đây là đặc tính nhẹ nhàng của thân biểu, khinh thân (lahutā) v.v.. là yếu tố thứ 12.

Hay nói một cách khác: chín loại Sắc và mười hai loại Sắc, vốn là thành phần của hai loại Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) này, là những sắc Chánh Yếu (Padhāna) (tức là những sắc chủ yếu trong sự phân biệt các oai nghi và hoạt động của thân). Trong những Sắc Pháp ấy, Phong Đại (Vāyo Dhātu) là yếu tố mạnh nhất.

➢ Sắc Thứ Yếu (Appadhāna)

Ngoại trừ các Sắc Chánh Yếu kể trên, các sắc còn lại trong thân, như là 6 Căn và 32 Thân Phần (Koṭṭhasa) là Sắc Thứ Yếu hay Sắc Không Chính Yếu. Tất nhiên, chúng chỉ được nói là không chánh yếu trong việc quán oai nghi và hoạt động của thân mà thôi.

Sắc Mang Đi Và Sắc Bị Mang Đi

Trong số các sắc trên, Sắc Chánh Yếu (Padhāna), vốn tạo thành nhóm sắc gọi là "thân" đi, là Sắc Mang Đi. Thật ra nó không phải mang đi thực. Nó chỉ có nghĩa là sự khởi lên nối tiếp nhau không gián đoạn của sắc trong những vị trí mới, thay đổi một cách liên tục như thể đang đi vậy thôi. Lý do là các Sắc Chân Đế thực sự không có tính chất di chuyển từ nơi này qua nơi kia mà chúng diệt ngay tại nơi chúng sinh.

Vì nhân vẫn chưa dứt và Sắc Pháp được nhân này hỗ trợ, nên có sự sanh khởi liên tục của những sắc mới, không phải sanh lại ở chỗ cũ mà chỉ thay đổi sang những chỗ mới. Sự sanh khởi nối tiếp nhau không ngừng của sắc trong những chỗ mới như vậy là

sức mạnh của các Tổng Hợp Thân Biểu Chín Sắc (Kāyaviññatti Navaka Kalāpa) trong đó sức mạnh của Phong Đại, vốn là thành phần của Sắc Mang Đi, mạnh nhất.

Các sắc còn lại trong thân, như 6 Căn Xứ và 32 Thân Phần (Koṭṭhasa) là Sắc Bị Mang Đi. Ở đây cũng vậy, không có việc mang đi thực sự. Chính sự khởi lên liên tục của sắc trong những vị trí mới, sắc này tiếp nối sắc kia, như thể bị mang đi mà thôi.

Trong những sắc này, nếu hành giả phân biệt các Sắc Mang Đi chính thì việc phân biệt Sắc Bị Mang Đi (vốn không phải là sắc chánh yếu) kể như cũng đã được làm. Điều này có nghĩa là, nếu Sắc Mang Đi được phân biệt chính, thời người hành thiền cũng có thể thấy, có thể phân biệt và đã phân biệt Sắc Bị Mang Đi một cách dễ dàng.

Mặt khác, người hành thiền cũng có thể phân biệt Sắc Bị Mang Đi chính. Nếu Sắc Bị Mang Đi (vốn là các sắc không chính yếu) được phân biệt chính thời các Sắc Mang Đi cũng được phân biệt. Nói tóm lại, nếu một người chủ yếu phân biệt Sắc Bị Mang Đi thời sự phân biệt Sắc Mang Đi kể như đã được làm.

Thí dụ, khi một người đang mang một bao gạo, nếu bạn nhìn chăm chú vào người đang mang đó thì bao gạo cũng được nhìn thấy. Mặt khác, nếu bạn nhìn chăm chú vào bao gạo đang được mang đi đó thì người đang mang cũng được nhìn thấy dễ dàng. Hãy lưu ý ví dụ này.

Kỹ thuật phân biệt trên phù hợp với những lời dạy trong Phụ Chú Giải Mūla Paṇṇāsa do ngài Dhammapāla viết như sau: Purimanayo vā iriyāpathappadhāno vutto ti tattha kāyo appadhāno anunipphādīti īdha kāyaṃ padhānaṃ appadhānañca iriyāpathaṃ anunipphādaṃ katvā dassetuṃ dutiyanayo vuttoti evampettha dvinnaṃ nayānaṃ viseso veditabbo.

Đức Phật chủ yếu dạy Sắc Mang Đi gọi là Oai Nghi (Iriyā Patha) như gacchanto vā gacchāmīti pajānati' (khi đi, biết đang đi…). Mặt khác, Đức Phật dạy phân biệt chủ yếu Sắc Bị Mang Đi như: "Yathā yathā paṇassa kāyo paṇihito hoti. Tathā tathā naṃ pajānāti", tức là đối với thân đang được giữ trong bất kỳ vị trí nào thì:

(1) Nếu một người chủ yếu phân biệt Sắc Mang Đi thời việc phân biệt các Sắc Bị Mang Đi cũng đã được làm.

(2) Nếu một người chủ yếu phân biệt Sắc Bị Mang Đi thời việc phân biệt Sắc Mang Đi cũng đã được làm.

Nhằm hướng dẫn kỹ thuật phân biệt này, Đức Phật dạy phương pháp thứ hai như: "Yathā yathā paṇassa…". Đây là sự khác biệt giữa hai phương pháp (là điều mà Phụ Chú Giải muốn nói).

Phân Biệt Năm Uẩn

Như đã nói ở trên, người hành thiền nên thiết lập định theo tuần tự trong khi đang đứng. Rồi sau khi phân biệt Sắc của 6 Căn Xứ và 32 Thân Phần (Koṭṭhasa) như là một tổng thể, vị ấy đi tới trước một tí. Phân biệt Sắc Mang Đi và các Sắc Bị Mang Đi xen kẽ nhau. Các Sắc Mang Đi và các Sắc Bị Mang Đi là Sắc Uẩn (Rūpa Khandhā).

Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) tạo ra Sắc Mang Đi gọi là bốn Danh Uẩn (Nāma Khandhā). Các Tốc Hành Tâm (Javana) trong Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) có thể là Tốc Hành Tâm Thiện (Kusala Javana) hay Duy Tác (Kriyā Javana) hay Bất Thiện Tốc Hành Tâm (Akusala Javana). (Vì Tâm Lộ Tốc Hành Ngũ Môn không thể tạo ra Oai Nghi (Iriyāpatha), nên nó được đề cập

như Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn). Có bốn Danh Uẩn (Nāma Khandhā) trong mỗi sát-na tâm của Tâm Lộ Tốc Hành Ý Môn. Hãy phân biệt thêm bốn Danh Uẩn này. Như vậy, với Sắc Uẩn và bốn Danh Uẩn, tổng cộng có Năm Uẩn. Khi người hành thiền có thể phân biệt được Năm Uẩn, thời hãy phân biệt Danh Sắc cùng nhau. Sau đó phân định giới hạn Danh Sắc.

Sau khi phân biệt các Sắc Pháp xong, tác ý đến Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) và bằng Minh Sát Trí phân biệt các Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika), vốn là ý định muốn đi, thay Tâm - Tâm Sở tạo ra các oai nghi và hành thiền trên chúng như là "các Danh Pháp". Cần hiểu như vậy.

Khi người hành thiền đã có thể phân biệt Năm Uẩn của bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm và Năm Uẩn của những hoạt động trong việc đi tới, đi lui, co, duỗi, v.v.. Đức Phật dạy phân biệt tiếp như sau trong kinh Đại Niệm Xứ (Mahā Satipaṭṭhāna):

Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati. Ajjhattabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati.

Iti ajjhattaṃ vā vedanāsu vedanānupassī viharati. Bahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati. Ajjhattabahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati.

Iti ajjhattaṃ vā citte cittānupassī viharati. Bahiddhā vā citte cittānupassī viharati. Ajjhattabahiddhā vā citte cittānupassī viharati.

Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati. Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati.

Trong phần Pali trên Đức Phật dạy phân biệt Năm Uẩn, đó là Thân, Thọ, Tâm, Pháp (Kāya Vedanā Citta Dhamma):

1. Bên trong
2. Bên ngoài
3. Bên trong và bên ngoài, lặp đi lặp lại.

Để làm cho chắc chắn hơn, điều này đã được thảo luận chi tiết trong Chú Giải: "Yasmā pana suddha ajjhitta dassana matteneva maggavuṭṭhāni hoti. Bahiddhāpi daṭṭhabbameva. Tasmā parassa khandhepi anupādiṇṇa saṅkhārepi aniccaṃ dukkhamanattāti passati (Chú Giải Vi Diệu Pháp tập 1 trang 270 Tạng Miến). Vì không thể có việc Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa), gọi là Trí Xuất Khởi (Vuṭṭhānagaminī - sự xuất khởi của Đạo) xảy ra chỉ do hành Minh Sát trên Năm Uẩn bên trong thôi, mà người hành thiền cũng phải Minh Sát trên Năm Uẩn bên ngoài nữa. Do đó, hành giả phải hành thiền trên các đặc tính Vô Thường, Khổ, Vô Ngã của Năm Uẩn ở các chúng sinh bên ngoài (đó là những 'người' khác và những vật vô tình) được gọi là Vô Chấp Thủ Hành (Anupādiṇṇa Saṅkhāra).

(Vuṭṭhānagaminī Vipassanā là Tiến Trình Tâm Đạo, một tiến trình chạy nhanh tới Niết Bàn Giới Vô Vi (Asaṅkhata Dhātu Nibbāna), ở đây các pháp Hữu Vi đã chấm dứt, sau khi xuất ra khỏi các đối tượng hữu vi; Và đi trước tiến trình Đạo đó, 2 hay 3 Tâm Lộ Tốc Hành Minh Sát Ý Môn)

Tasmā sassantānāgate sabba dhamme parasantānāgate ca tesaṃ santāna vibhāga akatvā bahiddhā bhāva samaññato sammasanaṃ ayaṃ sāvakānaṃ sammasana cāro. (Phụ Chú Giải Kinh Bất Đoạn [Anupada], Trung Bộ Kinh).

Theo những lời dạy của Phụ Chú Giải trên, trong trường hợp Trí Ba-la-mật của bậc Thinh Văn (Sāvaka Pāramī Ñaṇa), khi phân biệt bên ngoài, không phân biệt giữa đàn ông, đàn bà, người, chúng sinh, Chư Thiên, Phạm Thiên, ông A, ông B,v.v… mà chỉ nên phân biệt Năm Uẩn có sự sống (hữu tình) và Sắc Do Thời Tiết Sanh (Utuja Rūpa) không có sự sống (vô tình), gọi là Vô Chấp Thủ Hành (Anupādiṇṇa Saṅkhāra) như một tổng thể, vì chúng là như nhau ở bên ngoài. Hãy hiểu rằng, không cần thiết phải phân biệt từng thứ một khi quán.

Kỹ Thuật Phân Biệt Bên Ngoài

Sau khi đã phân biệt Năm Uẩn bên trong xong, hành giả có thể phân biệt Năm Uẩn bên ngoài. Ở đây, không nên hiểu lầm là điều đó muốn nói rằng, chỉ sau khi đã phân biệt Năm Uẩn bên trong rồi mới phân biệt Năm Uẩn bên ngoài. Sở dĩ nó được đề cập như trên là vì trong tập sách này việc phân biệt Năm Uẩn bên ngoài được dạy sau khi sự phân biệt Năm Uẩn bên trong đã được trình bày mà thôi.

Trong việc phân biệt Năm Uẩn, có những người phân biệt bắt đầu với Năm Uẩn bên trong. Cũng có những người khác phân biệt bắt đầu với Năm Uẩn bên ngoài. Vì người hành thiền bắt đầu với việc quán Năm Uẩn bên trong không thể đắc Đạo chỉ bằng cách hành Minh Sát độc nhất trên Năm Uẩn bên trong, người đó phải tiếp tục phân biệt thêm Năm Uẩn bên ngoài cũng như các vật Vô Chấp Thủ Hành (Anupādiṇṇa Saṅkhāra). Tương tự, những người hành thiền bắt đầu với việc quán Năm Uẩn bên ngoài và những vật Vô Chấp Thủ Hành (Anupādiṇṇa Saṅkhāra), cũng không thể đắc Đạo bằng cách hành Minh Sát chỉ độc nhất trên Năm Uẩn bên ngoài, mà người đó cũng phải phân biệt thêm Năm Uẩn bên trong nữa (Chú Giải Vi Diệu Pháp Tập 1 trang 270; Thanh Tịnh Đạo Bộ 2 trang 300 Tạng Miến, Thanh Tịnh Đạo XXI-85).

Vì trong việc phân biệt các Sắc Pháp bên trong bắt đầu với Tứ Đại; do đó một người cũng có thể phân biệt các Sắc Pháp bên ngoài bắt đầu với Tứ Đại tương tự như vậy.

Trước hết, phân biệt các sắc bên trong. Sau đó phân biệt Tứ Đại (bên ngoài) bắt đầu với quần áo hành giả đang mặc bằng cách soi chiếu nó với ánh sáng của tuệ quán. Vào lúc đó, nếu một người có thể phân biệt Tứ Đại bằng Tuệ Minh Sát, người ấy sẽ tìm thấy các phân tử sắc rất nhỏ gọi là Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) một cách dễ dàng. Không còn thấy là áo quần nữa mà người đó sẽ thấy các nhóm Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa). Hãy phân tích các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa). Chúng là Sắc có dưỡng chất là yếu tố thứ tám do thời tiết sanh (Utuja Ojaṭṭhamaka Rūpa) được tạo ra bởi Hỏa Đại (Tejo Dhātu) được gọi là Utu. Theo cách này, dần dần mở rộng ra toàn lĩnh vực của những vật vô tình, phân biệt Tứ Đại của cây cối, nước, đất, rừng, núi, vàng, bạc, v.v… hiện hữu ở trong lĩnh vực của những vật vô tình. Khi chỉ còn thấy các Tổng Hợp Sắc (Kalāpa), hãy phân tích chúng để đạt đến Minh Sát Trí về Chân Đế. Trong Sắc Pháp của những vật vô tình thì chỉ có hai loại Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) đó là "Utuja Suddhaṭṭhaka Kalāpa[5] – Tổng Hợp Thuần Bát Pháp Do Thời Tiết Sanh" và nếu có âm thanh thì là "Utuja Saddanavaka Kalāpa -- Tổng Hợp Thanh Cửu Pháp Do Thời Tiết Sanh".

Phân biệt thêm Sắc Thực và Sắc Không Thực trong 6 Căn, 32 Thân Phần (Koṭṭhāsa) trong cảnh giới của chúng sinh hữu tình giống như cách phân biệt bên trong.

---

[5] Suddhaṭṭhaka: Thuần Bát Pháp hay Đoàn Bát Thuần là những Tổng Hợp Sắc chỉ có 8 sắc căn bản: Đất, Nước, Lửa, Gió, Màu, Mùi, Vị và Dưỡng Chất. Đối với Utuja Saddanavaka Kalāpa -- Tổng Hợp Thanh Cửu Pháp Do Thời Tiết Sanh, chỉ thêm sắc Cảnh Thanh vào tám sắc căn bản trên.

Phân biệt bên trong và bên ngoài xen kẽ nhau, lập đi lập lại để cho lực Minh Sát trở nên mạnh mẽ hơn.

Sau đó phân biệt các Danh Pháp của tất cả 6 hàng giống như cách phân biệt bên trong. Chẳng hạn như trong việc phân biệt các Danh Pháp (Nāma Dhamma) nhóm Thiện và nhóm Bất thiện bên trong vốn khởi lên theo Như Lý Tác Ý hay Phi Như Lý Tác Ý bằng cách:

1. Phân biệt Nhãn Tịnh Sắc và Tâm Bhavaṅga cùng nhau.

2. Lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) tức màu sắc của một hay nhiều nhóm Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) làm đối tượng.

Cũng vậy, đối với việc phân biệt các Danh Pháp nhóm Thiện và nhóm Bất Thiện bên ngoài vốn khởi lên theo Như Lý Tác Ý hay là Phi Như Lý Tác Ý, hành giả phải:

1. Quán Nhãn Tịnh Sắc và Tâm Bhavaṅga cùng nhau.

2. Lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) tức màu sắc của một hay nhiều nhóm Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) làm đối tượng.

(Không cần thiết phải phân biệt xem Nhãn Tịnh Sắc, Tâm Bhavaṅga, hay Cảnh Sắc ấy là của ai - vì chúng là như nhau ở bên ngoài – chỉ tập hợp chúng như một tổng thể.)

Chú ý rằng phương pháp là như nhau trong hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa) và các hàng khác. Trong giai đoạn quán danh này, chỉ khi nào một người phân biệt bên trong và bên ngoài liên tục và xen kẽ nhau, thì sức mạnh của thiền mới trở nên mạnh mẽ. Quán bên ngoài như vậy, không phân biệt đàn ông, đàn bà, người, chúng sinh, con người, trời, thần, Phạm Thiên, ông A, ông B v.v… hành giả phải quán chúng như một tổng thể, vì ở bên ngoài chúng là như nhau. Vì người ta có thể quán 32 Thân Phần của các chúng sinh bên ngoài, từng người một, nên trong việc phân biệt các Sắc Pháp bên ngoài người ta cũng có thể bao gồm tất cả sắc của 32 Thân Phần (Koṭṭhāsa) của một chúng sinh hữu tình. Nhưng trong giai đoạn quán danh, một người không thể biết chính xác tâm của người khác bằng Minh Sát Trí của mình. Biết được tâm người khác một cách chính xác là phạm vi của Tha Tâm Thông (Paracittavijjānana Abhiññā). Trong lĩnh vực của Thiền Minh Sát, không có sự phân biệt giữa các chúng sinh, mà chỉ hành thiền trên đó như một tổng thể. Đây là hành xứ (đồng cỏ) của các vị Thinh Văn (Sāvaka Sammasana Cara), nghĩa là Minh Sát Trí của vị Thinh Văn Đệ Tử hay nói chung của người hành thiền phải được tập trung trên Tam Tướng - Vô Thường, Khổ và Vô Ngã.

Sau khi quán trong và ngoài, tiếp tục.

1. Quán Danh Sắc: phân biệt Sắc - Danh
2. Phân rõ giới hạn Sắc - Danh.

<u>Tiến Đến Giai Đoạn Kế</u>

Sau khi đã phân biệt và phân định giới hạn Danh Sắc, bên trong bên ngoài. Đức Phật dạy cách thực hành để tiến tới giai đoạn kế trong kinh Đại Niệm Xứ (Mahā Satipaṭṭhāna):

Samudāya dhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati. Vaya dhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati. Samudaya vaya dhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati. (Tương tự như vậy đối với Thọ, Tâm và Pháp).

Đức Phật hướng dẫn hành Thiền Minh Sát trên… vị ấy sống quán tánh tập khởi trên thân…)

Ở giai đoạn này Đức Phật dạy ba Tuệ Quán (Ñāṇa)

(1) Tuệ Phân Biệt Nhân Duyên (Paccaya Pariggha Ñāṇa).
(2) Tuệ Thẩm Sát Tam tướng (Sammasana Ñāṇa).
(3) Tuệ Sanh Diệt (Udayabbaya Ñāṇa).

Theo lời chỉ dạy của Đức Phật ở trên, trước khi thực hành để có được Tuệ Phân Biệt Nhân Duyên (Paccaya Pariggha Ñāṇa), hành giả đã phải quán được Năm Uẩn bên trong và bên ngoài một cách có hệ thống rồi.

Kỹ thuật để đạt được Tuệ Phân Biệt Nhân Duyên (Paccaya Pariggha Ñāṇa) sẽ được đề cập thêm khi tới giai đoạn quán Duyên Khởi (Paṭicca Samuppāda) theo cách thứ năm và cách thứ nhất.

Đó Là Sự Phát Triển Của Việc Thực Hành Tứ Niệm Xứ (Satipaṭṭhāna)

Yasmā pana suddha rūpa dassanamatteneva vuṭṭhanaṃ hoti, arūpampi daṭṭhabbameva (Chú Giải Vi Diệu Pháp trang 271, Chú Giải Thanh Tịnh Đạo tập 2 trang 300 Tạng Miến).

Chỉ hành Minh Sát trên Tam Tướng của một mình Sắc thôi thì Đạo Tuệ (Magga Ñāṇa) không thể đắc được, mà phải hành Minh Sát trên cả Danh nữa.

Những gì đoạn Chú Giải trên muốn nói là: Lúc ban đầu việc phân biệt Danh Sắc vốn là đối tượng của Thiền Minh Sát:

(1) Hành giả có thể phân biệt bắt đầu với Sắc hay
(2) Hành giả có thể bắt đầu với Danh.

Trong hai cách này, sự phân biệt bắt đầu với Sắc có thể áp dụng cho cả hai loại hành giả - Chỉ Thừa Hành Giả (Samatha Yānika) và Thuần Quán Hành Giả (Suddha Vipassanā Yānika). Riêng việc phân biệt bắt đầu với Danh thì hầu như chỉ dành cho hành giả có hành thiền định tức Chỉ Thừa Hành Giả (Samatha Yānika).

Trong việc phân biệt như vậy - vì một người không thể đắc Đạo chỉ bằng cách hành Minh Sát trên một mình Sắc mà thôi - cho nên nếu người hành thiền bắt đầu với việc phân biệt Sắc vị ấy phải tiếp tục phân biệt thêm và hành Minh Sát trên Danh nữa. Tương tự, trong việc phân biệt bắt đầu với Danh - vì hành giả không thể đắc Đạo do chỉ hành Minh Sát trên một mình Danh thôi - nên vị ấy cũng phải phân biệt thêm và hành Minh Sát trên cả Sắc nữa.

Vào giai đoạn bắt đầu phân biệt Sắc, Đức Phật dạy trong kinh Apparijānanā Sutta rằng nếu không tuệ tri Năm Uẩn, đó là tuệ tri Danh Sắc bằng ba loại Trí Đạt Tri (Pariñña), thì Khổ (Dukkha) không thể được đoạn trừ. Chú Giải cũng nói rằng, Đạo không thể đắc bằng cách chỉ hành Minh Sát trên một mình Sắc hay trên một mình Danh mà thôi. Những lời Đức Phật dạy và những điều đề cập trong Chú Giải hoàn toàn hòa hợp, không thể phân biệt, giống như sự hòa trộn nước của hai con sông Ganga và Yamunā cùng nhau vậy. Do đó:

1. Sau khi đã phân biệt Danh Sắc bắt đầu với Sắc và rồi tìm các nhân của chúng, nếu một người hành Minh Sát trên Tam Tướng của Danh Sắc đó cùng với các nhân của chúng thì đó là sự tu tập Thân Quán Niệm Xứ (Kāyānupassanā Satipaṭṭhāna).

2. Trong ba cách phân biệt Danh Pháp đã đề cập ở trên, sau khi đã phân biệt Danh Sắc bắt đầu với Thọ (Vedanā) và tìm các nhân của chúng, nếu một người hành Minh Sát trên Danh Sắc ấy cùng với các nhân của chúng thì đó là sự tu tập Thọ Quán Niệm Xứ (Vedanānupassanā Satipaṭṭhāna).

3. Sau khi đã phân biệt Danh Sắc bắt đầu với Thức (Viññāṇa) và tìm các nhân của chúng, nếu một người hành Minh Sát trên Danh Sắc ấy cùng với các nhân của chúng thì đó là sự tu tập Tâm Quán Niệm Xứ (Cittānupassanā Satipaṭṭhāna).

4. Sau khi đã phân biệt Danh Sắc bắt đầu với Xúc (Phassa) và tìm các nhân của chúng, nếu một người hành Minh Sát trên Tam Tướng của Danh Sắc ấy cùng với các nhân của chúng thì đó là sự tu tập Pháp Quán Niệm Xứ (Dhammānupassanā Satipaṭṭhāna).

Đối với người hành thiền muốn phân biệt Danh Pháp, ở đây Thọ hay Thức hay Xúc nổi bật, như đã nhiều lần giải thích ở trên:

1. Người đó đã phải phân biệt xong Sắc Căn (Sắc Vật) của những Danh Pháp này và Sắc Đối Tượng cùng nhau.

2. Nếu người hành thiền đã phân biệt được các Danh Pháp này, thời sau khi phân biệt lại Sắc Căn của những Danh đó, hành giả phải phân biệt Danh Sắc cùng nhau.

Do đó, hành giả phải ghi nhớ một cách thận trọng rằng:

1. Nếu một người đang thiền trên một trong bốn Niệm Xứ thì đó cũng có nghĩa là đang thiền trên bốn Niệm Xứ

2. Phân biệt Năm Uẩn là đang thiền trên Niệm Xứ (Satipaṭṭhāna).

Những trang sau này là từ những trang số 12 đến 32 (trang thất lạc) hay trang 7 tới 21 (của cuốn sách với bản in nhỏ)

<u>Chú Thích Cần Biết Trước</u>

Trong sự phân biệt các tâm, đại khái có hai loại: Tâm Lộ hay Tâm Thuộc Tiến Trình (Vīthi Citta) và Tâm Ngoài Tiến Trình (Vīthi Mutta Citta). Trong đó, có ba loại Tâm Ngoài Tiến Trình (Vīthi Mutta Citta): Tâm Tục Sinh (Paṭisandhi), Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) và Tử Tâm (Cuti Citta). Vì là tâm đầu tiên khởi lên trong một kiếp sống, như thể đang nối liền kiếp sống cũ với kiếp sống mới hay nối Uẩn (Khandhā) cũ với Uẩn mới, nên nó được gọi là Tâm Tục Sinh (Paṭisandhi Citta). Tâm cuối cùng (Tâm Tử) khởi lên trong một kiếp sống như thể nó là sự thoát ra khỏi Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) từ kiếp sống đang hiện hữu, nên được gọi là Tâm Tử (Cuti Citta). Tâm Quả (Vipāka Citta), tương tự như Tâm Tục Sinh (Paṭisandhi), là tâm khởi lên trong suốt kiếp sống, giữa Tâm Tục Sinh và Tâm Tử, là một nhân của sự sống khi mà những Tâm Thuộc Tiến Trình (Vīthi Citta) không khởi lên, để cho Uẩn Quả (Vipāka Khandhā) không bị cắt đứt và Tiến Trình Tâm không bị cắt đứt chừng nào nghiệp lực vẫn còn được gọi là Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga Citta). Tâm Hữu Phần đó chỉ dừng lại khi các Tâm Thuộc Tiến Trình (Vīthi Citta) khởi lên và nó lại khởi lên khi các Tâm Thuộc Tiến Trình không khởi. Nó cứ diễn ra theo cách này trong suốt kiếp sống. Người hành thiền có thể phân biệt Tâm Hữu Phần đó cùng với nhóm Danh Pháp Hữu Phần (Bhavaṅga Nāma Dhamma) chỉ sau khi đã phân biệt được Tâm Tiến Trình, đặc biệt khi đạt đến giai đoạn Tuệ Phân Biệt Nhân Duyên (Paccaya Pariggha Ñāṇa). Do đó, nếu người hành thiền muốn phân biệt Danh Pháp phải bắt đầu với việc phân biệt Danh Pháp xuất hiện ở Lộ Trình Tâm. Và, nếu người hành thiền muốn phân biệt Danh Pháp ở Lộ Trình Tâm thì phải biết trước 6 hàng sau:

Sáu Vật (Vatthu) Là Căn Cứ (Xuất Phát) Của Danh Pháp

(1) Nhãn Căn hay Nhãn Vật (Cakkhu Vatthu) = Nhãn Tịnh Sắc (Cakkhu Pasāda)
(2) Nhĩ Căn (Sota Vatthu) = Nhĩ Tịnh Sắc (Sota Pasāda)
(3) Tỷ Căn (Ghāna Vatthu) = Tỷ Tịnh Sắc (Ghāna Pasāda)
(4) Thiệt Căn (Jivhā Vatthu) = Thiệt Tịnh Sắc (Jivhā Pasāda)
(5) Thân Căn (KāyaVatthu) = Thân Tịnh Sắc (Kāya Pasāda)
(6) Ý Căn (Hadaya Vatthu) = Sắc Ý Vật (Hadaya Rūpa) = Sắc Căn của Ý Giới (Mano Dhātu) và Ý Thức Giới (Mano Viññāṇa Dhātu)

Môn (Dvāra)

(1) Nhãn Môn (Cakkhu Dvāra) = Nhãn Tịnh Sắc (Cakkhu Pasāda).
(2) Nhĩ Môn (Sota Dvāra) = Nhĩ Tịnh Sắc (Sota Pasāda).
(3) Tỷ Môn (Ghāna Dvāra) = Tỷ Tịnh Sắc (Ghāna Pasāda).
(4) Thiệt Môn (Jivhā Dvāra) = Thiệt Tịnh Sắc (Jivhā Pasāda).
(5) Thân Môn (Kāya Dvāra) = Thân Tịnh Sắc (Kāya Pasāda).
(6) Ý Môn (Mano Dvāra) = Hữu Phần (Bhavaṅga)

Vì cửa chính của một căn nhà là để đi ra đi vào, để đóng và để mở, nên nó được gọi là cửa hay môn (Dvāra). Nếu không có môn thì không ai có thể ra vào được, cũng tương tự như vậy, nếu không có Sắc Thần Kinh (Pasāda) như Nhãn Tịnh Sắc (Cakkhu Pasāda)… thì các Tâm Thuộc Tiến Trình (Vīthi Citta) như Nhãn Môn Lộ Trình Tâm không thể khởi lên. Vì Nhãn Tịnh Sắc (Cakkhu Pasāda) cũng như thể là nơi Tiến Trình Nhãn Môn đi vào và vì nó tương tợ như (Sadisūpacāra) một cánh cửa bình thường của căn nhà, nên Nhãn Tịnh Sắc (Cakkhu Pasāda) được gọi là Nhãn Môn (Cakkhu Dvāra).

Sáu Cảnh Hay Sáu Đối Tượng (Ārammaṇa)

(1) Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa): hình dáng, màu sắc.
(2) Cảnh Thanh (Saddārammaṇa): âm thanh
(3) Cảnh Khí (Gandhārammaṇa): mùi.
(4) Cảnh Vị (Rasārammaṇa): vị.
(5) Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa): vật sờ mó được (Đất, Lửa, Gió)
(6) Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa): danh pháp (hay những trạng thái riêng biệt ngoài Ngũ Cảnh - Sắc, Thanh, Hương,Vị, Xúc).

Một Loại Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)

(1) Sắc Thần Kinh (Pasāda Rūpa).
(2) Sắc Tế (Sukhuma Rūpa): 16 Sắc Tế.

Chú ý: 12 loại Sắc - đó là năm Sắc Thần Kinh (Pasāda Rūpa) và 7 loại Sắc Đối Tượng - được xem là dễ phân biệt bởi Minh Sát Trí của người hành thiền. Do đó, chúng được gọi là Sắc Thô (Olārika). Lưu ý rằng, trừ 12 loại Sắc Thô trong 28 Sắc Pháp ra, 16 Sắc còn lại không dễ gì phân biệt bằng Minh Sát Trí của hành giả, do đó chúng được gọi là Sắc Tế (Sukkhuma).

1. Tâm Vương (Citta): 6 Thức Giới (Viññāṇa Dhātu)
2. Tâm Sở (Cetasika): 52 Tâm Sở
3. Niết Bàn: Vô Vi Giới (Asaṅkhata Dhātu)
4. Khái Niệm (Paññatti): những khái niệm khác nhau như khái niệm về biến xứ (Kāsiṇa), khái niệm về tên, hình dáng v.v…

Chữ "Ārammaṇa" hay "Ālambaṇa" nghĩa bóng là Đối Tượng. Theo từ nguyên, "Ārammaṇa" có nghĩa là "nơi thích thú, dễ chịu". Như công viên, vườn cảnh là những nơi thích thú, dễ chịu của con người, tương tự, vì 6 đối tượng (như Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) là những nơi thích thú của Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) nên chúng được gọi là "Ārammaṇa". Hơn nữa, theo từ nguyên, "Ārammaṇa" còn có nghĩa là "bám vào, nắm vào". Giống như một người què muốn đứng hay ngồi phải nắm chặt vào vật gì đó như cây gậy, sợi dây; tương tự, Tâm – Tâm Sở chỉ có thể khởi lên khi chúng có được chỗ dựa hay có được chỗ nắm vào một đối tượng, nên 6 đối tượng đó được gọi là "Ārammaṇa", chỗ dựa, hay chỗ bám của Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika).

Thức Giới (Viññāṇa Dhātu)

(1) Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa): Thức biết Cảnh Sắc (màu sắc), dựa vào Nhãn Tịnh Sắc (Cakkhu Pasāda)

(2) Nhĩ Thức (Sota Viññāṇa): Thức biết Cảnh Thanh (âm thanh), dựa vào Nhĩ Tịnh Sắc (Sota Pasāda).

(3) Tỷ Thức (Ghāna Viññāṇa): Thức biết Cảnh Khí hay Hương Trần (mùi), dựa vào Tỷ Tịnh Sắc (Ghāna Pasāda).

(4) Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa): Thức biết Cảnh Vị (vị), dựa vào Thiệt Tịnh Sắc (Jivhā Pasāda).

(5) Thân Thức (KāyaViññāṇa): Thức biết Cảnh Xúc (sự đụng chạm), dựa vào Thân Tịnh Sắc (Kāya Pasāda)

(6) Ý Thức (Mano Viññāṇa): Thức biết 6 cảnh thích hợp (5 Cảnh Ngũ và 1 Cảnh Pháp), dựa vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa), theo Tâm Bhavaṅga.

Ngoại trừ Ngũ Song Thức (Dvepañca Viññāṇa) đã đề cập từ 1 tới 5, tất cả tâm khởi lên dựa vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) đều gọi là Ý Thức (Mano Viññāṇa), chúng là những tâm biết đối tượng một cách rõ rệt và biện biệt. Không kể 3 loại Tâm Ngoài Tiến Trình (Vīthi Mutta Citta) trong Tâm Ý Thức (ManoViññāṇa Citta) ấy, các Tâm Ý Thức (Mano Viññāṇa Citta) còn lại và Tâm Ngũ Song Thức trên khởi lên theo một định luật của tâm (Citta Niyāma) gọi là Tâm Lộ hay Tiến Trình Tâm (Vīthi). Có 6 Lộ Trình Tâm (Vīthi)

Tâm Lộ (Vīthi)

1. Lộ Nhãn Môn (Cakkhu Dvāra Vīthi): Tiến Trình Tâm sanh khởi ở Nhãn Môn (Cakkhu Dvāra) .
2. Lộ Nhĩ Môn (Sota Dvāra Vīthi): Tiến Trình Tâm sanh khởi ở Nhĩ Môn (Sota Dvāra).
3. Lộ Tỷ Môn (Ghāna Dvāra Vīthi): Tiến Trình Tâm sanh khởi ở Tỷ Môn (Ghāna Dvāra).
4. Lộ Thiệt Môn (Jivhā Dvāra Vīthi): Tiến Trình Tâm sanh khởi ở Thiệt Môn (Jivhā Dvāra).
5. Lộ Thân Môn (Kāya Dvāra Vīthi): Tiến Trình Tâm sanh khởi ở Thân Môn (Kāya Dvāra).
6. Lộ Ý Môn (Hadaya Dvāra Vīthi): Tiến Trình Tâm sanh khởi ở Ý Môn (Mano Dvāra)

Và theo Thức (Viññāṇa) thì có:

(1) Lộ Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vīthi): Tiến trình nhận biết qua Nhãn Thức.
(2) Lộ Nhĩ Thức (Sota Viññāṇa Vīthi): Tiến trình nhận biết qua Nhĩ Thức.

(3) Lộ Tỷ Thức (Ghāna Viññāṇa Vīthi): Tiến trình nhận biết qua Tỷ Thức.
(4) Lộ Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vīthi): Tiến trình nhận biết qua Thiệt Thức.
(5) Lộ Thân Thức (Kāya Viññāṇa Vīthi): Tiến trình nhận biết qua Thân Thức.
(6) Lộ Ý Thức (Hadaya Viññāṇa Vīthi): Tiến trình nhận biết qua Ý Thức.

Vīthi (Lộ Trình hay Tiến Trình) được gọi theo Môn (Dvāra). Nếu Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) rõ ràng ở Nhãn Môn (Cakkhu Dvāra), thời Tiến Trình Tâm bắt Cảnh Sắc ấy làm đối tượng thì được gọi là Tâm Lộ Nhãn Môn (Cakkhu Dvāra Vīthi). Nếu Cảnh Thanh (Saddārammaṇa) rõ ràng ở Nhĩ Môn (Sota Dvāra), thời Tiến Trình Tâm bắt Cảnh Thanh ấy làm đối tượng được gọi là Tâm Lộ Nhĩ Môn (Sota Dvāra Vīthi) v.v… Nếu Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) hay 1 trong 6 cảnh thích hợp rõ ràng trong Ý Môn (Mano Dvāra), thời Tiến Trình Tâm bắt Cảnh Pháp hay một trong 6 cảnh thích hợp đó làm đối tượng, được gọi là Tâm Lộ Ý Môn (Mano Dvāra Vīthi).

Cũng vậy, các Tâm Lộ (Vīthi) được đặt tên theo Thức (Viññāṇa):

(1) Lộ Nhãn Môn: Ngũ Môn Hướng Tâm - Nhãn Thức - Tiếp Thọ - Suy Đạc hay Suy Xét – Xác Định – Tốc Hành Tâm (7 chặp) – Đăng Ký Tâm (2 chặp) [Pañcadvāravajjana - Cakkhu Viññāṇa - Sampaṭicchana - Santīraṇa - Voṭṭhabbana - Javana (7 chặp) – Tadālambana (2 chặp)].

(2) Lộ Nhĩ Môn: Ngũ Môn Hướng Tâm - Nhĩ Thức - Tiếp Thọ - Suy Đạc hay Suy Xét – Xác Định – Tốc Hành Tâm (7 chặp) – Đăng Ký Tâm (2 chặp) [Pañcadvāravajjana – Sota Viññāṇa - Sampaṭicchana –S antīraṇa - Voṭṭhabbana - Javana (7 chặp) – Tadālambana (2 chặp)].

(3) Lộ Tỷ Môn: Ngũ Môn Hướng Tâm - Tỷ thức - Tiếp Thọ - Suy Đạc hay Suy Xét – Xác Định – Tốc Hành Tâm (7 chặp) – Đăng Ký Tâm (2 chặp) [Pañcadvāravajjana - Ghāna Viññāṇa - Sampaṭicchana - Santīraṇa - Voṭṭhabbana - Javana (7 chặp) – Tadālambana (2 chặp)].

(4) Lộ Thiệt Môn: Ngũ Môn Hướng Tâm - Thiệt Thức - Tiếp Thọ - Suy Đạc hay Suy Xét – Xác Định – Tốc Hành Tâm (7 chặp) – Đăng Ký Tâm (2 chặp) [Pañcadvāravajjana - Jivhā Viññāṇa - Sampaṭicchana - Santīraṇa - Voṭṭhabbana - Javana (7 chặp) – Tadālambana (2 chặp)]

(5) Lộ Thân Môn: Ngũ Môn Hướng Tâm - Thân Thức - Tiếp Thọ - Suy Đạc hay Suy Xét – Xác Định – Tốc Hành Tâm (7 chặp) – Đăng Ký Tâm (2 chặp) [Pañcadvāravajjana - Kāya Viññāṇa - Sampaṭicchana - Santīraṇa - Voṭṭhabbana - Javana (7 chặp) – Tadālambana (2 chặp)].

(6) Lộ Ý Môn: Ý Môn Hướng Tâm – Tốc Hành Tâm (7 chặp) – Đăng Ký Tâm (2 chặp) [Manodvāravajjana - Javana (7 chặp) – Tadālambana (2 chặp)].

Trong các Lộ Trình Tâm này, tâm đặc thù là Thức (Viññāṇa) như Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa), Nhĩ Thức (Sota Viññāṇa), v.v… còn Ngũ Môn Hướng Tâm, Tâm Tiếp Thọ, v.v… là những tâm không đặc thù. Vì thế, chính nhờ Thức đặc thù mà chúng được gọi là Lộ Nhãn (Cakkhu Vīthi),… Trong Lộ Ý Môn (Mano Dvāra Vīthi) không có cái thức đặc thù, tất cả chỉ là Ý Thức (Mano Viññāṇa). Vì thế Tâm Lộ (Vīthi) ở đây tất cả chỉ là Ý Thức (Mano Viññāṇa) nên được gọi là Tâm Lộ Ý Thức (Viññāṇa Vīthi). Trong trường hợp này thì Vīthi có nghĩa là sự sanh khởi của các tâm trong tiến trình như Ngũ Môn Hướng Tâm – Nhãn Thức, v.v…

Sáu Visayappavatti (Diễn Biến Của Cảnh)

Bốn loại sau đây thuộc về Ngũ Môn (Pañcadvāra):

(1) Cảnh rất lớn (Atimahantarāmmaṇa): đối tượng kéo dài trong rất nhiều sát-na tâm, tính bắt đầu từ sát-na đối tượng thích hợp xuất hiện ở môn tương ứng cho đến sát-na diệt của đối tượng đó (Tadālambaṇa Vāra – Chót Đăng Ký Tâm).

(2) Cảnh lớn (Mahantarāmmaṇa): đối tượng kéo dài trong nhiều sát-na tâm, tính bắt đầu từ sát-na đối tượng thích hợp xuất hiện ở môn tương ứng cho đến sát-na diệt của đối tượng đó (Javana Vāra — Chót Tốc Hành Tâm).

(3) Cảnh nhỏ (Parittārammaṇṇa): đối tượng kéo dài trong vài sát-na tâm, tính bắt đầu từ sát-na đối tượng thích hợp xuất hiện ở môn tương ứng cho đến sát-na diệt của đối tượng đó (Voṭṭhabbana Vāra — Chót Xác Định Tâm)

(4) Cảnh rất nhỏ (Atiparittārammaṇa): đối tượng kéo dài chỉ rất ít sát-na tâm, tính bắt đầu từ sát-na đối tượng thích hợp xuất hiện ở môn tương ứng cho đến sát-na diệt của đối tượng đó. (Giai đoạn Tâm Hữu Phần Rung Động không có Tâm Lộ (Vīthi) được gọi là Mogha Vāra. Trong Vāra này chỉ có Tâm Hữu Phần Rung Động mà thôi, không có các Tâm Tiến Trình [Vīthi Citta] nào khởi lên)

Hai loại sau đây thuộc về Ý Môn (Manodvāra):

(1) Cảnh rõ (Vibhūtārāmmaṇa): đối tượng rõ ràng (Tadālambaṇa Vāra — Chót Đăng Ký Tâm).

(2) Cảnh không rõ (Avibhūtārammaṇa): đối tượng không rõ ràng (Javana Vāra - Chót Tốc Hành Tâm).

Theo cách này, có sáu loại diễn hoạt (Visayappavatti) của cảnh. Sáu cảnh này người hành thiền cần nên biết trước (khi hành thiền). Hành giả muốn thực hành Quán Danh Nghiệp Xứ (Nāma Kammaṭṭhāna) trước hết phải biết về Tâm - vốn được bao gồm trong sáu Thức (Viññāṇa) và các tâm sở đi kèm. Các Tâm phải được hành trên đó, trong Minh Sát. Vì thế những Tâm được xem là đối tượng của Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa) và có thể sanh khởi trong tiến trình tương tục của người hành thiền sẽ được trình bày trước.

Các Loại Tâm Là Đối Tượng Của Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa)

Đức Phật dạy bốn pháp Chân Đế: Tâm (Citta), Tâm Sở (Cetasika), Sắc (Rūpa) và Niết-Bàn (Nibbāna). Nếu quý vị muốn đạt đến Chân Đế thứ tư, đó là Niết-Bàn, thì quý vị phải cố gắng chứng ngộ Chân Đế thứ nhất, thứ nhì và thứ ba [Tâm (Citta), Tâm Sở (Cetasika), Sắc (Rūpa)], cũng như thấu triệt định luật Duyên Khởi (Paṭicca Samuppāda), là những mối tương quan giữa các nhân và các quả của các Tâm ấy. Lý do là, chỉ khi nào quý vị có thể hành Thiền Minh Sát tới lui nhiều lần trên Tam Tướng của Tâm (Citta), Tâm Sở (Cetasika) và Sắc Pháp (Rūpa Dhamma) gồm luôn các nhân duyên của chúng thì Thánh Đạo Tuệ và Thánh Quả Tuệ, vốn khởi lên ở cuối của Minh Sát Trí đã chín muồi đó, mới có thể chứng ngộ Niết-Bàn một cách thể nhập. Trong các Pháp Chân Đế ấy, Tâm (Citta), Tâm Sở (Cetasika), được gọi là Danh Pháp (Nāma Dhamma). Đến đây, Tâm vốn là đối tượng của Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa), sẽ được giải thích như sau:

Citta: Trạng thái biết một đối tượng được gọi là tâm. Biết ở đây có nghĩa là chỉ bắt lấy đối tượng thôi. (Theo tạng Pāli, "Vijānanaṃ ārammaṇassa upaladdhi" Mūla Ṭika Tập 1 trang 87 Tạng Miến). Chỉ khi nào hành giả có thể lấy, chẳng hạn như Nhãn Tịnh Sắc, một Pháp Chân Đế, làm đối tượng thì lúc đó mới có thể nói rằng hành giả biết được Nhãn Tịnh Sắc. Nếu hành giả không thể lấy Nhãn Tịnh Sắc làm đối tượng, thì không thể nói rằng hành giả đã biết Nhãn Tịnh Sắc. Hãy hiểu vấn đề theo cách này.

Mười Hai Loại Tâm Bất Thiện (Akusala Citta)

Trong số bốn loại tâm - Dục giới tâm (Kāmāvacara Citta), Sắc Giới Tâm (Rūpāvacara Citta), Vô Sắc Giới Tâm (ArūpāvacaraCitta), Siêu Thế Tâm (Lokuttarā Citta) - có 54 tâm Dục Giới. Trong 54 tâm này có 12 tâm bất thiện.

➢ Loại Tâm Căn Tham (Lobha Mūla Citta)

Có 8 loại Tâm Căn Tham (Lobha Mūla Citta), đó là

(1) Tâm Tham Thọ Hỷ Hợp Tà Vô Trợ (Somanassa - Sahagataṁ, Diṭṭhigatasampayuttaṁ Asaṅkhārika Citta): Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ và liên hợp với Tà Kiến

(2) Tâm Tham Thọ Hỷ Hợp Tà Hữu Trợ (Somanassa - Sahagataṁ, Diṭṭhigatasampayuttaṁ Sasaṅkhārika Citta): Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ và liên hợp với Tà Kiến.

(3) Tâm Tham Thọ Hỷ Ly Tà Vô Trợ (Somanassa - Sahagataṁ, Diṭṭhigatavippayuttaṁ Asaṅkhārika Citta): Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ và không liên hợp với Tà Kiến.

(4) Tâm Tham Thọ Hỷ Ly Tà Hữu Trợ (Somanassa - Sahagataṁ Diṭṭhigatavipayuttaṁ Sasankhārika Citta): Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ và không liên hợp với Tà Kiến.

(5) Tâm Tham Thọ Xả Hợp Tà Vô Trợ (Upekkhā - Sahagataṁ, Diṭṭhigatasampayuttaṁ Asaṅkhārika Citta): Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả và liên hợp với Tà Kiến.

(6) Tâm Tham Thọ Hỷ Hợp Tà Hữu Trợ (Upekkhā - Sahagatam, Diṭṭhigatasampayuttaṁ Sasaṅkhārika Citta): Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả và liên hợp với Tà Kiến.

(7) Tâm Tham Thọ Xả Ly Tà Hữu Trợ (Upekkhā - Sahagataṁ, Diṭṭhigatavippayuttaṁ Asaṅkhārika Citta): Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả và không liên hợp với Tà Kiến.

(8) Tâm Tham Thọ Xả Ly Tà Hữu Trợ (Upekkhā - Sahagataṁ, Diṭṭhigatavipayuttaṁ Sasaṅkhārika Citta): Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả và không liên hợp với Tà Kiến .

Somanassa – sahagata: Đồng khởi lên với Thọ Hỷ.
Upekkhā – sahagata: Đồng khởi lên với Thọ Xả
Diṭṭhigatasampayutta: Liên hợp với Tà Kiến (Micchādiṭṭhi)
Diṭṭhigatavippayutta: Không liên hợp với Tà Kiến

➢ Loại Tâm Căn Sân (Dosa Mūla Citta)

Có hai loại Tâm Căn Sân (Dosa Mūla Citta), đó là:

(1) Tâm Sân Thọ Ưu Hợp Phẫn Vô Trợ (Domanassa - Sahagataṁ, Paṭighasampayuttaṁ Asaṅkhārika Citta): Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Ưu và có liên hợp với ác ý.

(2) Tâm Sân Thọ Ưu Hợp Phẫn Hữu Trợ (Domanassa - Sahagataṁ, paṭighasampayuttaṁ Sasaṅkhārika Citta): Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Ưu và có liên hợp với ác ý.

➢ Loại Tâm Căn Si (Moha Mūla Citta)

Có hai loại Tâm Căn Si (Moha Mūla Citta), đó là:

(1) Tâm Si Thọ Xả Hợp Hoài Nghi (Upekkhā - Sahagataṁ, Vicikicchāsampayutta Citta): Một tâm đồng khởi lên cùng Thọ Xả và liên hợp với Hoài Nghi.

(2) Tâm Si Thọ Xả Hợp Phóng Dật (Upekkhā - Sahagataṁ, Uddhaccasampayutta Citta): Một tâm đồng khởi lên cùng Thọ Xả và liên hợp với phóng dật.

Vicikicchāsampayutta: liên hợp với Hoài Nghi
Uddhaccasampayutta: liên hợp với Phóng Dật

Trong cách này thì có 12 Tâm Bất Thiện, đó là:

(1) 8 loại Tâm Căn Tham, ở đây Tham là nhân cơ bản.
(2) 2 loại Tâm Căn Sân, ở đây Sân là nhân cơ bản.
(3) 2 loại Tâm Căn Si, ở đây Si là nhân cơ bản.

Mười Tám Loại Tâm Vô Nhân (Ahetuka Citta)

❖ Bảy Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân

(1) Tâm Nhãn Thức Thọ Xả Quả Bất Thiện hay Nhãn Thức đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Cakkhuviññāṇa Citta).

(2) Tâm Nhĩ Thức Thọ Xả Quả Bất Thiện hay Nhĩ Thức đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Sotaviññāṇa Citta)

(3) Tâm Tỷ Thức Thọ Xả Quả Bất Thiện hay Tỷ Thức đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Ghāṇaviññāṇa Citta)

(4) Tâm Thiệt Thức Thọ Xả Quả Bất Thiện hay Thiệt Thức đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Jivhāviññāṇa Citta)

(5) Tâm Thân Thức Thọ Khổ Quả Bất Thiện hay Thân Thức đồng khởi lên cùng Thọ Khổ (Dukkha Sahagata Kāyaviññāṇa Citta)

(6) Tâm Tiếp Thọ Thọ Xả Quả Bất Thiện hay Tiếp Thọ Tâm đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Sampaṭicchana Citta)

(7) Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Bất Thiện hay Tâm Suy Đạc hay Suy Xét đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Santīraṇa Citta)

Dukkha Sahagata: đồng khởi lên cùng Thọ Khổ, ở đây là cảm thọ Khổ thuộc về thân (Kāyika Dukkha Vedanā).

Sampaṭicchana Citta: Tâm khởi lên có nhiệm vụ tiếp nhận đối tượng.

Santīraṇa Citta: Tâm khởi lên có nhiệm vụ suy xét đối tượng.

Bảy loại tâm này - vốn khởi lên trong tiến trình tương tục của mỗi người khi gặp những đối tượng không vừa ý, không hài lòng vì Nghiệp Bất Thiện Quá Khứ - là Quả hay Tâm Quả của Nghiệp Bất Thiện (Vipāka Citta của Akusala Kamma). Đừng quên một sự thật rằng việc gặp phải những đối tượng không vừa ý trong kiếp này là do Nghiệp Bất Thiện Quá Khứ. Và nó là thuốc giải độc.

❖ Tám Tâm Quả Thiện Vô Nhân (Ahetuka Kusala Vipāka Citta)

(1) Tâm Nhãn Thức Thọ Xả Quả Thiện Vô Nhân hay Nhãn Thức Quả Thiện, đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Kusala Vipāka Cakkhu Viññāṇa Citta)

(2) Tâm Nhĩ Thức Thọ Xả Quả Thiện Vô Nhân hay Nhĩ Thức Quả Thiện, đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Kusala Vipāka Sota Viññāṇa Citta)

(3) Tâm Tỷ Thức Thọ Xả Quả Thiện Vô Nhân hay Tỷ Thức Quả Thiện, đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Kusala Vipāka Ghāṇa Viññāṇa Citta)

(4) Tâm Thiệt Thức Thọ Xả Quả Thiện Vô Nhân hay Thiệt Thức Quả Thiện, đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Kusala Vipāka Jivhā Viññāṇa Citta)

(5) Tâm Thân Thức Thọ Lạc Quả Thiện Vô Nhân hay Thân Thức Quả Thiện, đồng khởi lên cùng Thọ Lạc (Sukha Sahagata Kusala Vipāka Kāya Viññāṇa Citta)

(6) Tâm Tiếp Thọ Thọ Xả Quả Thiện Vô Nhân hay Tiếp Thọ Tâm Quả Thiện, đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Kusala Vipāka Sampaṭicchana Citta)

(7) Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Hỷ Quả Thiện Vô Nhân hay Suy Đạc Tâm Quả Thiện, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ (Somanassa Sahagata Kusala Vipāka Santīraṇacitta Citta)

(8) Tâm Suy Đạc hay Suy Xét Thọ Xả Quả Thiện Vô Nhân hay Suy Đạc Tâm Quả Thiện, đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Kusala Vipāka Santīraṇa Citta)

Sukha Sahagata: đồng khởi lên cùng Thọ Lạc (Kāyika Sukkha Vedanā)

Tám loại tâm này - khởi lên khi gặp đối tượng vừa ý do Nghiệp Thiện ở quá khứ - là Quả hay Tâm Quả của Thiện Nghiệp (Kusala Kamma Vipāka Citta).

❖ <u>Ba Tâm Duy Tác Vô Nhân (Ahetuka Kiriya Citta)</u>

(1) Tâm Khán Ngũ Môn Thọ Xả hay Ngũ Môn Hướng Tâm, đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Sahagata Pañcadvārāvajjana Citta)

(2) Tâm Khán Ý Môn Thọ Xả hay Ý Môn Hướng Tâm, đồng khởi lên cùng Thọ Xả (Upekkhā Manodvārāvajjana Citta)

(3) Tâm Ứng Cúng Vi Tiếu Thọ Hỷ hay Tiếu Sanh Tâm, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ (Somanassa Sahagata Hasituppāda Citta)

Pañcadvārāvajjana Citta: Tâm hướng đến đối tượng đi vào phạm vi của năm giác quan (Ngũ Môn).

Manodvārāvajjana Citta: Tâm hướng đến đối tượng đi vào phạm vi của Ý Môn (Mano Dvāra) .

Hasituppāda Citta: Tâm tạo ra nụ cười nơi một bậc A-la-hán.

Khi Môn (Dvāra) và đối tượng đồng thời xảy ra, thì ba loại tâm này (vì nó chỉ hướng đến, tức chỉ làm chức năng và chỉ mỉm cười, chứ không thể tạo ra quả) được gọi là Tâm Duy Tác (Kiriyā Citta). Sở dĩ gọi là Vô Nhân vì:

(1) 7 Tâm Quả Bất Thiện (Akusala Vipāka Citta)
(2) 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân (Ahetuka Kusala Vipāka Citta)
(3) 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân (Ahetuka Kiriyā Citta).

hoàn toàn không liên kết với Nhân (Hetu) như Tham (Lobha), Sân (Dosa), Si (Moha), Vô Tham (Alobha), Vô Sân (Adosa), Vô Si (Amoha) cho nên gọi là Vô Nhân. Ngoại trừ những Tâm Bất Thiện và Tâm Vô Nhân này, các tâm còn lại được gọi là Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇa Citta) vì chúng là loại Tâm Thiện. Và trong những Tâm Tịnh Hảo này, nếu tóm gọn thì có 59 loại và nếu mở rộng ra thì có 91 loại.

Hai Mươi Bốn Tâm Tịnh Hảo Dục Giới (Kāmāvacara Sobhaṇa Citta)

➢ Tám Tâm Thiện Dục Giới (Mahā Kusala Citta)

(1) Tâm Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Vô Trợ: Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata ñāṇasampayutta Asaṅkhārika Citta)

(2) Tâm Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Hữu Trợ: Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇasampayutta Sasaṅkhārika Citta)

(3) Tâm Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Hữu Trợ: Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, không liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇavippayutta Asaṅkhārika Citta)

(4) Tâm Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Hữu Trợ: Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, không liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇavippayutta Sasaṅkhārika Citta)

(5) Tâm Thiện Thọ Xả Hợp Trí Vô Trợ: Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, liên hợp với Trí (Upekkā Sahagata Ñāṇasampayutta Asaṅkhārika Citta)

(6) Tâm Thiện Thọ Xả Hợp Trí Hữu Trợ: Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇasampayutta Sasaṅkhārika Citta)

(7) Tâm Thiện Thọ Xả Ly Trí Vô Trợ: Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, không liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇavippayutta Asaṅkhārika Citta)

(8) Tâm Thiện Thọ Xả Ly Trí Hữu Trợ: Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, không liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇavippayutta Sasaṅkhārika Citta)

Tám tâm này thường là những tâm có năng lực tạo ra các quả tốt trong 11 cõi Dục Giới (Kāmavacara). Các Tâm Tu Tập Chỉ Tịnh (Samatha Bhāvanā Citta) cho tới Cận Hành Định (Upacāra Samādhi) và các Tâm Tu Tập Minh Sát (Vipassanā Bhāvanā Citta) cho tới trước khi đắc Thánh Đạo (Ariya Magga) có thể khởi lên ở một phàm nhân (Phuthujana) đều là Tâm Thiện Dục Giới (Kāmāvacara Kusala Citta). Nó rất là rộng rãi, do đó, được gọi là Đại Thiện Tâm (Mahā Kusala Citta).

➢ Tám Tâm Đại Quả (Māha Vipāka Citta)

(1) Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇasampayutta Asaṅkhārika Citta)

(2) Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇasampayutta Sasaṅkhārika Citta)

(3) Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, không liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇavippayutta Asaṅkhārika Citta)

(4) Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, không liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇavippayutta Sasaṅkhārika Citta)

(5) Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, liên hợp với Trí (Upekkā Sahagata Ñāṇasampayutta Asaṅkhārika Citta)

(6) Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇasampayutta Sasaṅkhārika Citta)

(7) Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, không liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇavippayutta Asaṅkhārika Citta)

(8) Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, không liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇavippayutta Sasaṅkhārika Citta)

Nói chung, những tâm này giống như tám Tâm Đại Thiện. Khác nhau duy nhất ở chỗ một bên là Thiện (Kusala) và bên kia là Quả (Vipāka) mà thôi. Tám Tâm Đại Quả là Tâm Quả (Vipāka Citta) của những Nghiệp Đại Thiện (Mahā Kusala Kamma) ấy. Bất cứ một tâm nào trong tám tâm này đều thực hiện được nhiệm vụ Tục Sinh, nhiệm vụ Hữu Phần và nhiệm vụ Tử Tâm nơi một người hành thiền là người Tam Nhân (Tihetuka Phuthujana) hay Nhị Nhân (Dvihetuka Phuthujana). Trong thời bình nhật hay trong đời sống bình thường (pavatti), khi kinh nghiệm các loại Dục Trần Khả Ái (Iṭṭhāramaṇa) tiếp theo Dục Tốc Hành Tâm (Kāma Javana), tám loại tâm này có thể khởi lên tùy theo; thực hiện chức năng Tâm Đăng Ký (Tadālambaṇa) vốn tiếp tục bắt lấy đối tượng mà Tốc Hành Tâm (Javana) bắt. Dục Trần Khả Ái (Kāma - iṭṭhāramaṇa) ở đây có nghĩa là các Tâm - Tâm Sở (Citta - Cetasika) Dục Giới và 28 Sắc Pháp.

➢ Tám Tâm Đại Duy Tác (Māha Kiriyā Citta)

(1) Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇasampayutta Asaṅkhārika Citta)

(2) Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇasampayutta Sasaṅkhārika Citta)

(3) Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Hỷ, không liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇavippayutta Asaṅkhārika Citta)

(4) Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùngThọ Hỷ, không liên hợp với Trí (Somanassa Sahagata Ñāṇavippayutta Sasaṅkhārika Citta)

(5) Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, liên hợp với Trí (Upekkā Sahagata Ñāṇasampayutta Asaṅkhārika Citta)

(6) Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇasampayutta Sasaṅkhārika Citta)

(7) Một tâm không bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, không liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇavippayutta Asaṅkhārika Citta)

(8) Một tâm bị xúi giục, đồng khởi lên cùng Thọ Xả, không liên hợp với Trí (Upekkhā Sahagata Ñāṇavippayutta Sasaṅkhārika Citta)

Tâm Đại Duy Tác, cũng giống như tám Tâm Đại Thiện, có tám loại. Chúng là các tâm Bố Thí (Dāna), Giới (Sīla), Tu Tập Chỉ Tịnh (Samatha Bhavanā), Tu Tập Minh Sát (Vipassanā Bhāvanā) của một vị A-la-hán. (Chỉ Tịnh ở đây có nghĩa là hành Thiền Chỉ tới cận hành định :

(1)	Tâm Bất Thiện (Akusala Citta)	12 loại
(2)	Tâm Vô Nhân (Ahetuka Citta)	18 loại
(3)	Tâm Dục Tịnh Hảo (Kāma Sobhaṇa Citta)	24 loại
	Tổng cộng	54 loại

được gọi là Tâm Dục Giới (Kāma Citta) vì phần lớn chúng chỉ khởi lên ở 11 cõi Dục. Nếu quý vị là người Tam Nhân (Tihetuka), những Tâm Dục Giới này có thể khởi lên nơi quý vị. Còn những Tâm Dục Giới dùng làm đối tượng của Minh Sát Trí (Vipassāna Ñaṇa) có thể kể như sau:

(1)	Tâm Bất Thiện (Akusala Citta)	12 loại
(2)	Tâm Vô Nhân (trừ Tiếu Sanh Tâm)	17 loại
(3)	Tâm Đại Thiện (Mahākusala Citta)	8 loại
(4)	Tâm Đại Quả (Mahāvipāka Citta)	8 loại
	Tổng cộng	45 loại

Mười Lăm Tâm Sắc Giới (Rūpāvacara Citta)

Năm loại Tâm Thiện:

(1) Tâm Thiện Sơ Thiền (1st Jhāna Kusala Citta) khởi lên cùng với năm thiền chi: Tầm (Vitakka) - Tứ (Vicāra) - Hỷ (Pīti) - Lạc (Sukha) và Nhất Tâm (Ekaggatā).

(2) Tâm Thiện Nhị Thiền (2nd Jhāna Kusala Citta) khởi lên cùng với bốn thiền chi: Tứ (Vicāra) - Hỷ (Pīti) - Lạc (Sukha) và Nhất Tâm (Ekaggatā).

(3) Tâm Thiện Tam Thiền (3rd Jhāna Kusala Citta) khởi lên cùng với ba thiền chi: Hỷ (Pīti) – Lạc (Sukha) và Nhất Tâm (Ekaggatā).

(4) Tâm Thiện Tứ Thiền (4th Jhāna Kusala Citta) khởi lên cùng với hai thiền chi: Lạc (Sukha) và Nhất Tâm (Ekaggatā).

(5) Tâm Thiện Ngũ Thiền (5th Jhāna Kusala Citta) khởi lên cùng với hai thiền chi: Xả (Upekkhā) và Nhất Tâm (Ekaggatā).

Theo cách này thì có năm loại Tâm Thiện thuộc Sắc Giới (Rūpāvacara Kusala Citta). Đấy là cách tính theo phương pháp Ngũ Thiền (Pañcaka). Tương tự, có năm loại Tâm Quả Sắc Giới (Rūpāvacara Vipāka Citta). Tuy nhiên, năm Tâm Quả này chỉ khởi lên ở cõi Sắc Giới tương ứng trong tiến trình tương tục của vị Phạm Thiên Sắc Giới (Rūpāvacara Bhrama) tương ưng, thực hiện nhiệm vụ Tâm Tục Sinh, Hữu Phần Tâm và Tử Tâm (Paṭisandhi, Bhavaṅga, Cuti Citta).

Đối với các vị A-la-hán chứng đắc Thiền Định, nghĩa là đã đắc các Thiền Sắc Giới, các bậc thiền đó được gọi là Duy Tác vì chúng hoàn toàn không thể tạo ra quả. Cũng có năm loại Tâm Duy Tác Sắc Giới (Rūpāvacara Kiriyā Citta). Như vậy, nếu tổng cộng lại thời có mười lăm loại Tâm Sắc Giới.

Nếu quý vị đắc một trong các bậc Thiền Sắc Giới này, thì bậc thiền đó được kể vào danh sách các đối tượng của Minh Sát Trí (Vipassāna Ñāṇa). Nếu quý vị đắc bốn bậc thiền Sắc Giới (nếu tính theo phương pháp Tứ Thiền), hoặc năm bậc Thiền Sắc Giới (nếu tính theo phương pháp Ngũ Thiền), thì tất cả các bậc Thiền đó sẽ được kể vào danh sách đối tượng của Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa) của quý vị.

Mười Hai Loại Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacara Citta)

Bốn loại Tâm Thiện:

(1) Tâm Thiện "Không Vô Biên Xứ" (Ākāsānañcāyatana Kusala Citta): tâm thiện được thiết lập trên khái niệm về đối tượng hư không vô biên.

(2) Tâm Thiện "Thức Vô Biên Xứ " (Viññāṇañcāyatana Kusala Citta): tâm thiện được thiết lập trên đối tượng là Thức của hư không vô biên (Ākāsānañcāyatana Viññāṇa object).

(3) Tâm Thiện "Vô Sở Hữu Xứ" (Ākiñcaññāyatana Kusala Citta): tâm thiện được thiết lập trên khái niệm về sự Phi Hữu (Natthi Bhāva, đó là sự vắng mặt đối tượng Thức của hư không vô biên [Ākāsānañcāyatana Viññāṇa Object]).

(4) Tâm Thiện "Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng" (N'eva Saññā N'āsaññāyatana Kusala Citta): tâm thiện chẳng phải là Tưởng và cũng chẳng phải là không có Tưởng; chỉ có loại Tưởng rất vi tế, chứ không có Tưởng thô.

Theo cách này thì có bốn loại Tâm Thiện thuộc Vô Sắc Giới. Tâm Quả (Vipāka Citta) của những tâm thiện đó cũng có bốn loại. Chúng là những Tâm Quả mà vốn chỉ có

thể khởi lên ở cõi Vô Sắc tương ứng trong tiến trình tương tục của vị Phạm Thiên Vô Sắc tương ưng. Nếu một vị A-la-hán đắc các thiền Vô Sắc thì những tầng thiền (Jhāna) đó được gọi là "Duy Tác" (Kiriya) bởi vì chúng không thể tạo ra quả. Theo cách này, bốn loại Tâm Thiện Vô Sắc Giới, cộng với bốn loại Tâm Quả Vô Sắc Giới và bốn loại Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới thành mười hai Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacara Citta). Nếu quý vị đắc các tầng Thiền Vô Sắc thì bốn loại Thiền Vô Sắc đó cũng được kể vào bảng liệt kê đối tượng của Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa) của quý vị. Vì thế, những đối tượng (Danh Pháp) của Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa) phần lớn có thể khởi lên nơi quý vị, một người đã đắc Thiền, (Jhāna lābhī) là 54 loại tâm sau:

(1)	Tâm Thiện Dục Giới (Kāmāvacara Citta)	45 loại
(2)	Tâm Thiền Thiện Sắc Giới (Rūpāvacara Jhāna Citta)	5 loại
(3)	Tâm Thiền Thiện Vô Sắc Giới (Arūpāvacara Jhāna Citta)	4 loại
	Tổng cộng	54 loại

Cộng 54 loại Tâm Dục Giới với 15 loại Tâm Sắc Giới và 12 loại Tâm Vô Sắc Giới tổng cộng có 81 loại Tâm được gọi là Tâm Hiệp Thế (Lokiya Citta), bởi vì chúng chỉ lưu chuyển lòng vòng và khởi lên trong 31 cõi thế gian thôi.

Tám Tâm Siêu Thế (Lokuttarā Citta)

Bốn loại Tâm Thánh Đạo

Có bốn loại Tâm Đạo đó là:

(1) Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm (Sotāpatti Magga Citta)
(2) Nhất Lai Thánh Đạo Tâm (Sakadāgāmi Magga Citta)
(3) Bất Lai Thánh Đạo Tâm (Anāgāmi Magga Citta)
(4) A-la-hán Thánh Đạo Tâm (Arahatta Magga Citta)

Bốn loại Tâm Thánh Quả

Có bốn loại Tâm Quả đó là:

(1) Nhập Lưu Thánh Quả Tâm (Sotāpatti Phala Citta)
(2) Nhất Lai Thánh Quả Tâm (Sakadāgāmi Phala Citta)
(3) Bất Lai Thánh Quả Tâm (Anāgāmi Phala Citta)
(4) A-la-hán Thánh Quả Tâm (Arahatta Phala Citta)

Đây là những Tâm Quả (Vipāka Citta) của những Thánh Đạo Tâm tương ưng.

Sau khi quý vị đã phân biệt các Tâm - Tâm Sở Hiệp Thế (Lokiya Citta - Cetasika) vốn có thể khởi lên nơi quý vị, cũng như các Sắc Pháp đã được trình bày ở phần Quán Sắc (Rūpa Kammaṭṭhāṇa) và sau đó đã tìm ra các nhân của các Danh Pháp và Sắc Pháp ấy, nếu quý vị cứ liên tục hành Minh Sát trên Tam Tướng của các Danh Pháp và Sắc Pháp đó cùng với các nhân của chúng, thời ở cuối của Minh Sát Trí, những Thánh Đạo Tuệ (Ariya Magga Ñāṇa) và Thánh Quả Tuệ (Ariya Phala Ñāṇa) ấy sẽ xuất hiện.

Nếu Thánh Đạo đạt được trong khi Thiền Minh Sát trên Danh Sắc Dục Giới, thì các Pháp (Dhamma) thuộc Thánh Đạo và Thánh Quả ấy là Thánh Đạo Sơ Thiền [1st Jhānika (Pathamajjhānika)] tức Thánh Đạo đồng sanh với Sơ Thiền Thánh Đạo (1st Jhānika Ariya Magga) và Sơ Thiền Thánh Quả (1st Jhānika Ariya Phala) tức Thánh Quả đồng sanh với Sơ Thiền. (Chú Giải Vi Diệu Pháp tập 1 trang 272, 273 Tạng Miến).

Lokuttaramaggo hi appanaṃ appato nāma natthi, tasmā rūpaṃ sammasitvā vuṭṭhitassa aṭṭhaṅgiko somanassasahagatamaggo hoti (Chú Giải Vi Diệu Pháp tập 1 trang 274).

Do đó, nếu Thánh Đạo được chứng đắc trong khi Thiền Minh Sát trên Danh Sắc Dục Giới, thì có Bát Thánh Đạo, Thất Giác Chi và Năm Chi Thiền. Tuy nhiên, những chi Thiền đó không có phải là chi Thiền Hiệp Thế, chúng chỉ là chi Thiền Siêu Thế. Điều đó có nghĩa rằng, Thánh Đạo ấy là Thánh Đạo Sơ Thiền Siêu Thế.

Bốn Mươi Tâm Siêu Thế (Lokuttarā Citta) Chi Tiết

(1) Nếu Thánh Đạo đạt được trong khi Thiền Minh Sát trên Danh Pháp của Sơ Thiền thì đó là Thánh Đạo Sơ Thiền và Thánh Quả Sơ Thiền.

(2) Nếu Thánh Đạo đạt được trong khi Thiền Minh Sát trên Danh Pháp của Nhị Thiền thì đó là Thánh Đạo Nhị Thiền và Thánh Quả Nhị Thiền.

(3) Nếu Thánh Đạo đạt được trong khi Thiền Minh Sát trên Danh Pháp của Tam Thiền thì đó là Thánh Đạo Tam Thiền và Thánh Quả Tam Thiền.

(4) Nếu Thánh Đạo đạt được trong khi Thiền Minh Sát trên Danh Pháp của Tứ Thiền thì đó là Thánh Đạo Tứ Thiền và Thánh Quả Tứ Thiền.

(5) Nếu Thánh Đạo đạt được trong khi Thiền Minh Sát trên Danh Pháp của Ngũ Thiền thì đó là Thánh Đạo Ngũ Thiền và Thánh Quả Ngũ Thiền.

Hơn nữa, nếu Thánh Đạo đạt được trong khi Thiền Minh Sát trên Danh Sắc Dục Giới, thời nó cũng là Thánh Đạo Sơ Thiền và Thánh Quả Sơ Thiền (1st Jhānika Ariya Magga và 1st Jhānika Ariya Phala). Như vậy, tổng cộng có 40 Tâm Siêu Thế chi tiết như sau:

(1) Năm loại Nhập Lưu Thánh Đạo và năm loại Nhập Lưu Thánh Quả.
(2) Năm loại Nhất Lai Thánh Đạo và năm loại Nhất Lai Thánh Quả.
(3) Năm loại Bất Lai Thánh Đạo và năm loại Bất Lai Thánh Quả.
(4) Năm loại A-la-hán Thánh Đạo và năm loại A-la-hán Thánh Quả.

Do đó, cộng 81 Tâm Hiệp Thế (Lokiya Citta) với 8 Tâm Siêu thế (Lokuttarā Citta) thì cả thảy có 89 loại tâm, nói gọn. Nếu tính chi tiết, cộng 81 Tâm Hiệp Thế (Lokiya Citta) với 40 Tâm Siêu Thế (Lokuttarā Citta) cả thảy có 121 loại tâm (tính theo phương pháp Ngũ Thiền)

PHÂN BIỆT DANH
(Nāma Kammaṭṭhāna)